

15 THÁNG 4 NĂM 1966

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

DUY *khai thông và củng cố* * ĐỖ TRỌNG HUỀ *trà với*
văn học và khoa học Tây phương * NGUYỄN VĂN
TRUNG *đặt lại vấn đề văn minh với Claude Lévi Strauss*
* MỘNG TRUNG *vấn đề hôn nhân dị chủng* * HỒ
TRƯỜNG AN *buổi tối êm đềm* * NGUYỄN ÁI LỮ
những người không chết * LÊ TẮT ĐIỀU *ngày nghỉ* *
SƠN NAM *Nguyễn Bình nhà thơ thời kháng chiến* *
MINH QUÂN — NGUYỄN NGU Í — PHAN PHỤNG
THẠCH *thơ* * TRÀNG THIÊN *thời sự văn nghệ* — 2 cuốn
sách về kỹ thuật nhiếp ảnh
* ĐÀO - QUANG - HUY
10 năm hạ bộ Staline *

223



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8è)

Số vốn sung dụng tại Việt Nam : VN\$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N° 27 - 04

TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018

Điện-tín : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON

Điện-thoại : 23.207

**ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN - DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG**

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime*



SERVICE

DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *American Express*
- *United States Line*

23, Ngô-Đức-Kế — Tél. 22.008 - 22. 618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St-Lazare — PARIS

VIÊT NAM	SAIGON	AGENCE	:	32., Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél. : 20.065, 20066, 20.067.
		BUREAUX	:	178, 180, 182, Đường Lê-Thánh- Tôn (Marche central)—Tél. : 22.142.
		—		415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél. : 25.172.
	CHOLON	: AGENCE	:	386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon)— Tél. : 39.105.
	KHANH-HUNG	: AGENCE	:	23, Đường Hoàng-Diệu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-
CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bán nguyệt san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ.T. 25.539 — H.T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả

Địa chỉ

Thời hạn mua (1)

bắt đầu từ

Thẻ thức trả tiền (2)

, ngày tháng năm 196

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

• Miền Nam

Một năm : 200\$

6 tháng : 100\$

• Miền Trung và Cao nguyên (cả cước phí máy bay)

Một năm : 230\$

6 tháng : 115\$

Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 200\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220\$ + số đặc biệt và số Tết 40\$ = 260\$).

— Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà thanh nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngộ-Châu) hoặc bưu-phiếu hay bưu-chi-phiếu gửi cho Tạp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục 27-46 Chánh Trung Khu chi phiếu Saigon (xin tại các Bưu cuộc thiếp phiếu mẫu số CH. 1418).

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 223 ngày 15 - 4 - 1966

DUY khai thông và củng cố	3
ĐỖ TRỌNG HUỀ trà với văn học và khoa học Tây phương	15
NGUYỄN VĂN TRUNG đặt lại vấn đề văn minh với Lévi Strauss	21
PHAN PHỤNG THẠCH năm tháng mù sương (thơ)	28
MỘNG-TRUNG vấn đề hôn nhân dị chủng	29
HỒ TRƯỜNG AN buổi tối êm đềm (truyện)	35
NGUYỄN ÁI LỮ những người không chết (truyện)	44
MINH QUÂN đặc ân thượng đế (thơ)	45
SƠN NAM vài kỷ niệm về nhà thơ Nguyễn Bính	53
NGUYỄN NGU Í tạ từ (thơ)	44
LÊ TẤT ĐIỀU ngày nghỉ (truyện)	59
SINH HOẠT TRÀNG-THIÊN thời sự văn nghệ	76
QUỐC THÁI sách kỹ thuật nhiếp ảnh của Cao Đàm và Cao Lĩnh	

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ : 19\$ Công sở Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

trong những số tới



De Gaule và O.I.A.N.

VŨ-BẢO

Một chánh sách thuế khóa

DUY

10 năm tạp chí

TRÀNG-THIÊN

Làm báo xưa và nay

LÊ-PHƯƠNG-CHI

Tâm Ca của Phạm-Duy

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Ai Cập trên đường Cách Mạng

ĐÔNG-TRIỀU

Điều trống « La Chamade » của F. Sagan

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Trở về thành phố (truyện ngắn)

TRẦN-ĐẠI

Người bệnh (truyện ngắn)

PHAN-HỮU

Tiền đồn (truyện dài)

THẾ-UYÊN

GIÁ BÁO DÀI HẠN TỪ 15-3-1966

• Miền Nam :

Một năm : 240đ.

Nửa năm : 120đ.

• Miền Trung và Cao nguyên :
(cả cước phí máy bay)

Một năm : 270đ.

Nửa năm : 135đ.

Những bạn mua dài hạn từ trước mà chưa kịp thanh toán sẽ hưởng giá cũ cho tới số 220 (1-3-66).

GIÁ MỖI SỐ : 12\$ — CÔNG SỞ : GIÁ GẤP ĐÔI

KHAI THÔNG và CÙNG CỎ

DUY

Ông Âu-trường-Thanh là một giáo-sư đại-học xuất sắc, nhất là về các vấn đề tài chánh, thuế khóa. Ông lại có một đầu óc xã hội rõ rệt, nghĩa là muốn phục vụ và nâng cao quyền lợi của đại đa số nhân dân, xóa bỏ dần những bất công xã hội.

Giáo sư Âu-trường-Thanh đã từng làm Tổng thư ký Phòng Thương Mại Saigon, đã mở phòng cố vấn về kế toán, thuế vụ, tài chánh cho các thương gia, nên am hiểu tường tận về guồng máy thương mại nước nhà.

Ngày nay, trong địa vị Tổng Ủy viên kinh tế và tài chánh, giáo sư Âu-trường-Thanh có thể phối hợp các biện pháp kinh tế và tài chánh, thuế vụ, cho hợp lý tránh được mọi cảnh 'trống đánh xuôi kèn thổi ngược' thường diễn ra giữa hai khu vực kinh tế và tài chánh.

Vì giáo sư Âu-trường-Thanh hội được đủ điều kiện về khả năng chuyên môn kinh nghiệm thực tiễn, đầu óc xã hội, cũng như về tổ chức công quyền, nên người dân có quyền kỳ vọng và đòi hỏi

ở Giáo sư Tổng Ủy viên Kinh tế, Tài chánh, không những một chính sách kinh tế phục vụ quyền lợi Đại chúng mà còn đòi hỏi những chiến thuật, nghĩa là những biện pháp giai đoạn, đỡ đau đớn nhất, trong hoàn cảnh chiến tranh du kích này, để thực hiện mục phiêu tối cao đã đề ra.

Cho nên, khi Giáo sư Âu-trường-Thanh đưa ra một kế hoạch để cải thiện nền kinh tế đương bị sáo trộn, một niềm phấn khởi và tin tưởng mạnh mẽ đã được gieo vào lòng người dân đau khổ vì vật giá chạy đua, vì đạo đức suy đồi, vì đời sống cùng cực càng bị đất thêm bên cạnh sự hoang phí của ngoại nhân và những kẻ làm giàu bất chính.

Trong các biện pháp khai thông, quan trọng nhất là vấn đề cấp giấy phép nhập cảng. Về thủ tục cấp giấy phép ông Tổng Ủy viên đã hứa sẽ giải quyết trong ba ngày. Thương gia khi xưa, có năm mơ cũng không dám mơ tưởng đến biện pháp tốt đẹp như vậy.

Đã có những xí nghiệp kỹ nghệ biến

chế nông phẩm được ưu tiên số một, muốn xin mua vài đồ phụ tùng máy móc, mà năm này qua năm khác, không sao xin được giấy phép nhập cảng, đến nỗi cả một bộ máy to lớn, phải để « ăn banh » nằm không, chờ đợi phụ tùng mua chợ đen và gửi về Saigon theo lối nhập cảng không ngoại tệ như một « món quà » của bà con ở ngoại quốc.

Có điều người dân không hiểu, là thấy ông Tổng Ủy viên, sau khi giải thích, máy móc mua ở các nơi khác như Nhật-Bản, Đức, Ý thường rẻ hơn ở Mỹ, và lại đi đến kết luận : muốn mua hàng ở các nơi đó ngoài hối xuất 35 đ., và phân xuất quân bình 25 đ., cộng là 60 đ., kỹ nghệ gia còn phải trả thêm một thuế xuất chi chi nữa, trên hai mươi đồng.

Ai cũng biết kỹ nghệ hóa là đường lối duy nhất để đưa nước nhà tới nền kinh tế tự túc, phồn thịnh, và chính phủ cho các kỹ nghệ đầu tư được hưởng mọi khoản ưu đãi. Vậy tại sao mua máy móc ở những nơi rẻ tiền lại phải thêm thuế xuất đặc biệt. Có chuyện mâu thuẫn gì chăng ? Hay tại cơ quan ngoại viện bắt buộc như vậy ? Giả thuyết này không thể tồn tại, vì mục đích của ngoại viện đã được long trọng xác nhận tại Hội nghị Honolulu, là ổn định kinh tế, tranh thủ nhân tâm, nghĩa là nâng cao mức sống của toàn dân Việt Nam tự do. Nói cách khác, là phải kỹ nghệ hóa, phải nhập cảng máy móc rẻ tiền.

Có lẽ nói đến giấy phép nhập cảng là phải đề cập luôn tới thủ tục ngoại viện. Hồi trước, các ông Nghị viên Đô thành đã mở xẻ vấn đề ngoại viện thương mại. Sau đó, Bộ Kinh tế có lên tiếng, xin thông cảm để tránh những điều ngộ nhận. Cuộc đả thông tư tưởng đến đó là ngưng, và thực ra, người dân vẫn chưa hiểu, trong các điểm nhận xét của các ông Nghị viên, điểm nào đúng, điểm nào sai, và Bộ Kinh tế đã thắng lợi những gì, trong cuộc tranh đấu để sửa đổi thủ tục ngoại viện.

Giờ đã điểm để ông Tân Tổng Ủy Viên, trấn an nhân tâm và công bố những thắng lợi do Chính phủ đạt được tại hội nghị Honolulu trong phương diện kinh tế và nhất là sự điều chỉnh chính sách viện trợ của Mỹ nói chung, đối với các quốc gia nhược tiểu, chậm tiến, cho thích hợp với hoàn cảnh nước Việt Nam, ở vào tiền đồn chống du kích Cộng sản, nói riêng.

Vấn đề chính, là làm sao tiêu thụ hết trên năm trăm triệu Mỹ kim viện trợ thương mại. Có tiêu thụ hết ngân khoản viện trợ mới biến Mỹ Kim thành hàng hóa chảy ngập miền Nam nước Việt, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân. Biến Mỹ-kim thành phương tiện chuyên chở, máy bay, xe cộ, tàu bè, để khỏi có những cảnh cá đắt như vàng, mà đem tàu đánh cá, thuyền đánh cá ra chuyên chở hàng hóa, kể cả các hàng hóa có lợi ích quân sự cho Quân đội Mỹ. Biến Mỹ-kim thành nhà máy, phương tiện sản xuất, để khai

thác tất cả các tiềm năng quốc gia, nâng cao lợi tức quốc gia, và thúc đẩy kỹ nghệ nông nghiệp tiến tới.

Ngoại viện được chia ra thành ngân khoản cho mỗi loại hàng hóa nhập cảng. Cuối năm, nếu chưa dùng hết ngân khoản, tất phải hoàn lại cho quốc gia viện trợ. Như vậy có ích gì cho nhân dân đâu.

Muốn tiêu thụ cho hết ngoại viện, hàng hóa nhập cảng vào trong nước phải bán với giá hợp túi tiền của người tiêu thụ. Bán đắt quá, người dân sẽ không mua nữa, và kết quả vẫn là không xử dụng hết ngân khoản viện trợ.

Nếu vì nhu cầu khẩn thiết người dân phải mua loại hàng đó, bất kể giá nào—tỷ dụ thuốc men—tất nhiên ngân sách gia đình phải thâm thủng người dân lại phải hạn chế tiêu thụ các hàng hóa khác. Rốt cuộc, tổng số ngoại viện hàng năm sẽ không được tiêu thụ hết.

Bởi vậy, giá cả hàng hóa là một yếu tố quyết định khiến cho ngoại viện có thể phát sinh ra các hậu quả mong muốn, giúp đỡ cho nhân dân hay không.

Một chiếc xe gắn máy, hồi năm 1957, giá năm ngàn và xe Lambretta, mười lăm ngàn. Lại sao hồi xuất Mỹ-kim không thay đổi, mà ngày nay giá chính thức của xe gắn máy là 12 ngàn và xe Lambretta là 62 ngàn. Tại sao tăng giá trên 200 phần trăm đối với xe gắn máy và 400 phần trăm đối với xe Lambretta? Chính phủ mệnh danh là « của người nghèo » tại sao lại tăng giá các phương

tiện di chuyển của « dân nghèo ». Ngoại viện đã tăng tới mức dồi dào, không tiêu thụ hết, hồi xuất chánh thức vẫn giữ vững không thay đổi cũng như lương bổng của công chức, tư chức, hưu bổng không nhúc nhích, tại sao giá hàng hóa hầu hết các loại nhập cảng đều tăng cao?

Điều này, người dân rất thắc mắc và không sao móc nối được với tinh thần Hội nghị Honolulu. Nếu nói rằng nhu cầu ngân sách tăng cao, thì đó, ngoại viện đã từ 150 triệu lên tới 600 triệu rồi. Vậy tiền thầu cũng phải tăng từ 15 tỷ, lên 60 tỷ. Có cần gì phải tăng thêm thuế cho đời sống thêm đắt đỏ?

Các chuyên viên kinh-tế quốc-tế, nghiên cứu tới tình trạng mở mang của các quốc-gia chậm tiến Á-Phi, có khuyến cáo, nếu tốp bớt sự sinh đẻ, sẽ bắt kịp các nước Âu Mỹ phân nửa thời-gian, thay vì 135 năm cần thiết.

Người dân thiết nghĩ nếu ông Đồng Ủy viên Kinh tế Tài-chánh tốp bớt sự tăng các phân xuất quân binh, bỏ luôn được phân xuất 5/7 càng tốt hơn, nhất định sẽ giảm bớt được nửa thời gian cần thiết để chiến thắng du kích Cộng sản.

Khi xưa, người ta thường chế diễu trong lòng mỗi người Việt-Nam đều có một « ông quan », Bây giờ, lòng dân chỉ ấp ủ một điều mong ước là giá cả hàng hóa nhập cảng lại trở về mức 1956-1957. Khi đó, hồi xuất 35 đồng một Mỹ-kim mới làm tròn được nhiệm

vụ chính trị là tranh thủ nhân tâm. Và khi lòng dân đã ủng hộ nhiệt thành chính phủ, tất nhiên sự chiến thắng du kích Cộng sản phá hoại sẽ thực hiện được trong thời gian kỷ lục. Và sự tốc chiến tốc thắng e rằng còn mau hơn là gấp đôi nhiều.

Trong giai đoạn củng cố, Giáo sư Âu trường Thanh phân chia thành ba loại biện pháp.

Nhưng tựu nghị căn bản.

Nhân dân có quyền đòi hỏi Chính phủ phải thỏa mãn những tiện nghi căn bản: chuyên chở công cộng, điện và nước.

Vấn đề xe buýt.— Với sự can đảm nhìn thẳng vào sự vật, vốn dĩ vẫn là ưu điểm của nội các chiến tranh, Giáo sư Âu trường Thanh đã diễn tả bằng một giọng nồng nhiệt, thảm cảnh của dân Đô thành khi phải dùng xe Công quản chuyên chở.

Đề giải quyết vấn đề, Chính phủ Đức sẽ viện trợ máy xe và có xưởng sửa chữa. Ngoài ra, một số lộ trình sẽ được dành riêng cho tư nhân khai thác.

Không cần phải đi sâu vào chi tiết cũng thấy ngay các biện pháp đề ra không thỏa mãn được nhu cầu chuyên chở của nhân dân Đô thành. Khéo lắm là cải thiện được phần nào tình trạng bế tắc của Công quản chuyên chở.

Vì sự lố nhều, mỗi ngày Công quản lại giảm bớt hoạt động chuyên chở. Đó là một quan niệm hết sức sai

lầm. Đã là một xí nghiệp phục vụ lợi ích công cộng dầu có lỗ cũng phải hoạt động, có tổn tiền cũng không thể hà tiện được. Ngân sách là do toàn dân đóng góp, xử dụng xe buýt lại là đa số dân nghèo. Vậy nếu người giàu có phải đóng thêm đôi chút để phục vụ cho nhu cầu của dân nghèo, thời « Chính Phủ của dân nghèo » đâu có từ chối không lấy ngân sách phụ cấp thêm cho Công quản để có phương tiện hoạt động ?

Còn sáng kiến của tư nhân ? Không dễ gì, trong hoàn cảnh kinh tế hiện đại mà có người dám hoàng, đứng đắn dám bỏ vốn ra, để mua xe, lập xưởng sửa chữa, và khai thác các lộ trình đã bị công quản chuyên chở gạt ra ngoài vì xương xẩu quá.

Chắc chắn trong 6 tháng, trong một năm nữa, tình trạng xe buýt vẫn chưa được cải thiện nhiều, và sự chuyên chở trong Đô thành không thể hoàn toàn trông mong vào xe buýt. Họa chăng, nếu có xe điện ngầm dưới đất, hoặc xe điện treo trên trời...

Biện pháp cấp thời vẫn là nhập cảng cho thật nhiều xe « lam » ba bánh, cho chạy khắp nẻo đường để thay thế cho xích lô máy và dùng phương tiện tư nhân để xê dịch. Dĩ nhiên, phải trở lại các giá biểu cũ, 5 ngàn xe gắn máy, 15 ngàn xe scooter, và 40 ngàn, xe hai ngựa hoặc xe vespa «400».

Điện nước.— Chính phủ đã không tiên liệu được việc phá hoại của du kích Cộng

sản đề hoạch định những biện pháp cấp thời thay thế, thời chỉ còn có việc nhập cảng thêm nhà máy nhiệt điện và đào thêm giếng lấy nước. Người dân chỉ vá trời cho con rùa hành chánh đi mau mau một chút, cho máy móc sớm về, sớm thiết bị, sớm hoạt động. Nghe nói có những nhà máy điện lưu động, có thể đem cho thuê mượn từ quốc gia này qua quốc gia khác. Nếu mượn được, có lẽ còn lợi hơn là mua những nhà máy, hai ba chục ngàn KVA công suất, mà sau này sẽ bỏ phí, khi vấn đề an ninh và xử dụng được điện lực Đa-Nhim. Hoặc giả chính phủ cũng có thể giúp cho tư nhân nhập cảng các máy điện nhỏ chừng 2500 KVA để bán điện cho từng khu phố, và khi nào hòa bình có thể đem về các thị trấn thôn quê để điện khí hóa.

Quân bình sự cung cầu về sản phẩm nội địa

Loại biện pháp củng cố thứ hai, nhằm cung cấp cho thị trường các sản phẩm nội địa, khuyến khích sự sản xuất về kỹ nghệ và nông nghiệp.

Vì kỹ nghệ của nước ta còn thô sơ nên chương trình khuyến khích kỹ nghệ là một chương trình lâu dài, không thể cấp thời có ảnh hưởng sâu đậm trên mức sống của nhân dân.

Vấn đề chính vẫn là sản phẩm canh nông. Nhưng, ngoại trừ nhiệm vụ thông thường, như là tăng thêm diện tích và năng xuất ruộng lúa, Bộ Canh nông không đưa ra được một sáng kiến gì để điều

hòa việc tiếp tế cho các Đô thị. Việc thiết lập vòng đai rau cải chung quanh Đô thành, không chắc là đã đem lại được kết quả mong muốn. Vì diện tích nào có thể trồng hoa màu thì nhân dân các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Bình Dương, Định Tường, Hậu Nghĩa cũng đã trồng trọt rồi. Nếu trồng rau cải, thời lại bỏ các hoa màu khác, nên khó lòng mà cung cấp thêm rau cỏ cho Đô thành.

SÁCH MỚI

Bách-Khoa Thời-đại đã nhận được:

— **Việt-Nam, Việt-Nam** số 1 tháng 3 1966 nhóm chủ biên gồm có: Lê văn Hảo, Nguyễn khắc Túy, L. Trần Nam, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Lê Trường Sơn, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hà Trung Tiến, Lê từ Thành. In ronéo 2 mặt, dày 110 trang khổ 21 x 26 « trình bày tài liệu quan điểm về chiến tranh V.N » Giá 100đ.

— **Thương hoài ngàn năm** tập truyện của Võ-Phiến, do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 130 trang, gồm 3 truyện, in lần thứ hai có thêm hai phụ bản của họa sĩ Phạm-Tăng. Giá 40đ.

— **Giá trị Triết học Tôn-giáo** trong truyện Kiều của T.T. Thích Thiện-Ân, do Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 90 trang, trình bày bản thuyết trình của T.T. Thích-Thiện-Ân; trong dịp kỷ niệm 200 năm thi hào Nguyễn Du, có bài tường thuật trên V.T.X. « thay lời giới thiệu ». Bản đặc biệt không đề giá.

Người dân thiết nghĩ, muốn cung cấp rau cho Đô thành, phải bảo đảm được đường giao thông với Đalat. Nghĩa là, phải thiết lập lại, với bất cứ giá nào, đường xe lửa Saigon—Nhatrang. Hiện nay, du kích cộng sản phá hoại thường xuyên trong Rừng Lá, nên sự giao thông giữa Long Khánh và Phan Thiết phải gián đoạn. Dân chúng thường nhận xét người Mỹ có sẵn máy bay di chuyển không cần đến đường lộ, nên không chú trọng tới việc bảo vệ các trục giao thông. Lời phê bình trên đây bao hàm sự trách móc người Mỹ quá ích kỷ, không nghĩ đến quyền lợi nhân dân VN. Vì tái lập được thiết lộ trên Rừng Lá, là điều hòa được sự tiếp tế từ vựa rau Đalat xuống Đô thành và đem lúa gạo hàng hóa từ miền Nam lên Cao nguyên và ra các tỉnh duyên hải hiệu bến tàu.

Hơn nữa, với công cuộc dẫn thủy nhập điền, 10 ngàn mẫu hoa màu Phan-Rang (1) sẽ trở thành vườn rau quan trọng nhất của miền Nam nước Việt, có thể xuất-cảng rau tươi từ Hồng-Kông qua Tân-gia-Ba, và các miền phụ cận.

Ngoài ra, Bộ Canh Nông cũng nên thiết lập các xưởng kỹ nghệ để sấy khô rau củ như ở Đài-Loan, và đóng vào bao nylon như trà tàu. Khi đem ngâm rau khô vào trong nước lạnh, ba giờ đồng hồ sau, rau trở lại thành hình rau tươi như cũ để đem xào nấu. Rau khô có thể đem xuất cảng, với một thị trường tiêu thụ rộng lớn, hoặc để dành quanh năm, hoặc tiếp tế cho các đô thị khi giao thông khó khăn. Máy móc trang bị cơ xưởng

rất giản dị, và chỉ cần một tháng để thiết lập một nhà máy.

Vấn đề lập vòng đai chăn nuôi quanh Đô-thành cũng không thể phó thác cho sáng-kiến tư-nhân, vì một lẽ rất giản dị là muốn thiết lập một trại nuôi heo, có thể cung cấp mỗi ngày một trăm con cho lò sát sinh, cũng cần phải có một số vốn là 30 triệu đồng. Kiếm được một nhà tư bản chịu đầu tư số tiền đó, để trở thành anh lái heo, không phải là chuyện dễ dàng. Bởi vậy, chỉ có Bộ Canh Nông là có thể đứng ra để lập các trại nuôi heo, nuôi gà. Bộ có thể vay tiền dễ dàng của Nông tín cuộc để thiết lập các xí nghiệp và sau khi cơ sở đã chạy đều và có lợi, sẽ bán dần cổ phần cho tư nhân khai thác. Nếu tư nhân đứng ra vay tiền nông tín cuộc, lại là chuyện không bao giờ thực hiện được với tất cả các thủ-tục phiền-phức, và các bảo đảm về người, về tài sản quá khó khăn.

Biện pháp thuế vụ chống lạm phát

Trong khuôn-khò các biện-pháp cũng

(1) Phan Rang là một tỉnh « khô rang » vì phía Tây là một dãy núi chắn như bức bình phong, khiến cho nước nguồn Đalat không chảy xuống cánh đồng rộng cả mười ngàn mẫu Tây, đất rất phì nhiêu, nhưng quanh năm cháy nắng. Nhờ đập Damhim ngăn nước suối lại và có ống cống xuyên qua núi để chạy nhà máy thủy điện, nước dùng rồi được dẫn về đồng bằng tỉnh Phan-Rang. Chỉ cần thiết-lập một hệ-thống sông đào để phân phối nước cho đồng đều, các cánh đồng hiện giờ bỏ không sẽ trở nên ruộng mẫu phì nhiêu, có thể trồng cà chua, hành, tất cả các thứ rau dưa, một năm tới ba mùa.

cổ biện pháp thuế vụ, có một tầm quan trọng đặc biệt, vì ảnh hưởng trực tiếp ngay đến đời sống của mỗi tầng lớp dân chúng cũng như ảnh hưởng đến đời sống kinh tế quốc gia.

Bởi vậy không kể đến tính chất nặng hay nhẹ, không kể đến tầng lớp nào trong xã hội phải chịu đựng — thuế má thường giống như nước đổ xuống đất, mặc dầu đổ chỗ nào, rồi cũng ngấm tùm lum dưới mặt đất, rất khó mà nhìn thấy sự thâm-nhập lan rộng tới đâu — việc ban hành nhiều sắc thuế mới, tự nó cũng đã có tính cách trầm-trọng.

Thoạt kỳ thủy dường như tăng thêm thuế có mâu thuẫn với chủ-trương ổn-định kinh tế của Chính phủ chiến tranh và quyết-định cải-thiện đời sống xã-hội của Hội nghị Honolulu. Người dân không hiểu thấu vấn-đề chỉ nhìn vào thuế xuất tăng cao, không khỏi la làng rằng « sưu cao, thuế nặng. »

Thật ra, biện pháp tăng thuế vốn là giải pháp cổ điển để chống nạn lạm phát. Khi tiền bạc lưu hành quá nhiều trong xã hội sáo trộn vì chiến tranh, hoặc vì kinh-tế khủng hoảng, nhà cầm quyền thường nghĩ đến tăng thuế, để thu bớt trở lại một số lợi tức của tư nhân. Đó cũng là trường-hợp của Hoa-kỳ hiện nay.

Theo tin tức báo chí, Tổng Thống Johnson đương suy nghĩ, xem « có nên tăng thêm thuế » chừng 3 hay 7 phần trăm để đối phó với nạn lạm phát vừa phát sinh sau cuộc tham chiến mạnh mẽ của quân đội Mỹ tại Việt Nam ».

Cam trồng ở California thì ngọt mà đem trồng qua Việt-Nam (chưa nói đến chua hay ngọt), không biết có ra trái hay không ? Từ thời Đông Châu Liệt Quốc, với Ấn Anh, người ta đã biết hoài nghi một chính sách hay ở nước này, đem áp dụng qua nước khác, không biết có còn giá trị gì không ? Bên Mỹ thì thái bình thịnh trị, nền kinh tế chưa bao giờ tốt đẹp cho bằng, nạn thất nghiệp kinh niên hầu như biến hẳn, vậy mà Tổng Thống Johnson còn lo phản ứng nhân dân khi tăng thêm thuế má. Nữa là trong nước ta, đại đa số nhân dân chỉ trông mong vào lợi tức và đồng lương cố định, vật giá lại lên cao đến mức đầy ắp bình chứa rồi, chỉ còn đợi có giọt nước cuối cùng để phá bờ tràn ngập ra ngoài. Ai có điên gì mà đổ dầu vào lửa, tăng thêm thuế má để gây lòng căm phẫn cho nhân dân ?

Nếu giáo sư Âu trường Thanh phải chủ trương tăng thuế xuất quân binh, đánh vào hàng nhập cảng và hàng sản xuất trong nước, kể cả thuốc lá, diêm quẹt rượu bia, nước ngọt (theo nguồn tin của báo Đất Tỏ) âu cũng là một sự vạn bất đắc dĩ. Chỉ vì ngân sách quốc gia thâm thủng tới 20 tỉ, muốn tránh việc in đại giấy bạc ra mà tiêu nên mới phải : *đánh thêm nhiều thuế mới, tăng thêm nhiều thuế cũ* (Báo Chính Luận).

Tại sao Ngân sách Quốc gia thâm thủng tới 20 tỷ bạc ? Dễ hiểu quá : vì gánh nặng chiến tranh. Tới đây, người dân mới choáng váng tự hỏi. Thế còn

những lời tuyên bố của Mỹ, viện trợ thương mại 650 triệu Mỹ-kim cho Việt-Nam để quân binh Ngân sách ?

Nếu sử dụng hết viện trợ thương mại, theo các thuế xuất rất thấp hồi 1958, khi mà hộp sữa bán 8 đồng cũng khó kiếm người mua, thời Quỹ đổi giá cũng có 60 tỷ bạc, thừa thãi để đối phó với các nhu cầu an ninh. Tại sao còn bắt nhân dân Việt Nam chịu đựng gánh nặng chiến tranh ? Vì đánh thêm thuế, để trám sự thâm thủng, tức là bắt nhân dân phải gánh vác chi phí chiến tranh, một gánh nặng mà Đại cường quốc Pháp cũng không chịu đựng nổi, nếu không được Mỹ giúp cho cả mấy tỷ Mỹ-kim từ năm 1949 đến 1954.

Muốn chống nạn lạm phát, muốn quân binh ngân sách Quốc gia, chỉ có một giải pháp duy nhất : nhập cảng hàng hóa thật nhiều, và sử dụng toàn bộ viện trợ thương mại. Và muốn nhân dân có thể dùng hết ngoại viện, hãy áp dụng đúng hối xuất 35 đồng, và bỏ hết các phân xuất quân binh giả dối. Hàng hóa tràn ngập thị trường, sữa 8 đồng một hộp, gạo 500 đồng một bao, xe gắn máy 5 ngàn một chiếc, thời tự nhiên sẽ đắc nhân tâm.

Nói đến những giá cả trên đây, người dân thấy xa xăm như thời Nghiêu Thuấn, quên hẳn rằng, đó là những giá cả thực tế, còn áp dụng trong những năm rất gần gũi. Người dân chỉ đau đớn, khi nghĩ rằng thời Nghiêu Thuấn đó Chính phủ chiến tranh, có

thể thực hiện ngay được, và chỉ cần ra một đạo luật, xóa bỏ các phân xuất quân binh.

Nước người ta, nếu được mấy trăm ngàn khách ngoại quốc tới chi tiêu như « Mỹ » thì rất là vui mừng còn trái lại, trong nước mình, thời báo chí lên tiếng kêu ca mĩ mai hoài, dân chúng nhiều nơi còn biểu tình phản đối nữa. Lỗi tại ai ? Không phải là lỗi ở người Mỹ, mà cũng không phải là lỗi ở nhân dân Việt-Nam. Lỗi chính là ở những lề luật lỗi thời không cho phép nhập cảng hàng hóa cho nhiều và bắt hối xuất chính thức phải gánh biết bao những đảm phụ quái dị. Người ta thường quên rằng hối xuất 35 đồng, có một tính chất chính trị rõ rệt. Và phải ấn định là 35 đồng, để nước Việt-Nam có hoàn cảnh thuận lợi, giữ vững mức sống của nhân dân, phát triển kỹ nghệ về nông nghiệp, chiến thắng được Cộng sản trên mặt trận kinh tế.

Nếu bắt hối xuất chính thức phải mang thêm một «lô» các đảm phụ và phân xuất phụ, thời mất hết cả tính chất chính trị của hối xuất 35 đồng.

Cũng như cho một người cái xe máy để đi cho nhanh mà trên bánh trước, bánh sau, trên khung, trên cổ đều treo thêm túi cát, tất cái xe phải lăn kèn và người đi xe phải té nhào.

Ngay trong phạm vi thuế khóa thuần túy, nếu có những nguyên tắc không ai chối cãi được thời cũng có những lợi ích lâu dài mà nhà cầm quyền phải sáng suốt bảo vệ.

Nằm ở bên cạnh khối Cộng sản đông đảo và giữa những quốc gia nhược tiểu, chậm tiến, nước Việt Nam không thể đi theo đường lối tư bản, hoặc đường lối dân chủ tự do Âu châu. Đường lối sinh tồn của dân tộc Việt-nam là đường lối dân chủ xã hội. Cho nên trên bình diện kinh tế, hai tính chất quan trọng nhất là đại chúng và dân tộc. Vậy nguyên tắc căn bản về thuế khóa là người giàu phải đóng góp nhiều hơn, để Quốc gia có thể dùng ngân sách mà phân phối thêm lợi tức cho người nghèo.

Nhưng xã hội chỉ tiến bộ, khi kinh tế phát triển, lợi tức Quốc gia tăng tiến. số người giàu và người trung lưu ngày càng tăng thêm, số người nghèo ngày càng rút bớt. Nếu luật lệ về thuế vụ làm cản trở bước tiến kinh tế của dân tộc, chúng ta phải có can đảm sửa đổi luật lệ. Đối với những quốc gia chậm tiến, không những ở Á Phi, và ngay cả Nam Mỹ, vấn đề quan trọng là vấn đề xây cất. Phải khuyến khích xây cất cho nhiều nhà, để hữu sản hóa giai cấp tiểu tư sản đông đảo. Muốn vậy, phải giảm bớt các thuế bán nhà cửa, đất đai, xuống 30% như ở Hồng Kông hay cao lắm là 90% như ở Nam Mỹ. Nếu cứ bo bo giữ lại những luật lệ lỗi thời của Pháp với thuế xuất 180% cộng thêm các phí tổn chường khế, thì bao giờ người nghèo mới có nhà ở.

Lợi ích lâu dài của nước Việt Nam là khuyến khích cho dân chúng xây cất

thật nhiều nhà cửa. Xây cất thêm được bao nhiêu nhà, là nước giàu thêm bấy nhiêu cửa.

Vậy đánh thuế 40 0/0 trên giá cho thuê nhà quá đáng có chính đáng không? Lấy của người giàu để góp vào Ngân sách Quốc gia, bao giờ chả chính đáng. Nhưng thiếu gì cách đánh thuế. Vả lại, chúng ta đã có thuế lợi tức và tổng hợp lợi tức rồi. Càng giàu bao nhiêu, càng phải gánh nhiều thuế lũy tiến bấy nhiêu. Vậy có gì trái ngược với đầu óc xã hội đâu? Cứ để cho chủ nhà thâu thật nhiều tiền, rồi đánh thuế lợi tức lũy tiến. Ngân sách quốc gia vẫn không bị thiệt, mà chính sách thuế khóa lại văn minh công bằng hơn. Những tiểu công chức tiểu tư chức, tiểu thương, tiểu chủ, dành dụm suốt đời, làm được một căn nhà nhỏ để dưỡng lão, nếu có vì thời thế, mà trong vài năm, cho Mỹ thuê được mười, mười hai ngàn, lấy tiền nuôi con cái ăn học hàng tháng, sẽ không phải chịu đựng một thứ thuế, mà đối với họ rất bất công.

Vả lại cho thuê nhà cao giá chỉ là một tình trạng lâm thời, nó khuyến khích được tư nhân dành dụm tiền để xây cất thêm nhà. Khi nào số nhà xây thêm thỏa mãn được mức cầu, giá thuê nhà sẽ hạ xuống mức bình thường. Chính phủ không nên đánh thuế 40⁰/0, vì biện pháp này chính là "giết gà để trứng vàng".

Giả tí như Mỹ Tho, Long Xuyên không trồng cà chua, và Trảng Bàng bán được 20 đồng một kí, ăn lời 12 đồng,

thời Chính phủ nên đánh thuế Trảng Bàng 10 đồng một kí giữ vững giá thị trường 20 đồng, hay là nên đề cho Mỹ Tho, Long Xuyên đưa đòi trồng cà chua và hạ giá thị trường xuống 10 đồng một kí ?

Tại sao chính sách áp dụng với cà chua lại không thể áp dụng cho nhà cửa ? Trong khi nước Việt Nam còn thiếu rất nhiều nhà cửa, và thừa rất nhiều luật lệ để đánh thuế lũy tiến các người nhiều hoa lợi ? Phải chăng thuế má càng văn minh, càng công bằng, càng nhân đạo, càng khó thu, và nhà cầm quyền vẫn tra dùng những giải pháp lười biếng dễ dàng hơn cả ?

Một vấn đề hết sức tương tự là phân xuất quân binh và thuế lưu hành xe tự động. Phải chăng tất cả các người sử dụng xe hơi đều là có nhiều lợi tức ? Một ngàn người mua xe, dùng xe, thời có một ngàn hoàn cảnh khác nhau. Ở Saigon này, nhiều người dùng xe hơi mà khóc thầm trong bụng. Ngoài Bắc, người dân thành thị cần nhà ở hơn là cần xe đi (ấy là nói hồi chưa sống dưới chế độ Cộng sản). Trái lại, người dân Saigon ưa sắm cái xe trước đã, rồi ở bấy bà nhà tôn nhà lá gì cũng được. Còn người buôn bán, càng thiếu tiền, càng phải đi xe Huê Kỳ, vì có đi xe lớn mới có bề thế để dễ vay tiền. Các tình trạng nửa cười, nửa mếu này là hậu quả của hối xuất chính trị, 1 đồng = 17 phật lạng Pháp và 35 đồng = 1 Mỹ kim, sau hai mươi năm chiến tranh. Tại sao không chấm dứt ? Nên, thì nên lắm, nhưng có thể một lúc mà

chấm dứt được không, khi mà quốc gia còn lâm vào vòng khốn lửa, và nhân tâm còn phải tranh thủ ? Người đứng ngoài bao giờ cũng sáng suốt, nhưng còn người ở trong vòng ?

Người ta thường hỏi công tư chức, tại sao phải vay nợ Chà cả mấy chục triệu đồng để khổ sở về nạn xanh xít đít đui ? Sao không ráng bớt tiêu đi, để dành tiền trả nợ. Nhưng có sống ba cọc ba đồng, ngày 20 đã cạn tiền chợ mới hiểu nỗi khổ tâm của người vay nợ Chà. Tất cả những người sử dụng xe tự động không phải là Vương Khải, Thạch Sùng và nếu có người nào nhiều lợi tức, xin Chính phủ cứ dùng thuế lũy tiến để bắt các lợi tức lớn phải góp phần nhiều hơn vào Ngân sách Quốc gia.

Tóm tắt lại, lúc này không phải là thời cơ thuận tiện để đặt thêm thuế mới, hoặc tăng thêm thuế cũ nào.

Đúng theo lời ông Tổng Ủy viên Kinh Tế Tài Chánh « giá cả không còn tranh đua leo thang nữa ». Giá cả đã tụt lại, nhưng tụt ở mức thịt 180—200 đồng, hột vịt 4đ, hột gà 5đ, rau muống 4đ, mì « maison » Laga 40đ một tô.

Nước không lên nữa, nhưng nước vẫn còn ngập ngang cổ và dè chặt trên phôi người dân có lợi tức cố định. Nếu Chính phủ tăng thêm thuế quân binh, đặt ra các thuế mới, để quân binh ngân sách, vô hình chung gánh nặng chiến tranh sẽ dè chặt trên vai người dân Việt Nam. Với các vùng bị địch

kiểm soát, với các vùng «xôi đậu» bị chiến tranh tàn phá, với những đường giao thông luôn luôn bị phá hoại, với những sản phẩm xuất cảng bị xút xuống mức không, và cả dưới mức không nữa vì phải nhập cảng gạo, heo v.v... chúng ta có thể chịu đựng được gánh nặng chiến tranh hay không?

Ngược lại, nếu Chính phủ bỏ hết thuế quân bình, tận dụng ngoại viện thương mại, đời sống kinh tế sẽ trở lại dễ dàng, và phồn thịnh như chưa bao giờ Lịch sử Việt Nam được thấy. Đó là ý nghĩa của Hội nghị Honolulu, và cũng là lòng mong muốn của đại đa số nhân dân Việt Nam.

Tiếp tục chính sách tăng thêm thuế má để quân bình ngân sách, Tổng Bộ Kinh tế Tài chánh sẽ không bao giờ thực hiện được mục phiếu, vì sự thâm thủng quá lớn, và chi phí chiến tranh quá nặng.

Mặt khác, trong Ngân sách, phần nhỏ

là chi phí về nhân viên, mà phần lớn là chi phí về vật liệu công tác. Tăng thêm thuế, vật giá thêm đắt đỏ, và chi phí về vật liệu, công tác lại tăng thêm nữa, trong vòng luẩn quẩn và xoáy tròn ốc, càng ngày càng lên cao.

Giả sử như Bộ Công Chánh dự trù một tỷ, để sửa chữa đường xá cầu cống. Tăng thuế lên một tỷ vật giá lên cao, công tác sửa chữa sẽ đòi hỏi hai tỷ. Tăng thuế lên hai tỷ, sẽ sửa chữa mất ba tỷ, và càng cao thuế bao nhiêu, ngân sách càng thâm thủng bấy nhiêu.

Nếu Tổng Bộ Kinh tế, Tài Chánh không muốn đi mạnh vào đường lối tranh thủ nhân tâm, điều đình với cơ quan ngoại viện xét lại thủ tục viện trợ, đô la đỏ, hạ bớt giá hàng nhập cảng, dân chúng cũng chỉ yêu cầu Tổng Bộ án binh bất động, ngõ hầu nước bình khỏi tràn ra ngoài.

DUY

SÁCH THỜI MỚI

Mới phát hành :

★ QUAY TRONG GIÓ LỐC

Tập truyện ngắn của Lê-tất-Điêu

44 đ.

★ THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM

tập truyện ngắn của Võ-Phiến phụ bản của Phạm-Tăng (in lần thứ hai)

42 đ.

Một tặng phẩm trang nhã và có ý nghĩa sâu xa.

Sắp có bán :

— HÓA THÂN của Kafka do Vũ Hạnh và Chương Ngọc dịch

35 đ.

— TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON của Y Uyên

44 đ.

Nhà xuất bản THỜI MỚI — 160 Phan-dinh-Phùng (Sài Gòn)

U
i
ệ
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
của
ĐƯỜNG BAY *Hoasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG NGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MỀ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116. NGUYỄN-HUỆ. SAIGON. 21.624-625-646

Trà với văn-học và khoa-học Tây phương

• LỖ TRỌNG HUỀ

(Xin xem BK.TĐ. từ số 222)

Những cảnh-tượng đón tiếp trà ở Âu-châu trong thế kỷ XVII XVIII vì sao mà trở nên ồn ào, sôi nổi? Trước hết phải kể cái tự tôn mặc cảm của Âu-châu cộng với một tinh thần quốc gia hẹp hòi, một quan niệm bảo thủ cực đoan nó hối thúc một số người bài bác tất cả những gì mới lạ đến với họ từ những phương trời xa xôi có sức mạnh đảo lộn những trật-tự mà họ mất bao nhiêu công lao đời kiếp mới xây dựng và duy-trì được. Ở cực bên kia là những ước mơ mạo hiểm những thèm khát phiêu lưu bị cuộc đời phẳng lặng nhạt nhẽo hàng ngày bít kín, phải tìm cách tự thỏa mãn bằng cách chạy theo một vài đặc phẩm của viễn phương để tạo cho mình cái ảo tưởng nắm được trong tay những gì mình không bao giờ với tới... Thêm vào đó những cạnh tranh thương mại, những quảng cáo rùm beng làm cho vấn đề càng phức tạp hơn.

Đề biện minh cho ý kiến của mình

phe đả kích cũng như phe tán thưởng trà cùng đưa ra một tiêu chuẩn khoa học: tác dụng của trà đối với cơ thể. Mặc dầu tiêu chuẩn có tính cách khoa học như vậy, cuộc tranh luận vẫn kéo dài gần 2 thế kỷ. Bởi vì thời đó người ta chưa thực hiện được những thí nghiệm chân xác khả dĩ đưa đến những kết luận chắc chắn, không thể nghi ngờ. Từ đầu thế kỷ XX nhiều cuộc phân tích và thí nghiệm tỉ mỉ đã được thực hiện. Cho nên giải quyết cuộc tranh luận chung quanh vấn đề «Uống trà có lợi hay có hại» không còn là một việc khó khăn, bế tắc như xưa nữa. Chúng ta chỉ cần biết trà gồm có những yếu tố nào, tìm hiểu tác dụng của mỗi yếu tố đối với cơ thể, từ đó có thể suy ra hiệu năng xấu hay tốt của trà đối với sức khỏe của người tiêu thụ.

xXx

Cuộc tranh luận chung quanh vấn đề «Uống trà có lợi hay có hại cho

sức khỏe» hiện nay coi như đã giải quyết dứt khoát. Nhưng sau khi giải quyết dứt khoát, chúng ta mới thấy vấn đề ấy là giả tạo. Bởi lẽ người Tây phương đua nhau uống trà chắc chắn không phải chỉ vì muốn được kích thích bởi một số lượng cà phê rất nhỏ. Ngày nay y học chế tạo được những dược phẩm kích thích vừa công hiệu vừa rẻ tiền nhưng tục uống trà không những không suy giảm mà lại thịnh hành hơn trước. Người Tây phương đua nhau uống trà chắc chắn không phải vì thiếu sinh tố. Chúng ta đã biết trà xanh giữ được chút ít sinh tố «B» và «C» còn trà đen hầu như mất hết, trong khi đó với chục bạc, đến bất cứ một dược hàng nào chúng ta cũng có thể mua được những viên sinh tố đủ loại, uống một viên còn bổ dưỡng hơn uống cả kí trà. Vậy thì lý do nào đã khiến cho trà phổ biến khắp thế giới?

Trước thế chiến thứ hai, hàng năm 400 triệu dân Tàu tiêu thụ khoảng 400 triệu kí trà. Có người cho rằng ở Trung quốc nước thường dơ bẩn, có nhiều vi trùng nên uống trà tốt hơn vì dùng nước đã đun sôi. Nhờ những kinh nghiệm thuần có tính cách vệ sinh mà trà trở nên thông dụng. Thật là cách nhìn phiến diện, đầy tự tôn mặc cảm của người trưởng giả Tây phương, chỉ biết đứng từ bên ngoài mà nhìn sự vật. Có biết đâu rằng lối giải-thích này không thể chấp nhận được nếu đem áp dụng vào trường hợp Anh-quốc chẳng hạn. Cũng trước thế chiến thứ hai, hàng

năm mỗi công-dân Anh tiêu thụ trung bình 5 kí trà, mà nước lọc máy của Anh không hề dơ bẩn và có nhiều vi-trùng gấp 5 lần nước sông, nước ngòi của Trung-Hoa. Có người lại bảo chính cái khí hậu ẩm-ướt lạnh lẽo của Anh quốc đã hối thúc dân Anh đi tìm một đồ uống nóng. Vẫn không đúng vì ở Úc khí-hậu nóng và khô ráo nhưng người Anh sang đó cũng tiêu thụ nhiều trà như ở chính quốc.

Thật ra lý do đã khiến cho Trà phổ biến ở Tây-phương cũng như ở Đông-phương có nhiều chỗ không phải chỉ có một, và phải tìm một phần ở nơi bản tính của Trà, một phần ở nơi tâm-hồn người tiêu-thụ. Về phương-diện bản-tính của Trà, người ta uống trà vì trà nhẹ nhàng, dễ tiêu hóa lại có hương thơm, vị đậm; vì trà kích thích thần-kinh và hấp thụ một cách vừa phải, đem lại cho ta một cảm giác khoan khoái, thanh sảng do đó có thể sinh ra nhu cầu, sinh ra nghiện, đã uống quen rồi thì ít khi bỏ. Người xứ lạnh thích uống trà vì trà ấm áp. Người xứ nóng cũng thích uống trà vì trà làm cho toát mồ hôi gây ra cảm giác mát mẻ.

Về phương-diện tâm-lý, chúng ta ghi nhận một điểm trùng hợp giữa Đông và Tây trong lịch-sử của Trà : vai trò quan trọng của các tu-sĩ. Đi tiên phong trong công cuộc phổ biến Trà ở Đông-phương là các tăng-đồ Phật-giáo và đạo sĩ Lão-giáo. Đi tiên phong trong công cuộc giới thiệu Trà với Tây-phương là các linh-mục Thiên-chúa-giáo. Chỉ một điều

đó đủ chứng tỏ trà là một thứ giải khát thanh-tĩnh, phù-hợp với những tâm-hồn cao-khiết theo đuổi những khoái cảm tinh thần hơn là kích-thích giác-quan, đúng như lời Henry W. Longfellow, thi sĩ lãng-mạn đại danh của Hoa-kỳ : «Trà đưa tâm-hồn đến chỗ thanh-tĩnh». Cho nên chừng nào còn có người muốn chống lại cái thói phạm ần tục uống thông-thường của người đời, chừng nào còn có người muốn biến mỗi hành vi sinh-lý của con người thành một hành vi nghệ-thuật, chừng đó Trà còn được tán thưởng.

Ở Đông-phương, trà chỉ thật hoàn toàn phổ biến khi đã xâm-nhập lãnh-vực

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Đội nắng** : Tập thơ của Chiêu Thiên Thương, do tác giả gửi tặng. Đây là tập thơ thứ 6 của Chiêu Thiên Thương in bằng Ronéo, khổ 21x27, dày 30 trang gồm trên 40 bài thơ, đề tặng các thi văn hữu, không bán.

— **Toán điện** của Tétrel, bản dịch của Phạm Long Điền, Việt Nam Đại Học từng thơ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 110 trang, in ronéo 2 mặt, khổ 21 x 26, dùng cho các chừng chỉ Toán Lý Hóa, Vật Lý Toán, và Lý Hóa Nhiên. Giá 50đ.

— **Triều sống xanh** nguyệt san học tập văn nghệ Trung-học Phan-Thanh-Giản, số 1 tháng 3/66. Chủ nhiệm : Nguyễn văn Thường, chủ bút Lê văn Quới — Mỗi số dày 60 trang khổ 16 x 23, giá 10đ.

văn-chương. Cuốn Trà-Kinh của Lục-Vũ và bài Trà-Ca của Lư-Đồng đời Đường (618-907) đã làm cho nhân dân Trung-quốc từ Nam chí Bắc nô nức uống trà, trồng trà. Thiền-sur Yeisai cũng gây ảnh-hưởng tương tự như thế ở Nhật-Bản sau khi cuốn Kitcha-Yojoki của ông ra đời trong đó có lời tuyên-ngôn bất-hủ « Những đồi núi trồng trà đều là thánh địa ». Sang Tây-phương, phương-tiện truyền bá sâu rộng Trà vào dân chúng cũng vẫn là những tác-phẩm văn-chương. Sức cảm-hóa của thơ văn còn mạnh hơn cả những lý luận hùng hồn của các y-sĩ, dược sĩ, còn xác-chứng hơn cả những công thức hóa-học phức tạp. Nhân dịp lễ sinh-nhật Nữ-Hoàng Catherine, nhà thơ Edmund Waller (1606-1687) so sánh trà với cây đào-kim-nhưông của nữ thần Vénus, với cảnh nguyệt-quế của thần Apollon :

*Vénus her myrtle, Phoebus has his bays
Tea both excels, which She vouchsafes
to praise.*

Dịch nghĩa :

*Thần Vénus có cây đào-kim-nhưông,
thần Phébus có cảnh nguyệt-quế,*

*Trà Nữ-hoàng tán-dương còn hơn cả
hai cây đó.*

Với Thomas de Quincey (1785-1859), trà hiền nhiên là một trong những sinh-thú của con người : « Chắc chắn ai mà không biết những thú thần tiên bên lò sưởi về mùa đông : những ngọn bạch lạp thấp vào khoảng 4 giờ, thăm ăm, trà thơm, một bình trà đẹp, những cửa sổ khép kín, những màn cửa chảy

xuống sàn nhà trong khi mưa gió gào thét bên ngoài ». Nhìn lại di-vãng của nhân-loại và của chính mình, Sydney Smith viết : « Chúng ta phải cảm ơn Thượng-đế đã sinh ra Trà. Nếu không có Trà nhân-loại sẽ làm gì ? Tôi rất lấy làm sung-sướng vì không sinh ra đời trước khi có Trà » Và Pierre Petit, và William Thackeray, và Ralph Waldo Emerson, và Oliver Wendell Holmes. Và biết bao nhiêu nhà thơ, nhà văn khác đã hưởng ứng lời thách đố đầy nghệ-sĩ tính của P.B Shelley :

*The liquid doctors rail at and that I
Will quaff in spite of them and when
I die*

*We'll toss up which died first of
drinking Tea.*

Dịch nghĩa :

*Thức nước mà các y-sĩ chống đối
nhưng mà tôi*

Sẽ uống bất kể họ và khi tôi chết

*Chúng tôi sẽ tung hô người đầu tiên
chết vì uống Trà.*

Cái gì đã khiến cho các nhà thơ, nhà văn Tây-phương nhiệt-thành với Trà như vậy ? Chắc hẳn từ lòng tách trà thơm ngát có âm vang một tiếng gọi màu-nhiệm của Đông-phương mà, với trực-giác bén nhạy, với tâm-hồn rộng mở đón Chân và Mỹ, với trí-năng không hề bị che lấp bởi một thiên-kiến nào, họ đã nghe thấy trước mọi người, nghe thấm thía hơn mọi người.

Như chúng tôi đã trình bày khi bàn về ý nghĩa của Trà (1), thú uống trà

phổ-biến sâu rộng ở Đông-phương vì nó bao hàm một quan-niệm triết lý tổng hợp cả Nho, Phật, Lão. Uống trà không phải chỉ là một nghệ thuật còn là một cách tu-thân, một phương pháp tự thể hiện, một con đường đưa tới chân-lý. Uống trà cốt ở sự tĩnh : tĩnh là danh từ của Nho, Lão ; Phật giáo gọi trạng thái đó là thiền-dịnh. Tĩnh đề « minh minh-đức », đề « vô vi » ; thiền định đề cầu « giác-ngộ ». Khi đã minh minh-đức, đã vô vi, đã giác ngộ, tất nhiên chúng ta đạt tới cùng đích của mọi bản khoán trí-thức là thấu suốt được chân-tướng của sự vật.

Cái chân-tướng ấy như thế nào ? Theo quan niệm tôn-giáo Tây-phương, vũ-trụ do bàn tay một vị Thượng-Đế sáng-tạo từ hư-vô. Đã có ngày 'sáng-thể tất phải có ngày tận-thể. Từ lúc sáng-thể tới lúc tận-thể triển-diễn cái mà chúng ta gọi là lịch-sử nhân-loại. Cho nên thời-gian không có tính cách phản-hồi và mỗi biến cố lịch-sử đều có một giá-trị quyết-định. Ở bên ngoài, cái gì đã qua là qua hẳn : mỗi biến cố trôi đi là vĩnh-viễn mất tăm mất tích mặc dầu hiệu-quả của nó có thể vương vấn lâu dài, những hiệu-quả mà ta phải gánh chịu nhưng không sao sửa đổi được vì nguyên-nhân không còn nữa. Bên trong mỗi người cũng vậy : hư-vô như một miệng giếng sâu không thấy đáy lúc nào cũng sẵn sàng chờ đón các sự-kIỆN tâm-linh lần lượt rơi vào. Nữ sĩ Comtesse de Noailles từng than thở :

(1), ĐỖ TRỌNG HUỆ, Trà : lược sử và ý nghĩa, Bách Khoa số 169, 170, 171.

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Mại dân** biên khảo của Nguyễn-Hữu-Dung, Văn Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày hơn 200 trang. Bản đặc biệt, không để giá.

— **Đồng Nai văn tập** tập 3, tháng Giêng năm 1966, do nhóm Đồng Nai xuất bản, An Cư chủ trương nhằm « phát huy văn hóa dân tộc ». Mỗi số dày 128 trang, giá 24đ.

— **Bước đầu chụp ảnh** của Nguyễn-Cao Đàm do « Tủ sách kỹ-thuật » Bộ Tâm-lý-chiến xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 94 trang, 72 hình vẽ và biểu đồ, 34 ảnh do soạn giả chụp.

— **Ôm vàng thi ca**, tập thơ của Trần Đồng Vọng, do Liên Hiệp văn đoàn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 130 trang, khổ 21 x 27, có kèm theo 7 phụ bản của các họa sĩ. Giá 155đ.

— **Thơ Phi Thi**, tập thơ của Nguyễn-đức-Vinh do nguyệt san Đất Sống gửi tặng. Sách dày trên 70 trang gồm hai phần : Mảnh Vụn và Thơ Phi Thi, không để giá bán.

— **Đôi mắt trên trời** tập truyện của Dương-Nghiễm-Mậu do Giao-Điểm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 8 truyện ngắn, Giá 56đ.

— **Triết Học Y - lý Đông-Phương** của N.Sakurazawa do Hòa Đồng dịch. Sách dày 172 trang, giá 60 đồng.

«Không bao giờ chúng ta gặp lại tâm hồn mình buổi chiều nay». Sống trong khung cảnh thời gian bất phản hồi ấy, trong giới hạn của lịch-sử nghiêm-khắc ấy, con người lúc nào cũng hối hả, vội vã, lo âu, tính toán. Đến rồi tới khi mệt mỏi rã-rời, người ta lặng lẽ sửa soạn bộ đồ trà, ngồi trầm ngâm hàng giờ bên bình trà tỏa khói :

*When I am tired of work or play
And all my nerves are raw
With things I did, and things I said,
And things I merely saw
I hasten home and donning mules
And flowing negligee,
Get out the spirit lamp and make
A fragrant cup of tea (1)*

Minna Irving

(My fragrant cup of tea)

Dịch nghĩa :

Khi tôi mệt mỏi vì làm hay vì chơi,
Và tất cả thần kinh đều căng thẳng
Vì những điều tôi làm, vì những điều tôi nói,
Và cả vì những điều tôi thấy,
Tôi vội về nhà, và xỏ dép vào chân
Mặc một bộ đồ rộng sơ sài,
Tôi đem cái bếp cồn ra và pha
Một tách trà nồng đượm.

Khi đó có lẽ người ta cảm thông dễ dàng với quan-niệm của các tôn-giáo Đông-phương. Ở bên này trái đất, vũ-trụ không do một bàn tay nào tạo-lập. Nó có từ vô cùng và sẽ tồn tại đến vô cùng. Nó vô thủy, vô chung nhưng luôn

(1)— Leslie Weekly, 1920

luôn đổi mới như tách trà đầy rồi vơi, vơi rồi hết, hết lại đầy. Do đó thời gian không phải là con đường thẳng một chiều mà là những vòng tròn xoáy tròn ốc mỗi lúc một cao, mỗi lúc một lớn. Các biến cố lịch-sử cũng không có giá trị quyết-dịnh mà chỉ có giá trị chuyển tiếp ; ý nghĩa của mỗi biến-cố cốt ở sự nó sửa soạn cho biến cố theo sau. So với vĩnh-cửu, lịch-sử đúng là một hạt cát trên bãi biển mênh-mông, không hơn không kém. Ở bên ngoài, cái gì đã qua có thể trở lại dưới một hình thức mới : mùa xuân năm Ngọ không phải là mùa xuân năm Ty, nhưng là một mùa xuân mới trở về với chúng ta. Nó sẽ đổi mới lần nữa để trở về

trong năm Mùi. Ở bên trong cũng vậy, mỗi người không những có thể gặp lại tâm-hồn mình buổi chiều qua mà còn có thể gặp trước tâm-hồn mình buổi chiều mai. Bởi vì đứng từ một vòng tròn nào đó trên hình tròn ốc, không những ta có thể nhìn thấy vòng tròn bên trong mà còn có thể nhìn thấy cả vòng tròn bên ngoài. Sống trong khung cảnh thời-gian xoáy tròn ốc ấy, trong giới-hạn mong-manh của lịch-sử chuyển-tiếp ấy, con người lúc nào cũng thư-thái, ung-dung. Đó là cái tiếng gọi nhiệm-mầu huyền-bí của Đông-phương thăm thăm vang lên từ lòng tách trà thơm ngát.

ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C.

Đặt lại vấn-đề văn-minh với *CLAUDE LÉVI-STRAUSS*

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Tư tưởng sơ khai.

Sau những nhận xét được ghi chú theo thời gian một cuộc hành-trình bây giờ Claude Lévi - Strauss minh chứng một cách hệ thống và xác thực rằng người sơ khai không phải là người kém văn minh, chỉ biết sống hòa hợp với thiên nhiên và không cố suy luận, lý-học vì những tư tưởng quan niệm còn hoàn toàn bị mê tín, tình cảm chi phối... (1).

Như trên đã nói, trước đây nhà nhân chủng học hay người thường, khi tìm hiểu những sinh hoạt của những dân tộc cổ sơ, đã coi những dân tộc đó khác biệt với những dân tộc văn minh như thể hai thế-giới xa lạ, không những chỉ khác biệt mà còn là khác thường. Nhân chủng học đã xuất hiện ở thế kỷ XIX cùng với tâm bệnh học và cả hai cùng chung một quan điểm nghiên cứu. Charcot đã nhìn người mắc bệnh trí như một người khác thường rồi cô lập họ để quan sát những hiện tượng kỳ quặc mà bác sĩ coi là những triệu chứng bệnh lý.

Những Frazer,, Durkheim cũng nhìn người cổ sơ như một thứ người khác biệt rồi cô lập họ để quan sát những phong tục, tập quán kỳ quặc của họ mà nhà nhân chủng học coi như những bằng chứng của một chế lập đặc biệt : chế lập vật tổ. Thuyết vật tổ đã là giải thích được hầu hết các nhà nhân chủng học đầu tiên công nhận và dựa vào để cắt nghĩa những xã hội sơ khai.

Quan sát những sinh hoạt của các dân tộc cổ sơ, người ta thấy :

- Có tổ chức thành bộ-lạc ;
- Có vật tổ : lấy tên cây, con, vật để gọi các bộ lạc.

Do đó, người ta cho rằng có một tương quan họ hàng giữa bộ lạc và vật tổ, và sở dĩ có tương quan như thế là vì người cổ sơ sinh hoạt giống thiên nhiên, hòa đồng với thế giới loài vật cây cỏ, nên mới lấy tên cây cỏ, loài vật để gọi giống họ, bộ lạc của mình. Cũng vì thế mà có những

(1) Trong *Le Totémisme aujourd'hui* và *La Pensée sauvage*.

kiêng cử, cấm kỵ về ăn uống hay hôn thú liên quan đến những vật tổ.

Nhưng theo Lévi-Strauss thuyết vật tổ không phải là một giải thích phổ biến, tuyệt đối vì có nhiều thổ dân như dân da đỏ vùng sông Thompson có vật tổ mà không có tổ chức thành bộ lạc, thổ dân Iroquois có bộ lạc gọi bằng tên loài vật, nhưng loài vật đó lại không phải vật tổ của bộ lạc.

Thuyết vật tổ còn là một "ảo tưởng" khi các nhà nhân chủng học tin rằng vật tổ biểu lộ thái độ con người đồng hòa với thiên nhiên và thái độ chỉ có tính chất hoàn toàn tình cảm.

Thực ra theo Lévi-Strauss những niềm tin, quan niệm của người cổ sơ là một công trình nhận thức bao hàm một hệ thống luận lý chặt chẽ để hiểu đời và các mối tương quan giữa người với thiên nhiên, giữa người với người; do đó :

1) Người cổ sơ không phải là không có tư tưởng, hệ thống luận lý mà chỉ quan niệm và diễn tả tư tưởng khác người văn minh thôi.

2) Cách quan niệm và diễn tả của người cổ sơ vì tư tưởng, luận lý, không phải là ấu trĩ, lỗi thời, xa xưa đã bị vĩnh viễn vượt qua trong các nền văn minh hiện đại, nhưng vẫn còn ngày nay trong tư tưởng dân gian, trong sinh hoạt nghệ thuật, nhất là thơ và nhạc. Hơn nữa, đôi khi còn có thể tìm thấy những tương đồng giữa lối tư tưởng

của người cổ sơ với tư tưởng triết học chính thức : « Triết học Bergson không thể không gọi triết lý của dân da đỏ Sioux » hay « một luận đề nào đó của Sartre đã được phô diễn một cách không khác lắm cách một người dân cổ sơ mã lai lập luận ».

Do đó những phong tục chế lập, thần thoại của người sơ khai không phải bắt nguồn từ một kinh nghiệm huyền bí nào hay từ đời sống bản năng tình cảm, từ một vô thức tập thể kiểu Jung, hay từ một thái độ thi vị hóa, mà là từ một khuynh hướng sâu xa và thường xuyên của con người muốn hiểu đời; và đối với người sơ khai, khuynh hướng trên của tâm trí con người hiểu đời được biểu lộ một cách *tượng trưng* bằng những hình ảnh, sự vật, đặc tính cụ thể.

Nhưng hiểu để cắt nghĩa, giải thích và muốn cắt nghĩa, giải thích phải sắp xếp, phân chia liên kết, không phải một cách bừa bãi, nhưng theo một thứ tự nào đó. Nói cách khác, hiểu là tổng hợp, là hệ thống hóa.

Vậy, đối với người cổ sơ, những chuyện thần thoại, là một nỗ lực hiểu và giải thích cuộc đời, một giải thích bằng những hình tượng cụ thể nhưng bao hàm một hệ thống luận lý bên trong và dựa trên những nguyên tắc luận lý nhất định. Mục đích luận lý của người sơ khai không phải nhằm đạt tới *chân lý*, vì họ coi niềm tin của họ là chân lý, do đó không phải để phân biệt cái đúng với cái sai, cái hợp lý và cái phi lý, nhưng

để thực hiện sự *mạch-lạc* (cohérence) trong cái nhìn của họ về vũ trụ, cuộc đời, một cái nhìn thỏa mãn được những thắc mắc của tâm trí họ.

Luận lý của Tây phương là một luận lý thu hẹp vào những phạm trù của ngộ tính (catégories de l'entendement). Nếu hiểu luận lý một cách rộng rãi, phải kể tới luận lý mà Lévi-Strauss gọi là "luận lý của cảm giác" nhằm xác định những phạm trù của giác quan, và dựa vào những đặc tính khả xúc (qualité sensible) của sự vật.

Nói cách khác, người ta có thể lý luận hoặc theo đúng những qui luật của tam-đoạn luận hoặc bằng những hình ảnh ẩn dụ vay mượn của ngôn ngữ. Hai thứ lý luận trên chỉ khác nhau về cách diễn tả; còn ở khởi điểm, cả hai đều do cùng một ý hướng muốn tìm hiểu và giải thích cuộc đời, thế giới.

Trong giai đoạn đầu, tâm trí tìm hiểu và giải thích sự vật, cái cụ thể bằng những phạm trù cụ thể — tuy cũng dựa trên những luật tương quan, mâu thuẫn, bao hàm, loại trừ, nghĩa là căn cứ vào sự giống nhau, sự đối lập, sự tiếp cận, nhìn gần, nhìn xa.

Trong viễn tượng đó, người ta nhận thấy những dân sơ khai có rất nhiều từ để *phân biệt, xếp hạng* con vật, cây cỏ, sự vật theo loại, loài, giống họ dựa vào những đặc tính khả xúc của chúng như màu sắc, mùi vị, hình thể, khối lượng đặc tính (chạy hay bò, leo, nhảy...) về bề ngoài... Ví dụ như: Thờ dân Hanunoo ở Phi luật Tân căn cứ vào nguyên tắc đối lập để phân loại cây như:

Cây xanh xanh / cây xanh thẫm
Cây tươi / cây khô

Và ít nhất trên đảo của họ cũng có 12 thứ rắn, 60 thứ cá và 108 loài xấu khác nhau. Thờ dân Pinatubo có thể kể tên 450 thứ cây khác nhau, 75 loài chim, 20 thứ kiến. Để phân biệt các phần và đặc tính của thảo mộc, dân Hanunoo có 150 từ, dân Pinatuno 100 từ. Còn thờ dân Bouriates phân biệt trong thịt gấu 7 thứ thịt có tác dụng chữa bệnh khác nhau, trong màu năm thứ, trong mỡ 9 thứ, trong óc 12 thứ, và trong mật 17 thứ.

Sự phân biệt xếp hạng thực vật, khoáng vật, động vật không phải chỉ dựa vào ý nghĩa khách quan, tuy cụ thể của sự vật do óc quan sát và nhu cầu nhận thức biết để mà biết, biết để thiết lập một trật tự nào đó cho vạn vật, mà còn dựa trên những nguyên tắc vị lợi:

- 1.— Có tác dụng chữa bệnh không?
- 2.— Có ăn được hay không?
- 3.— Có dùng làm đồ đạc được hay không? (nhà cửa quần áo, dụng cụ săn bắn, cày cấy v.v...).

Sự hiểu biết của người cổ sơ rất cụ thể và thực dụng nhưng không phải vì thế mà thiếu mạch lạc luận lý, hoặc thiếu óc trừu tượng.

Thí dụ khi nói: Con chó cái vàng tuyền của tôi» Câu nói vừa biểu lộ một kinh nghiệm tri giác cụ thể, vừa bày tỏ một trật tự luận lý đi từ cái tổng quát, trừu tượng đến cái cụ thể, riêng biệt:

Con = một động vật, không phải sự vật nhưng tổng quát chung chỉ thị mọi vật biết di chuyển (loài)

Chó = loại vật 4 chân, chứ không phải người, hay rắn ; cá...

Cái = phân biệt giống (cái chứ không phải đực)

Vàng = phân biệt về màu sắc, đặc tính khả xúc.

Tuyền = (vàng với những sắc thái) vàng tuyền, vàng đốm, vàng loang...

Của tôi = riêng tư, không phải của hàng xóm (đến đây, rất cụ thể).

Tri giác quan sát từ thấy một con vật động, rồi dần dần nhận ra theo thứ tự từ cái chung đến cái riêng tư cụ thể.

Ngay cả sự mê tín, dị đoan, ảo thuật, cũng vẫn bao hàm những đòi hỏi luận lý, nghĩa là một trực giác về một mối tương quan giữa hai sự kiện (chữa mẹo, thần chú, kiêng kỵ).. dựa trên nguyên tắc nhân quả.

« Tư tưởng ảo thuật là một sự biến thiên vĩ đại xoay quanh nguyên tắc nhân quả ».

Dó đó, sự phân loại, xếp hạng dựa vào những điểm dị biệt đôi khi đạt tới mức độ rất phức tạp, tỷ mỹ không thể làm hơn được nữa, ở nơi một số thổ dân cổ sơ, chứng tỏ trí tuệ của họ không phải sơ khai, thô kệch ấu trĩ, vì đã hẳn phải có một óc quan sát tinh tế, một khiếu tò mò nhận thức sâu sắc và sau cùng một kinh nghiệm phong phú mới có thể thiết lập được những hệ

thống phân loại mà Lévi-Strauss đã giới thiệu rất nhiều ví dụ trong cuốn sách chủ chốt của ông (*La Pensée Sauvage*).

Vậy, không thể nói người cổ sơ lẫn lộn, đồng hóa lung tung và chưa có ý thức phân biệt, xếp hạng, nhưng chỉ vì sống gần gũi với thiên nhiên thực tế, nên sự hiểu biết của họ có tính cách cụ thể, và được diễn tả một cách cụ thể.

« Hình ảnh ta có về tính cách sơ khai phải được thay đổi. Không bao giờ và ở đâu người cổ sơ đã chỉ là một giống người vừa thoát khỏi tình trạng động vật, hãy còn bị trói buộc vào những nhu cầu và bản năng, hay còn là một ý thức pha trộn tình cảm và chìm đắm trong sự lẫn lộn, đồng hóa ».

Những dân tộc cổ sơ đã dùng những phương pháp phân loại xếp hạng giống phương pháp của một Linné để hệ thống hóa những kiến thức của họ về động vật, thực vật, khoáng vật và họ đã thực hiện công trình nhận thức đó nhằm thiết lập những tương-tự giữa loài vật tự nhiên và các hình thức tổ chức xã hội, và sau cùng việc thiết lập những tương tự này lại nhằm xây dựng một hệ thống bao quát, mạch lạc, giải thích vũ trụ thể giới.

Jean Lacroix khi phê bình Lévi-Strauss cũng đồng ý với Lévi-Strauss về điểm ngộ nhận của các nhà dân tộc học cổ điển : Loài vật, một thực tại cụ thể, trong hệ thống giải thích đã trở thành tượng trưng, nghĩa là chỉ thị thực tại khác. Do đó sự thiết lập những tương-tự giữa trật tự loài vật, và trật tự xã hội,

không phải bày tỏ một thái độ hòa đồng, lẫn lộn như các nhà dân tộc học cổ điển nghĩ, mà chỉ có tính cách *hình thức*, nghĩa là bày tỏ một khuynh hướng thường xuyên của tâm trí muốn nhận thức, lãnh hội sự vật và một phương pháp thực hiện công trình nhận thức đó trên mọi thực tại. Nói cách khác, cái nhằm của các nhà dân tộc học cổ điển là đã gắn liền hình thức lãnh hội của tâm trí bằng loại suy (analogie) và nội dung (thực tại xã hội, loài vật) cố định trong khi hình thức chỉ bày tỏ một khả năng nhận thức lãnh hội và hệ thống hóa của tâm trí con người.

Khả năng nhận thức đó thấy rõ rệt trong các thần thoại, huyền thoại của những dân tộc cổ sơ.

Từ trước, người ta vẫn tưởng thần thoại, huyền thoại chỉ bày tỏ những tình cảm căn bản của con người như yêu đương, giận ghét hay là những nỗ lực giải thích những hiện tượng thiên văn, địa lý, khí tượng v.v... hoặc xa hơn, dựa vào phân tâm học hay xã hội học để giải thích huyền thoại như phản ánh những mâu thuẫn tâm lý hay xã hội...

Đối với Lévi-Strauss, huyền thoại có một chức năng luận lý vì là một hệ thống giải thích dựa vào những qui luật luận lý mạch lạc.

Huyền thoại vừa là một câu chuyện kể, vừa là một lược đồ luận lý (achéma logique) mà con người tạm ném đề giải quyết những vấn đề đặt ra cho họ ở nhiều bình diện khác nhau, bằng cách

xếp đặt tất cả vào trong một công trình xây dựng có hệ thống. Huyền thoại là một câu chuyện kể, nghĩa là một ngôn ngữ. Cách người ta kể chuyện cũng quan trọng và có ý nghĩa như cái người ta kể, vì cái kể như thế nào thiết yếu tùy thuộc vào cách kể. Do đó đối với một người xa lạ muốn tìm hiểu ý nghĩa huyền thoại của một dân tộc khác, đường lối hiệu nghiệm hơn cả là trước hết tìm hiểu cách kể.

Cách kể cũng như cách nói, là một tổ chức những yếu tố của câu chuyện, những đơn vị của ngôn ngữ. Chẳng hạn, đó là những âm tố, ngữ tố của ngôn ngữ, và những đơn vị cấu tạo lớn mà Lévi-Strauss gọi là thoại tố (my-thèmes) của huyền thoại (1).

Cũng như trong ngôn ngữ, nghĩa của một từ không phải ở chỗ nó gắn liền một cách cố định với âm thanh, nhưng ở cách các âm thanh phối hợp này là vô hạn, Trong huyền thoại cũng vậy: nghĩa của câu chuyện kể không phải ở chỗ nghĩa nhất định của các yếu tố các phần của câu chuyện kể phối hợp lại với nhau, nhưng ở cách các yếu tố đó phối hợp. Do đó, tìm hiểu huyền thoại là phân tách những yếu tố (thoại tố) và sắp xếp chúng theo luật tương quan và đối lập để làm nổi bật ý nghĩa cách cấu tạo chúng.

(xem lược đồ huyền thoại Epide dưới đây)

(1) Xem Anthropologie Structurale tr 239.

Chẳng hạn huyền thoại Œdipe (I) :

Cadmos tìm người
chị là Europe bị
Zeus cướp.

Những dân Spartoi
giết hại nhau.

Œdipe giết cha mình
là Laios.

Œdipe cưới Jocaste
mẹ mình.

Étéole giết Polynice
anh mình.

Antigone chôn Po-
lynice anh mình do
đó đã vi phạm luật
cấm.

Cadmos giết con
con rồng.

Labdacos (Cha của
Laios) : què ?

Laios (Cha của
Œdipe) : vụng tay ?

Œdipe giết con
Sphinx.

Œdipe : chân sừng ?

Câu chuyện kể được phân thành 4 hàng cột dọc và ngang. Nếu muốn đọc câu chuyện sẽ đi từ trái sang phải và từ trên xuống dưới. Nhưng muốn hiểu nghĩa câu chuyện thì thứ tự diễn biến (diachronique) không còn thông dụng nữa mà phải theo trật tự định thái (synchrone) nghĩa là coi mỗi hàng cột như một toàn thể và đọc từ cột một từ trái sang phải.

Tất cả những tương quan xếp trong một cột đều trình bày một đặc điểm chung nào đó phải được khai triển.

1. Những sự kiện xảy ra trong cột 1, phía tay trái, liên quan đến những họ hàng bằng máu mủ và những quan hệ của họ ở đây có thể coi như được đề cao quá đáng.

2. Ở cột 2, cũng cùng ngữ cảnh quan hệ họ hàng như trong cột 1, nhưng ngược lại : đó là những quan hệ bị hạ thấp quá đáng.

3. Ở cột 3 những quái vật bị giết.

4. Ở cột 4 dáng điệu đi đứng thẳng người khó khăn.

Trong 4 cột đó, cột 1 cột 2 liên quan với nhau hợp thành một tổng hợp và cột 3 cột 4 hợp thành một tổng hợp khác.

Cột ba bày tỏ sự phủ nhận tích cách động vật của con người khi con người giết được quái vật. Cột bốn bày tỏ sự tồn tại phần nào tính cách động vật của con người vì con người thời sơ thủy chưa bước vững được.

Vậy ý nghĩa của huyền thoại Oedipe là bày tỏ một mâu thuẫn không thể giải quyết được của một xã hội tin ở nguồn gốc sống động vật của con người đồng thời vẫn phải nhìn nhận con người sinh ra bởi một người đàn ông và một người đàn bà. Khó khăn không vượt được; nhưng huyền thoại Oedipe trình bày một thứ dụng cụ luân lý có thể làm cầu nối giữa vấn đề chính; người ta sinh ra bởi một người hay hai người, với vấn đề phụ: cái cùng giống sinh ra bởi cùng giống hay khác giống. Bằng dụng cụ luân lý trên, có thể rút ra một tương quan đối lập: sự đánh giá quá cao quan hệ họ hàng đối với sự đánh giá quá thấp quan hệ đó thể nào thì cũng như nỗ lực thoát khỏi nguồn gốc động vật với sự kiện không thể thoát khỏi cùng thể ấy. Phương pháp phân tách của Lévi-Strauss tránh được một khó khăn vẫn còn là một trong những cản trở lớn của công trình nghiên cứu thần thoại học, đó là khó khăn tìm được câu chuyện kể đích thực và cổ sơ nhất, vì người ta thường đứng trước nhiều bản kể chuyện khác nhau của cùng một thần thoại và không biết căn cứ vào bản nào để khảo sát.

Xét về phương diện lịch sử, thật rất khó tìm ra được nguồn gốc bản chính. Xét về phương pháp phân tích cơ cấu thì không có bản nào là chính, do đó chẳng những không cần tìm bản chính, đích xác mà có nhiều bản càng hay. Huyền thoại, trong viễn tượng cơ cấu, là toàn thể các bản kể truyện. Ngay cả những giải thích huyền thoại, chẳng

hạn của Freud về huyền thoại Oedipe, cũng có thể coi như những « biến thiên » của huyền thoại Oedipe mà thôi. Vấn đề là tìm rút ra được « lược đồ luận lý » cơ cấu của huyền thoại mà ý nghĩa thường là một nỗ lực giải quyết một vấn đề mâu thuẫn bằng cách tạo ra một số nhân vật, sự kiện trung gian vượt mâu thuẫn.

Do đó có thể nói có một tư tưởng luận lý trong huyền thoại và cách lý luận đề hiểu và giải quyết những mâu thuẫn, đối lập vẫn còn trong tư tưởng khoa học trong tư tưởng bình dân, trong nghệ thuật, nhất là thi ca và âm nhạc. Nghệ thuật cũng như huyền thoại, nhằm đáp lại chứng đòi hỏi mạch lạc (coherence), chứ không hẳn là đòi hỏi chân lý, do đó nhằm thiết lập những phối hợp âm thanh, màu sắc, hình thù, đường nét theo một lược đồ, cơ cấu nào đó. Với Lévi-Strauss, âm nhạc gần gũi với huyền thoại hơn cả vì âm nhạc gồm những phối hợp rất chặt chẽ, mạch lạc và diễn ra trong thời gian đồng thời lại phủ nhận thời gian khi tự coi như một toàn thể khép kín. Một huyền thoại cũng được cấu tạo như một bản hòa âm bằng những phần đối xứng với nhau đồng thời chồng chất lên nhau, chính vì thế mà Lévi-Strauss đã phân tách những huyền thoại liên quan tới bếp núc trong **'LeCru et le cuit'** dựa vào khuôn mẫu của một xây dựng hòa âm.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN VĂN TRUNG

Đặc ân Thượng đế

Giòng sữa ngọt chảy tràn trên má trẻ
Dâng dâng lên . . . vú mẹ chuyển môi con
Đây giọt huyết ngà — mẹ lặng đắm hồn
Nghe tim mẹ : máu thay màu, biến chất !
(Rồi chợt nghĩ phải chăng đây đẹp nhất
Đây kỳ công tạo hóa đã ban ta ?
Châu ngọc, vàng son... thấy thấy kém xa
Gì sánh được với đôi giòng sữa mẹ ?)

Trong kiêu hãnh lặng thầm
Đôi riềm mi mờ lệ
Lần thứ nhất trong đời
Tôi biết ơn Thượng Đế
Ban đặc ân :
Thú LÀM MẸ tuyệt vời
Lòng lâng lâng tôi dường thấy trong tôi
Vạn cánh nồn vút lưng trời cao ngất !

Rực rỡ át muôn sao
Nhẹ nhàng và thanh thoát
Như bình minh tươi mát
Của cây cỏ núi rừng
Dưới trăng ngà, một lối mở : TÌNH THƯƠNG
Sinh lực thoát trắng ngần ban hiển trẻ !

Gì cao đẹp và đáng ca ngợi
Hơn quả tim và giòng sữa mẹ ?

MINH QUÂN

(trích ĐƠN SƠ sắp xuất bản)

• MỘNG TRUNG

Bài đăng từ BK. TĐ. số 215

Hôn nhân dị chủng

Nguyên nhân đi tới ly dị

Xin xem từ BK. TĐ. số 220

Cậu S. sang Pháp lúc 19 tuổi. Cũng như bạn đồng chủng, cậu cũng có một cô nhân tình người Pháp.

Sẵn tiền của mẹ, học hành lấy lệ cậu cho là xong bổn phận làm con, rồi thì cậu đem hết sức sống yêu đời của tuổi trẻ ra mà phung phí vui chơi với tình nhân và bạn bè. Cậu không hình dung hậu quả tai hại nào sẽ đến với cậu ; vả lại đâu phải chỉ có một mình cậu thử lửa, mà cậu chỉ sống như bạn bè cậu đã sống mà thôi. Ai sao thì mình cũng vậy. Các bạn của cậu họ có cả một tràng lý thuyết để bênh vực cho họ và cho cậu nữa.

Cũng như bạn bè, cậu S. thích thú thả chơn trên lối đi chứa đầy bất ngờ và dài bất tận rồi tất cả những dự tính, hy vọng, sự nghiệp tương lai cùng tình thương đối với cha, thân quyến, giống nòi, đất nước mà cậu hằng tha thiết lúc là quê xuất ngoại đều được cậu ném lại phía sau bước thử thách say mê này. Nó cùng với tuổi xuân của cậu trôi đi không ngừng và kéo theo với nó cái bóng hạnh phúc chìm nổi, mong manh cùng với cuộc đời nặng chình chịch đầy hứa hẹn và trách nhiệm của cậu như thuyền khảm trôi ra biển cả.

Nếu ai có chê cậu vong bản thì cậu không ngần ngại bêu môi ném vào mặt họ : «hủ lậu và tôn chủng.»

Nếu có ai nhắc cậu rằng cha mẹ cậu sẽ đau khổ vì không mong gặp lại cậu và nhờ cậy cậu vào lúc già yếu thì cậu sẽ rùn vai : «làm sao bây giờ ? Ai có cuộc đời

nấy» ông bà cũng chỉ nuôi tôi chứ có nuôi cha mẹ được đâu. Việc riêng của ông bà tôi đâu có dự tới thì ông bà phải trọng quyền tự do của tôi (!). Người Pháp đều như vậy cả và tôi có quyền sống cho tôi.»

Nếu có ai ngại rằng vợ chồng cậu sẽ không ở chung được trong đại gia đình bên cậu thì cậu trả lời liền : «Tôi sẽ dạy vợ tôi cầm đũa, ăn nước mắm, mặc áo dài và ngay bây giờ nó đã biết nói : «em yêu anh». Nó hứa sẽ học tiếng Việt và ao ước được về Việt Nam ghê lắm.»

Nếu có ai lo rằng về Việt Nam mà rủi gặp cảnh nghèo khó hay ở chung với cha mẹ chồng trong làng mạc, đồng quê, vợ cậu sẽ không thể sống không nước máy, không đèn điện, phải nấu cơm bằng than bằng củi, không ăn được mắm rau, kho khô, kho quẹt, không chịu được ruồi, kiến muỗi mòng, không chịu được nắng cháy, mưa dầm, không ở được nhà lá, đi chơn không trong bùn lầy, không chịu được thiếu thốn của tất cả những gì đã quen ở xứ Pháp và nhất là trong tình trạng đó mà xa tất cả thân quyến và người đồng chủng thì cậu S. sẽ đảm bảo : «Bao giờ tôi có đủ sức tạo một đời sống tránh được bao nhiêu thứ cực khổ đó thì tôi sẽ đem vợ con tôi về Việt Nam. Và lại tại sao nghĩ rằng nhất định mình phải nghèo ? Nếu có tiền ở thành thị hay ở Đalat thì làm sao mà tay lấm chơn bùn ? Nếu gặp nhiều trở ngại không ở được thì trở về Pháp, có sao ?»

Nếu có ai hoài nghi về hạnh phúc mai sau của cậu thì cậu sẽ bực dọc đáp : «không ai biết vợ tôi bằng tôi và người ngoại quốc chẳng những có tròn óc như người Việt mà còn đẹp còn giỏi hơn người Việt nữa.»

Nếu có ai hỏi rằng con cậu sẽ ở hẳn nơi quê nội hay quê ngoại, sẽ học tiếng Việt hay tiếng Pháp, tâm hồn chúng sẽ gần người Việt hay gần người Pháp thì cậu S. sẽ nổi giận rằng : «chỉ có đất nước Việt là đáng ở sao ? chỉ có tiếng Việt là đáng quý sao ? chỉ có người Việt mới đáng gần sao ? Nếu không có đủ lộ phí cho chúng về thăm quê nội thì ở bên này cũng có ông bà ngoại cũng chiều chúng nó ; hại gì. Khi chúng lớn khôn, chúng muốn ở đâu thì lo liệu lấy ; việc ấy không quan thiết chi đến tôi, chúng được trọn quyền tự do.»

Nếu có ai hỏi rủi cậu không ở được với vợ mà phải ly dị thì con cậu sẽ theo ai và đời chúng sẽ ra sao thì cậu sẽ càu nhàu : Tại sao hễ lấy đầm thì phải đặt vấn đề ly dị ? Người Việt với người Việt không có ly dị với nhau sao ? Nếu ở với nhau không được nữa thì miễn chúng được no ấm ăn học là xong chuyện ; trẻ con biết gì mà khổ.

Bạn vẫn biết những người muốn cho cuộc sống bằng tình, bằng hồn của mình, yêu tình anh và cao quý thì bao giờ cũng trau dồi nhân cách,

vun quén và gạn lọc tình thương. Người trọng sự nghiệp tinh thần bao giờ cũng xem tương lai là quan hệ. Người yêu đất nước giống nòi bao giờ cũng hướng về cội rễ. Nhưng nếu ngược lại thì ái tình còn hay hết chỉ đứt khoát với nhau như trên sông bạc, như sự đòi chác, mua bán. Tương lai chỉ là một viễn tượng thuộc về định mệnh không đáng lưu ý. Đất nước giống nòi không dính dáng chi với họ, họ không thể vì nó mà tự làm sút mẻ hạnh phúc cá nhân của họ được. Xứ này có sức khỏe là sống, thương thì cưới, nếu hết thương thì ly dị làm lại cuộc đời, mấy lần cũng chẳng hề chi, một bầy con có mấy cha mấy mẹ cũng mặc, hưởng chi vị hôn thê của cậu S. yêu cậu vô ngần và lại là con của một phú thương ?

Cưới nhau rồi không hề phiền cho cha mẹ hai bên, cậu S. không xin tiền chuyển ngân của cha mẹ mình, cũng không đùm đậu với cha mẹ vợ, cậu mượn 1 căn phòng thật rộng cho hai vợ chồng và một đứa con, cạnh bên có một góc bếp rồi đi kiếm việc làm lo cho gia đình đủ sống.

Gặt kinh nghiệm trên cuộc đời tan vỡ của những cặp vợ chồng dị chủng bạn bè, cậu dự bị, phòng thủ cho mình, quyết nắm vững lái thuyền hạnh phúc và tin rằng cậu sẽ không ngã quỵ như những con chiên non.

Vợ cậu S. có học, khôn ngoan, nhưng cũng như bao nhiêu thiếu nữ non dại chưa có nghề nghiệp chỉ sống tựa vào chồng, nhưng chị không thấy thiếu thốn khi thêm mua sắm như họ vì công việc hằng ngày của chị là tiếp tay cha mẹ bán buôn nên có được đồng tiền ra vô chi phí.

Nhưng như tôi có lần nói với bạn rằng: đủ ăn mãi mãi với cái sức làm việc chật vật của chồng không phải là cái mộng của chị S. và của phần đông phụ nữ Âu châu có ăn học thuộc hàng trung lưu muốn có một người chồng dị chủng. Đối với họ, đành rằng lúc kết hôn họ không nhất thiết căn cứ vào mảnh bằng đại học hay tài sản sẵn của chồng, nhưng ít nhất hướng đi về tương lai của người chồng ấy phải có cơ trở vào một ngõ ra khả dĩ sáng sủa. Chẳng trách những thanh niên học hành dở dang, cả cuộc đời chỉ có thể làm những nghề nghèo nàn như khuân vác, làm thợ hay bồi bàn v.v... không lấy được vợ Việt thì cưới đầm rất dễ, nhưng các cậu thường chỉ có thể cưới những cô hoặc không nghề nghiệp, hoặc bán hàng, (vendeuse) hoặc nhiều lắm là thợ ký mà thôi.

Cuộc sống quá đầy đủ sung sướng của dân xứ này làm cho con người ước mơ không ngừng mà nhất là phụ nữ. Chỉ những ước muốn lật vật để làm cho đẹp mắt thiên hạ, chạy theo thời trang, cái thói quen thích đi ra ngoài (sortie), khi buồn miệng hút vài ba điếu thuốc hay vào tiệm nhậu vài cốc rượu khi trời quá lạnh hay quá nóng, ngồi vỉa hè quán giải khát ăn vài cái bánh để nhìn khách qua lại trên

đường phố cũng đủ làm điên đầu những ông chồng Việt rồi. Chị S. lại thuộc hạng đàn bà lợc chồng bực « ông » nên sau thời gian đắm ắm, tỉnh lại, nhìn vào tương lai, chị thấy chồng chị không thể trở nên một bác sĩ, kỹ sư được, mà hiện tại, nếu chị không có được một hiệu buôn như cha mẹ chị thì ít nhất chị cũng phải có một cái nhà rộng đẹp có đủ tiện nghi như sưởi, điện gaz, nước lạnh, nước nóng, cầu tiêu, phòng tắm và chỗ đồ rác tối tân, để chị khỏi mất công cực khổ đi ra ngoài và nhất là phải đùm đẽ áo quần, khăn khiếu mỗi tuần đến nhà tắm công cộng một lần. Đứa con lớn phải có riêng một phòng cho nó ngủ và chơi, chị lại thêm sửa soạn một phòng khác thật xinh để cho đứa con chị đang mang thai, nếu con gái thì tất cả đồ dùng và phòng của nó sẽ là màu hồng nếu con trai thì là màu xanh. Một phòng khách thật đẹp để chị mời mọc thân quyến, bạn bè cho vui cửa vui nhà v.v. Nhưng nhắm vào đồng lương vừa đủ nuôi gia đình của chồng, chị S. biết mình không thể thực hiện được ước mơ, cái ước mơ tối thiểu và tầm thường tự nhiên của bất cứ người bạn gái nào của chị.

Đọc được ý vợ trong cách ăn ở và đối xử với mình, cậu S. nỗ lực tìm thì giờ học thêm. Tối về nhà cơm nước xong, thay vì chơi với vợ con như thường lệ, cậu phải thức khuya ôn lại bài vở để ban ngày có thể làm chạy việc ở sở; như vậy may ra gia đình được sống yên và cậu có cơ đoạt lại mảnh bằng đem ước mong lại cho vợ.

Bạn ạ, ở xứ này mặc dầu có nhiều phương tiện để học hỏi nhưng nếu vừa đi làm vừa đi học, có giỏi gì cũng 5 hay 7 năm mới có thể thành tài. Phụ nữ Pháp không thiếu những người có đức tánh tốt, biết chịu đựng, đảm đang, hy sinh cực khổ với chồng con, nhưng cái lực tiện tặn, cần cù nhẫn nại, chịu khó của họ có lẽ họ chỉ dành cho những người đồng chủng chăng? Nếu phải tận tụy, cực khổ thì chỉ nên chung chịu với người chồng đồng chủng. Vì một khi đã đem cuộc đời mình cho một người dị chủng để mãi mãi không bao giờ trở lại với giống nòi trong lãnh vực tình cảm thì đòi lại sự mát mát ấy dĩ nhiên phải là một cuộc đời sung sướng chớ. Dầu là mẹ Tây, mẹ Mỹ bên mình thì cũng cùng một tâm trạng đó thôi. Có lẽ vì thế mà chị S. không đủ can đảm, kiên nhẫn sống trong cảnh tuy đầy đủ nhưng thiếu sang trọng để chờ chồng công thành danh toại. Và lại lớp đi làm, lớp đi học, cậu S. không còn đủ thì giờ để giúp vợ coi sóc công việc nhà cửa, con cái và làm đẹp lòng một người vợ Pháp còn trẻ cần có chồng ở bên cạnh hoặc đưa vợ đi vui chơi mua sắm.

Tiền, tài, sức và thì giờ đều không có đủ để dâng cho vợ, cậu S. đành chịu cho vợ ly dị sau khi vợ cậu sanh đứa con thứ hai. Rồi cũng như bao nhiêu người chồng thua kiện khác, cậu S. phải chạy nợ trả tiền tồn phí

về vụ kiện, phải cấp dưỡng hai đứa con cho đến lúc trưởng thành. Mỗi tuần cậu rước đứa con lớn về với mình một ngày và dẫn nó đi thăm đứa con nhỏ mà vợ cậu không nuôi lại gởi cho vú (nourrice). Phần vợ cậu, cậu cũng phải cấp dưỡng cho đến khi có chồng khác.

Qua mấy lần lựa chọn, vợ cậu S. tái giá với một người chồng Pháp. Cũng như cậu Đ và cậu Q, cậu S. vô cùng khổ sở vì nỗi không dạy dỗ lũ con theo ý mình được; một đứa noi theo mẹ, một đứa noi theo vú.

Càng ngày cậu càng thấy rõ chúng và cậu là hai thái cực mặc dầu trước kia cậu vẫn từng đứng ở phía những người chẳng những bênh vực mà còn cổ vũ cho giáo dục Âu Châu. Bây giờ không phải cậu chê thứ giáo dục đó mà chỉ vì nơi cậu vẫn còn sót lại phần nào giáo dục của ông cha mà đến giờ phút này cậu mới thấy nó hiện ra. Nó làm cho cậu không thể tiếp nhận hay hòa mình trọn vẹn trong một giáo dục khác được.

Con cậu mới 5 và 7 tuổi đã bắt đầu đặt nhiều câu hỏi về cuộc sống riêng của cha nó và về người chồng mới của mẹ nó mà cậu trả lời không xong. Khi gần cha chúng cần đỡ ra tất cả những tánh, tật do mẹ và vú chúng đã giáo dục chúng theo kiểu mẫu tự do ích kỷ dè mà trừ lại những lúc chúng phải e dè vì sợ cha ghẻ hay sợ vú mà không dám lộ ra. Rồi mỗi ngày lớn, cái ý nghĩ cha nó là người bị vợ chê này nở trong đầu chúng. Non dại chưa biết gì chúng tự nhiên a dua theo mẹ theo vú và theo hoàn cảnh chê cha chúng nghèo hơn mẹ chúng. Thì giờ gần gũi con quá ít nên cậu S. chỉ lo cưng chiều con mà không nỡ rầy la hoặc giải thích cho chúng. Dầu vậy sự đau khổ về chỗ chịu đựng con và về nỗi khổ tan vỡ của đời mình không sao cân bằng sự đau xót của cậu khi nhìn chúng mỗi ngày trở thành rõ rệt là những nạn nhân đáng thương của chuyến phiêu lưu do mình đã gây ra. Càng lớn chúng càng bị giằng xé giữa tình thương của cha và mẹ, giữa giáo dục Đông và Tây, thêm vào óc bao nhiêu hoài nghi về cuộc đời.

Thương xót và khổ vì con cậu S. bấy giờ mới nhớ lại thương cha mẹ thiết tha.

Lòng cậu S. bị nung nấu vì những ước ao : đất nước Việt mà cậu ước ao được về, người vợ Việt mà cậu ước ao được yêu, thứ giáo dục và tiếng mẹ thân thúy mà cậu ước ao được đem truyền dạy cho con bị cả một đồ võ của đời cậu đập tan. những mảnh vụn tang hoang không còn hàn gắn được, lúc bấy giờ, không cho cậu còn có phương tiện và yên lành để thực hiện những ước ao kia nữa.

(Còn tiếp)

MỘNG-TRUNG

Năm-tháng-mù-sương

Rồi các em mỗi người đi mỗi ngã
Mang vào đời thêm nhiều nỗi cô đơn
Thầy đứng đó từ đầu thu cuối hạ
Mỗi mắt nhìn sách vở cũ tang thương

Rồi những mùa thu mùa thu lá rụng
Thầy băng khuâng trong từng buổi tựu trường
Một ngày kia quê hương ngừng tiếng súng
Còn em nào trở lại tự muôn phương ?

Hay tất cả sẽ cùng nhau nằm xuống
Sẽ cùng nhau thành tiếng núi lời sông
Thầy đứng đó nghe tâm hồn biển động
Những buồn thương như biển cả mênh mông

Thầy đứng đó giữa cuộc-đời-góc-cạnh
Nhớ-ngày-xưa-hoa-bướm-lạ-thiên-đường
Thương các em chưa đầy lông đầy cánh
Bay vào đời trong năm-tháng-mù-sương.

PHAN-PHỤNG-THẠCH

(Viết cho học trò)

Buổi tối êm đềm

Trời vừa tắt nắng, Chú Chín Hạc vừa về. Sau khi cột chiếc xuồng vào chân chiếc cầu nhúi, chú vội khoe với bà Tám Dưa Lá ở nhà bên cạnh :

— Nè bác Tám, kỳ dở chà này, tui được nhiều cá he, nhiều tôm lắm nghe.

Bà Tám đội chiếc khăn bàng, xúc thêm một chút dầu nhị thiên đường trên trán, mũi, và ở cổ (vì bà bị cảm), bước ra sàn nước, nói đùa.

— Sướng dữ he. Nè đề cho tui ít ký ăn chơi, chú. Mà chú phải bán rẻ rẻ một chút. Cái bến của tui, chú không xin phép, xin tắc gì hết, tự tiện cắm chà. Rồi suốt theo dọc con rạch Long Hồ này, mỗi cái bến của lũ con, lũ cháu của tui chú cũng đem cắm chà ráo.

Chú Chín Hạc đùa :

— Coi, bà ho hen, suyễn tới suyễn lui ăn tôm làm gì cho quên đàm.

Vợ Hai Thanh, con dâu bà Tám nguýt :

— Thây kệ người ta. Đời sống mà chết thèm, chết lạt hoài chịu sao nời Bộ chú không chịu bán rẻ phải không ?

Thiểm Chín ở trong nhà bước ra, sắc mặt bình thản trái với sự mong đợi của bà Tám và chú Chín.

Bà Tám liền hỏi :

— Bộ thiểm không mừng hả ?

Thiểm Chín Hạc cười gượng :

— Mừng chớ. Nhưng mà, tui coi bộ bán mớ cá tôm đó bắt quá vài trăm bạc là cùng. Lóng rày đồ ăn thức uống có mắc mớ gì đâu ?

Vợ Hai Thạch phân bua :

— Lúc này, tôm cá ề hề. Mà rủi quá, tui bị cảm luôn luôn. Đòi người mà, ai biết được sống nay chết mai, hơi đâu mà kiêng mà cũ. Bởi vậy, hể đêm nào ngủ, tui nằm chiêm bao, thấy vía của mình muốn ăn món gì là sáng ra tôi phải tìm món đó mà ăn cho được.

Chú Chín Hạc đem hai rọ tôm lên đưa cho bà Tám quan sát rồi nói :

— Kỳ này tôi trúng tôm càng thứ lớn.

Bà Tám thần thờ :

— Tôm kho tàu đề dành ăn thì thắm miệng lắm.

Khi bà Tám bước vào nhà, vợ Hai Thạch, cùn quần :

— Cái thứ thằng cha Chín Hạc là cái thứ không biết điều gì ráo. Đáng lẽ nó phải tạ ơn cho má con mình một mớ nhắm cá cho phải điệu.

Bà Tám rót nước vào tô đá, uống một hơi rồi nói :

— Ồi ! Cầu cho nó bán rẻ cho mình.

Vợ Hai Thạch ngó xéo qua nhà Chín Hạc :

— Thằng cha đó là thằng điếm chứ phải chơi sao. Hồi tháng ba năm ngoái, nó đặt dóc phóng ra một cái tin rằng trong mấy ngọn rạch ở cồn An Thành có một con sấu nổi lên. Báo hại thiên hạ không ai dám lội xuống rạch mò ốc gạo. Cho đến mùa ốc kỳ này, thiên hạ cũng chẳng dám léo hánh tới nương rạch. Thế là nó liền đem xuống qua, lặn lội chỉ có một ngày mà kiếm đâu chừng năm chục lít ốc gạo mà ốc con nào con nấy mập tròn. Cái quân ăn ở bất lương thiệt mà.

Bà Tám phụ họa :

— Con còn nhỏ, con làm sao hiểu thấu lẽ trời ? Cái thứ mưu thần chước quỷ, đá cá lặn đưa đó, có bươn chải tới đâu cũng chẳng giàu hơn ai. Trời ăn ở công bình lắm, con ôi ! Con thử chống mắt mà coi, cách con vợ nó đối xử với nó. Con mề miệt thị chồng ngấm ngấm. Cái thứ đàn bà không nói không năng với chồng có khi cả ngày, đó là nó muốn lộn nài bẻ ống để bỏ nhau, nói cho con biết.

Vợ Hai Thạch cười mũi :

— Con mề ngán chồng như ngán cơm nếp nát. Vậy mà họ còn lòng dạ nào sống chung một nhà. Cái đó mới lạ cho chớ. Nếu không có con cái với nhau, chắc họ thôi nhau rồi.

Bà Tám yên lặng bỏ xuống bếp. Lửa trong lò đỏ rực. Nồi cháo heo to tướng đang sôi sùng sục. Đã từ một năm nay, bà Tám nhận thấy trong tâm hồn mình

có một sự thay đổi lạ lùng. Sự sôi nổi dễ kích động hình như đã loãng đi nhiều. Trước kia, bà sẵn sàng tìm một đối tượng để mà yêu thương, giận ghét, ghen hờn. Bà sẵn sàng lao mình vào những cái lưới chằng chịt của tình cảm gay gắt rối ren. Những người chung quanh bà làm cho lòng bà bận rộn luôn. Bữa nay bà yêu mến người này vì họ có một vài cử chỉ tốt đối với bà, nhưng chỉ ít lâu, họ sẽ là một cái bia để hứng những cơn thù hận xối xả của bà vì một chỗ sơ hở nào đó. Sự cãi vã, chưởi bới lúc nào cũng niềm nở gọi bà dự phần vào. Lòng bà chỉ là một sợi tơ, mà những chuyện vặt vãnh sẵn sàng lay động nó,

Nhưng có sao gần một năm nay, bà cảm thấy sự mệt mỏi như đè lên cái háo chiến, háo thắng của bà. Mọi việc gì đến bà, cũng như một cơn gió lướt trên mặt đá cứng, rồi thoảng qua, không gây một ảnh hưởng cón con nào. Niềm chán ngán mệnh mông như một lớp bụi trùng điệp, mù mịt rơi vào lòng bà, đẩy bà ra khỏi những sự trói buộc phiền toái của tình cảm đậm đà. Thỉnh thoảng, bà cũng ngạc nhiên về sự thay đổi đó, và nghĩ rằng mình sắp kề miêng lỗ. Tự nhiên bà cũng thấy hơi sợ hãi về cái chết.

Nhưng bà Tám, không hẳn là người hiền. Khi nào gặp một sự bất bình, chưa hẳn bà thoát khỏi cái móng vuốt của cơn phẫn nộ. Nhưng liền đó, bà chợt nghĩ tới cái bất hạnh nào đó của kẻ gây ra việc bất bình đó, rồi tự an ủi, rồi tự hả hê. Đó cũng là một sự rút lui hữu hiệu, một thái độ trốn lánh những chuyện bức mình.

Đã đến bữa ăn chiều rồi đây. Ngọn đèn dầu Hoa kỳ thấp sáng, soi rõ cái bàn tròn trần trụi gần bên khuôn bếp và cũi đựng chén. Ba cái chén đá trắng men màu trứng sáo, và ba đôi đĩa tre đặt gần bên bày gần mép bàn. Mãi tới bây giờ, Hai Thạch, con trai của bà vẫn chưa về. Y có một sạp vải ở ngoài chợ Vinh Long. Cứ sáu giờ sáng là y đạp xe máy ra chợ, mãi tới tối mịt mới về.

Có tiếng cô Hai Tiểu Thuyết, cô bạn láng giềng của reo ở bên hè :

— Bà Tư, tối nay bà đi coi hát không ?

Bà Tư mở cửa sau, để quay về hông nhà cô Hai, nói lớn :

— Thôi, đi làm gì cô. Coi hoài những thứ nịnh thần trong tuồng, mình mắc công giận, chớ có ích gì, còn gặp kẻ trung lương mà chịu hoạn nạn mình cũng mắc công thương xót...

Cô Hai mặc áo trắng, quần Mỹ A đen, ông ẹo đứng dưới cây trứng cá. Dưới chân cô, những cây môn kiềng hoang dại, diềm lấm tấm những chấm đỏ tươi hiện rõ giữa khung trời còn sáng. Cô Hai Tiểu Thuyết nói :

— Nằm nhà mãi sinh chán, tôi muốn giải trí một lần xem sao. Cái tuồng hát tối nay bi đát mà đầy ý nghĩa triết lý nữa.

Bà Tư nói vọng qua :

— Thôi, cô coi hát dùm tôi, nhen. Bữa nào rảnh cô thuật lại cho tui nghe. Minh già cả rồi, đi coi những tuồng tích có văn nói lắt léo, rần rí nhưc cả đầu.

Cô hai đứng ngẩn ngơ dưới cây, tay vịn một nhánh mềm. Con chó Vện quanh quần bên cô. Sau lưng cô là một sợi giây kẽm căng từ kèo nhà đến cây trướng cá, phơi đầy những tà áo xanh đỏ, hoặc đầm bông hoa sắc sỡ.

Vợ Hai Thạch mở tủ đựng thức ăn, lấy đĩa cá Chim muối chiên đặt lên bàn, nói với mẹ chồng :

— Ở cái xứ này dễ đúng gì có cá chim mà ăn. Má con Ngọc Anh đi Trà Vinh mua rồi bán lại đó đạ. Con mẹ bán mắc lắm. Giàu như con mẹ là giàu bòn xền, keo kiệt. Đề rồi má coi, chừng con mẹ chết không có hòm mà chôn. Đời thuở nhà ai, con mẹ cho vay ăn lời cắt cổ; nếu ai thiếu tiền tới kỳ chưa trả là con mẹ nhào vô nhà người ta xiết đồ đạc...

Bà Tư nhìn con dâu, hờ hững nói :

— Con nói phải lắm...

Sự thật, bà chỉ đề ý hai câu đầu của vợ Hai Thạch. Mấy câu sau của thị như chuỗi trơn trượt trên trí óc của bà rồi tan vào cái quên lãng mù-mịt. Ít khi bà chú trọng lời lẽ của con dâu, một người đàn bà mồn mép dữ dội và tục tằn. Mỗi khi thị nói, nếu bà hỏi thử một vài điều, tức thì một cái thác nước của lời nói xối xả đề xuống tai bà rần rộ. Vợ Hai Thạch có một sự liên tưởng hết sức phong phú. Một khi thị buông ra một câu chuyện, tức thời những câu chuyện khác nối đuôi theo cuống quít nhận chìm người đối thoại với thị vào cái ngọt ngạt dài đằng đẳng.

Trời đã tối hẳn. Hai Thạch đã về. Chiếc xe đạp dựng ở hàng ba. Hai Thạch có một thân hình to lớn, hơi nặng nề. Gương mặt của y hơi trệt, nhưng đôi môi của y gọn, liếng thoảng rung động. Vừa bước vào nhà bếp, Hai Thạch liền báo tin:

— Nghe nói thầy giáo An ở trường làng mình tính đi hỏi con Ngọc Anh.

Vợ Hai Thạch trở mặt rồi nói một loạt :

— À, thầy giáo An đi hỏi vợ ! Sao mình biết ? Ai nói với mình ? Cái thầy giáo An trắng trẻo, ốm ốm, cao cao, cái mặt buồn nguyền buồn ngằm suốt đời đó mà. Còn cái con Ngọc Anh có đẹp để gì đâu. Nó ỷ học giỏi, học ở ngoài trường trung học Vinh-Long, biết nói chữ Tây chút đỉnh nên nó khi thị thiên hạ như đồ xả-

rác. Tui coi bộ hai người không có xứng đôi đâu. Con Ngọc Anh tuy có gương mặt sáng sủa nhưng cao lớn, ô dề, kịch-cộm lắm. Nó phải lấy Tây, lấy Mỹ mới coi vừa mắt thiên hạ. Mình có biết tại sao con Ngọc Anh không tới đây chơi với tui không? Tui vốn ghét cái thù con gái nhà giàu ỷ tài, ỷ sắc, tôi...

Bà Tấn bước trái ra sàn nước, không tham dự vào câu chuyện của con trai và dâu. Bà nhận thấy rằng mỗi khi vợ Hai Thạch say mê câu chuyện, thì có một gương mặt và thái độ khác, như một gương mặt của một người ngồi cốt bị một linh hồn khác nhập vào.

Cô Hai Tiểu Thuyết đã vào nhà, gỡ hết quần áo phơi trên dây kềm. Chiếc cửa sổ mở rộng, bày một vuông ánh sáng vàng đục từ ngọn đèn khí đá hắt ra.

Có lẽ cô Hai đang dùng cơm trong nhà. Cô Hai Tiểu Thuyết mới dọn về đây hơn một năm. Không ai rõ chắc chắn gốc gác của cô. Mọi người trong xóm chỉ mang máng biết rằng, trước kia cô ở Ngã Tư Nhà Đài, con một ông Hội Đồng giàu có. Cô đến đây mang một chút phong độ quý phái, là cách ăn nói chậm rãi, văn vẻ, có thái độ nghiêm trang, hơi kiêu kỳ biệt lập, và sự say mê xem tiểu thuyết lu bù của cô nên mới có cái danh hiệu đặc biệt đó. Cô mở một tiệm hàng tạp hóa nho nhỏ, bán kèm thêm rau đậu và thịt heo. Con Sáu Kiều là đứa em bà con của cô, kiêm người giúp việc cũng giống cô ở chỗ ăn nói văn vẻ theo lối văn chương người Bắc. Hai tiếng mà chị em họ thường dùng là « thảo nào » và « xoàng quá » để thay hai tiếng « Hèn chi » và « thường quá ». Bà Tám và vợ Hai Thạch không ưa cô Hai Tiểu Thuyết lắm, nhưng hơi nể cô vì cái quá khứ mù mờ của cô có vẻ quyến rũ và khả kính. Cả hai mẹ chồng và nàng dâu thường thuê dệt và tưởng tượng nhiều chuyện hay ho nhưng hơi hoang đường để thêm thắt vào chi tiết của đời tư cô Hai. Vợ Hai Thạch học hết ban Tiểu Học, nên thích lựa người bạn có đôi chút học thức để đánh bạn. Tuy dụng mặt cô Hai Tiểu Thuyết, thị tỏ vẻ cung kính lễ phép, nhưng sau lưng cô Hai, giữa đám đông toàn là đàn bà thì vẫn bị lôi cuốn vào câu chuyện nói xấu cô Hai. Có nhiều lúc thị lấy làm ngạc nhiên rằng lúc đó thị chẳng giận ghét cô Hai Tiểu Thuyết chút nào, nhưng giữa bọn đàn bà ngồi lê đôi mách, thị cần nói xấu một ai đó, để cho câu chuyện thêm đậm đà. Điều đó cũng như nhu cầu của một nhà văn gặp cảm hứng ồ-ạt tới, còn phải tháo rút tư tưởng lên giấy trắng mực đen.

Bữa cơm chiều trôi qua. Ngọt đèn vàng vọt rọi một khoảng hẹp trong căn nhà vắng vẻ. Hai Thạch vận chần tằm nằm ở võng dựa cột kệ, chị vợ ngồi ở hàng ba ăn mía.

Bà Tám đi đốt nhang cắm ở bàn ông thiên và ở bàn Phật. Không hiểu tại sao vào mỗi buổi chiều, bà cứ nghĩ đến những chuyện Niết Bàn, sinh tử? Bóng

tối như một làn nước mênh mông xóa nhòa vũ trụ, và làm nổi lên trong tâm hồn bà những lo lắng vu vơ. Có nhiều đêm vùi đầu vào gối, bà tự nghĩ rằng ngày mai, bà còn có thể thức dậy để nhìn buổi rạng đông mát mẻ hay không? Hay đã đi vào vĩnh viễn trong một thế giới khác?

Hai Thạch tăng hăng rồi bảo vợ :

— Tui muốn đi thăm viếng ba má bên mình ít bữa. Năm này tháng nọ ngồi canh cái sập vải hoại, mình muốn nghệt thở. Vợ chồng mình chẳng có con cái chi, có làm thì phải có tiêu khiển với thiên hạ kéo thiệt thòi.

Chị vợ tán thành :

— Lâu lâu mình cũng nên thay đổi không khí, kiểm kiềng vật lạ mà coi để cho trí óc thanh thoi. Suốt năm, suốt tháng ở cái xóm hẻo lánh này mình tưởng chừng như bị đày ải gì đâu.

Hai Thạch nói :

— Tôi lựa mùa chim mới về dưới tía má. Cậu Năm em chú bác của mình có đủ cách gài bẫy chim, và cách bắt chuột đồng nữa.

— Về miệt Giáp Nước, Cái Ngang tha hồ mà nhậu ; báo hại trở về đày mang bệnh ghien cho coi.

Bây giờ là lúc vợ Hai Thạch bắt đầu trôi xa vào sự tập trung những hình ảnh của quê hương trong quá khứ. Nhưng thị không nói lên một tiếng gì. Bao nhiêu là mẩu chuyện vui buồn cuống quít đậu trên đầu óc thị, rồi múa may đến lão đảo cả tâm hồn thị.

Phải có cái gì thay đổi trong cuộc sống như mỗi một trong cơn bệnh trầm khe này. Chính thị thỉnh thoảng bắt gặp mình có ý tưởng đó, nhưng rồi bao nhiêu công việc hằng ngày lặng lẽ xóa nó đi. Cứ mỗi buổi chiều, sau khi rửa chén đĩa, giặt mùng, giũ chiếu xong, thị bước ra hàng ba, ngơ ngẩn như ngóng đợi một cái gì... thật vô lý hết sức. Cuộc đời không phải chỉ gồm có một sự an ổn lười biếng kéo dài để chìm thị vào cái ngộp ngua mênh mông. Bởi vậy, vợ Hai Thạch cần phải kiếm một ai đó để đặt tình cảm sâu đậm vào, nghĩa là sẵn sàng thương yêu ca tụng người này, thù ghét, hờn giận người kia. Thị quăng mình vào cái bầy của những công việc hằng ngày, rồi dấy dựa đề xua đuổi cái chán nản về cuộc sống tẻ ngắt đi. Hình như nếu không nói chuyện với ai, kích bác kẻ vắng mặt thì cái ám ảnh đó sẽ đậu trên óc thị. Cuộc đời của người đàn bà dư giả, muốn con thật là trống trải, để cho thị phải múa may, độc diễn giữa biết bao sự vô ích không đâu.

Phải chi thị có một đứa con ? Ba năm chung sống với Hai Thạch, thị vẫn chưa có một triệu chứng nào về sự thụ thai. Một nỗi lo âu bắt đầu lay động thị vào câu nói bóng gió của bà Bang Biện Quí, má của Ngọc Anh thường đến thị trong những đêm thị mất ngủ : «Cây độc không trái, gái độc không con»

Bà Tám cũng bắt đầu nhắc nhở c n dâu về chuyện nối giới tông đường. Vợ Hai Thạch bướng bỉnh cãi lại rằng nếu phần số Hai Thạch không con thì dù có ẵm ở với người đàn bà khác cũng không con như thường. Nếu gặp lúc bà Tám còn đang bồng bột với cuộc đời, chắc chắn sẽ có cuộc cãi vã kịch liệt giữa mẹ chồng và nàng dâu. Nhưng bây giờ, bà Tám như muốn đứng ra ngoài cuộc đời, và có cảm tưởng mình đi sâu vào đời sống an lành vĩnh viễn ở bên kia thế giới... và nhờ đó, vợ Hai Thạch tha hồ giảng giải tiền kiếp, nhân quả để xóa mất chuyện muộn con của mình.

Từ hai năm nay, bà Tám không làm nghề dựa lá lợp nhà nữa. Vì tiếp xúc với bụi và phấn dính trên lá chằm thường xuyên nên bà thường bị suyễn — những cơn suyễn mệt nhọc thứ điều đứt hơi thở. Thuở còn trẻ, bà Tám chằm lá mướn có tiếng là giỏi. Mỗi ngày, bà có thể chằm lối ba trăm tấm. Bởi vậy, từ trong Lộc Hòa, bà phải bơi xuồng vượt qua lối ba chục cây số, đem theo gạo muối, củi, nước mắm, mùng chiếu để đến Cầu Dài chằm lá mướn từ tháng này qua tháng nọ.

Cuộc đời dựa đầy bà có một số vốn nho nhỏ, để mở một trại dựa lá ở bên dòng rạch Long Hồ. Rồi bà có chồng, rồi Hai Thạch lớn lên.., Cuộc đời của bà kéo dài bên dòng nước trôi chậm rãi, lờ đờ, một cuộc đời ít khi bà nghĩ đến một sự thay đổi cón-con và thân nhiên nhìn mình hoạt động trong đó và tàn tạ trong đó.

Hôm nay, nghe vợ chồng Hai Thạch muốn thay đổi đôi chút cái không khí ở khung cảnh khác, bà chợt nghĩ đến cái chết. Cái chết đã ám ảnh bà từ một

TUẦN NÀO CŨNG VỀ THÊM NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ 1. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

năm nay, có phải chẳng là một sự thanh thoi hay chỉ là một nơi đem sự cô độc phủ trùm lấy bà? Bà cũng đọc kinh, niệm Phật, ăn năn sám hối để tìm sự bình tĩnh cho tâm hồn... Nhưng, bà vẫn hoài nghi rằng có Thượng Đế, có sự trừng phạt hoặc cứu rỗi hay không. Thỉnh thoảng, bà Tám ngạc nhiên là tại sao bà có những tư tưởng và thái độ như thế. Cái ý nghĩ về cái chết có thể dao động tâm hồn bà, và đem lại bà những tư tưởng và thắc mắc đầy ăm ắp như thế sao?

Vợ Hai Thạch ngáp một tiếng lớn, rồi bảo chồng :

— Bnồn thấy mụ nội đây !... Công việc nhà chẳng gì là bề bộn. Hết lo buổi cơm sáng lại lo buổi cơm chiều. Thét rồi, em cứ tưởng cái xóm nầy như chốn Khỉ ho cò gáy miệt Nà Mau, Năm Căn.

Hai Thạch lại nói :

— Tui muốn nghỉ xả hơi một đôi ngày. Hồi chưa có cưới mình, tui giúp việc cho thằng Chệt chủ tiệm Chánh Ký. Tui lãnh phần đi bỏ mối cà phê và trà hộp ở những vùng Phú Quới, Cầu Vỹ, Mai Phốp, Vũng Liêm, Giồng Ké. Đi đây đi đó tuy có cực mà vui biết chừng nào. Bây giờ tui bó gối ngồi sạp vải nghĩ cũng tù túng...

Chị vợ cưới ngao ngán :

— Em muốn trở lại nghề làm bánh phồng tôm. Lúc chưa có sanh đẻ, tại sao mình không tìm cách kiếm tiền? Có việc để làm, mình cũng nguôi ngoai cái nhàm vợ vằn. Em có biết tài làm bánh phồng cá nữa; bánh phồng cá của em không tanh tanh như của thiên hạ, ăn vô một miếng nếu dùng để ý thì thiên hạ tưởng như ăn bánh phồng tôm vậy.

Hai Thạch nói :

— Hồi còn con gái, em có xuống miệt An Nhơn Vũng Liêm học cách làm nem mà. Nếu em, chịu khó làm hai thứ nem và bánh phồng tôm rồi đem cho mấy người bán lẻ ở «bắc» Mỹ Thuận, cũng kiếm bộn tiền chứ phải chơi sao.

— Ẽm muốn làm ăn lắm chớ, nhưng mà....,

Giọng vợ Hai Thạch trở nên nũng-nịu hơn :

— Tại mình ghen bóng ghen gió, không chịu để cho em bươn chải ở ngoài đời. Trời ơi! cứ dú em như dú chuối như vậy chắc em mục xương mục cốt.

Hai Thạch véo vào má vợ rồi bước lại bàn rót nước uống. Chị vợ lại ngáp rồi đi ngay vào buồng gói. Bà Tư khi niệm kinh, bước lại sửa mấy cái bông vành vành trắng nuốt cảm trong lọ sành đặt trên bàn Phật. Hai Thạch nói với mẹ

— Cái chái lá đề dựa lá chằm đó, bây giờ nên dỡ đi để trồng rau, hoặc dùng nó để dựa củi. Chớ để trống trải như vậy hoài, con thấy bất tiện quá.

Bà Tư nói :

— Tùy con. Má đã già rồi, tính toán không ra việc gì hết. Má cũng muốn trồng ít cây líp huệ để có bông cúng Phật.

Hai Thạch vươn vai, ngáp. Có tiếng khua động của chị vợ ở trong buồng. Đêm yên lặng trôi tới và bắt đầu vào khuya. Dưới sông, nước vỗ long bong vào chân sà. Tiếng tàu xà lang chạy sinh sịch. Sự yên tĩnh quen thuộc như đè nặng tâm hồn mọi người. Có nhiều đêm, có một vài tiếng động khác, như tiếng ca vọng cổ của một người chèo ghe thương hồ vẳng lên, khuấy động ý nghĩ mọi người. Hai Thạch mới chợt tự hỏi, cuộc đời chỉ có một sự thay đổi nhỏ nhất, vô ích như vậy sao? Và cái xóm cách xa tỉnh lỵ lỗi năm cây số có vẻ tiêu điều mòn mỏi trong cái bình thản như vậy hay sao? Sự khuấy động đó, thật sự, tuy nhỏ nhất vô ích, nhưng đưa cho y một cái bản khoán vô lý và làm cho y đối diện cả một chuỗi sinh hoạt lặng lẽ, nhạt nhẽo của y từ ngày này tiếp nối qua ngày khác.

Bà Tư bước lại vũng đưa tòn-teng. Tiếng vũng nghiêng ngằm, chậm rãi, đu đưa y vào một cái tẻ ngắt. Đi ngủ thôi. Sáng ra, chắc hẳn y sẽ quên tuốt những ý nghĩ phiền muộn đêm nay, nhưng tới chiều mai y sẽ trở lại cái cảm giác chiều nay.

(còn nữa)

HỒ-TRƯỜNG-ANH

tìm đọc

đất sống

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

TÌM ĐỌC

Tuổi Thơ

Tập truyện của LƯƠNG-THẾ-NAM
NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO PHÁT HÀNH

TẠ TỬ

(sau khi đã Sống và Viết)

Mười lăm năm,
Rồi mười sáu năm.
Bao nhiêu nghĩa nặng với tình nồng ?
Bao nhiêu chịu đựng trong khu ấy ?
Và bấy nhiêu phen lạnh cứng lòng !

Sống nhục trong lò thù hận ấy.
Sống hèn giữa chợ giỡn chơi này.
Em ơi ! Ví đã tàn mơ ước,
Anh đã về... đâu, em có hay !

Sa mạc đời anh đã mệnh mông,
Đồng hành, em đã má phai hồng,
Mà nơi xa thăm, em nào thấy
Bóng một cành tươi cạnh nước trong.

Sa mạc đời anh còn mệnh mông,
Cho anh sống nốt : bàn tay không,
Với tình rộng mát bao la ấy,
Để lại này đây : bốn mắt trong.

Bốn mắt xinh như nước ngọc tuyền
Tươi như dòng nước nở trĩnh nguyên
Đề em nhìn tận trong lòng chúng
Bóng - của - người - đi - vẫn - cứ - điên

khuya 20-6-66
NGUYỄN-NGU-Í
(có một bài thơ.)

NGUYỄN AI LỮ

Những người không chết

Mưa ào ạt đổ xuống thành phố. Sau trận mưa lớn, mặt đường chỉ còn lại những vũng nước đục ngầu, hừng hực bốc hơi dưới ánh nắng gay gắt. Thành phố đã vào mùa mưa. Chiến tranh đang ở mức độ sôi bùng.

Chín tháng trời qua. Nghĩa đã rời trường bộ binh và được chuyển đến Phước Thành. Cái tên này nghe xa xăm, ớn lạnh như một miền đất chết mà ít người muốn đến bởi vì nó nằm sát chiến khu D và đã bị địch chiếm một lần.

Từ trên máy bay trực thăng nhìn xuống qua khung cửa trống, Nghĩa chỉ thấy một khu đất trắng lợt giữa biển rừng mênh mông vây hãm. Một con đường đất hẹp bơ vơ chạy từ tỉnh về đến Biên-Hòa. Ngoài những màu man rợ, căn cỗi của rừng và đất cát, không có một dấu hiệu văn minh nào xuất hiện dưới tầm mắt Nghĩa. Chẳng có cái ý nghĩ mình đã đến một nơi hoang sơ tận cùng của trái đất mà thiên nhiên còn tự do ngự trị.

Đại đội Nghĩa nằm sát sân bay. Hơn mấy chục con người phức tạp sống trong những gian nhà tranh trống rỗng, mọt nát. Họ dựng áo mưa làm vách che mưa gió và giăng những cái võng ni lông để ngủ thay cho giường. Một phi đạo gỗ ghề chênh phía sau. Rừng quay trước mắt và hai bên hông. Những vách rừng chẳng chịt, đen tối, dọa nạt, sừng sững vươn lên choán hết tầm mắt của con người.

Các binh sĩ ở đây đã quên đời sống của chính họ. Ngày đêm, họ sống lẫn lộn không còn biết thiếu thốn cực khổ là gì. Mỗi người chỉ chiếm được khoảng đất vừa đủ một người nằm, trên đó họ đã ăn, ngủ, đánh cờ, viết thư, và vui buồn mọi chuyện.

Người đầu tiên Nghĩa gặp là một thượng sĩ già. Nhìn Nghĩa, vầng trán hơi nhăn, đôi mắt kinh ngạc. Miệng hắn cười khô khan :

— Thiếu-Úy còn trẻ lắm. Về đây Thiếu Úy cần có cái võng thật tốt và đôi chân đi cho dẻo như các bà đi chợ.

Nghĩa cười trước câu nói khôi hài của người thượng sĩ. Chàng hỏi :

— Anh chiến đấu đã bao nhiêu năm ?

— Mười lăm năm. Từ khi Tây còn ở đây.

Nghĩa ngắm những huy chương trên ngực hắn. Khuôn mặt đen sạm và thô kệch của hắn chói chan hãnh diện.

— Ông tiểu đoàn trưởng ở đâu ?

— Gần đây. Thiếu Úy đi theo tôi.

Người thượng sĩ dẫn Nghĩa đi gặp ông tiểu đoàn trưởng ở xa độ một cây số. Một người béo thấp, mặt tròn, đôi mắt đỏ ngầu miệng luôn luôn ngậm điếu xì gà angles. Ông ta day đi day lại điếu thuốc trên môi rồi rút ra miệng nói cộc lốc :

— Anh Nghĩa về coi đại đội. Bọn nó đánh giặc rất giỏi nhưng nhiều thằng ba gai.

Ngoài câu nói ấy Nghĩa không nghe ông tiểu đoàn trưởng nói câu nào khác. Chàng chào ông ta, vội vàng quay về đại đội. Nhớ lại bộ mặt làm li và đôi mắt đỏ ngầu của ông tiểu đoàn trưởng, Nghĩa hỏi lại người thượng sĩ :

— Ông ấy thế nào ?

— Khó tính lắm. Chơi bời một cây.

— Ở chỗ này cần có những con người như thế.

Người thượng sĩ gật gù không nói. Trước khi Nghĩa đến hắn vẫn coi đại đội. Bấy giờ hắn làm đội phó. Tình trạng thiếu hụt quân số vẫn chưa kịp bổ sung.

Vừa sửa lại xong doanh trại, đơn vị Nghĩa được lệnh đi hành quân. Mọi người phải mang theo năm ngày ăn. Chỉ một hai người bệnh phải ở lại doanh trại. Trời mưa tầm tã. Nền trời u ám nặng nề. Từng cánh quân cắt rừng đi, không dám đi trên đường mòn vì sợ mìn. Trước khi gặp địch rừng là một kẻ thù đáng lo sợ. Cây cối chẳng chặt đan sát nhau, ngăn cản bước đi của đoàn người. Màu xám xanh

của rừng trùng điệp miên man. Đoàn người hoàn toàn mất hút trong rừng già sâu thẳm. Nghĩa chỉ còn liên lạc với ông tiểu đoàn trưởng và phi cơ L. 49 qua máy truyền tin. Lực lượng hành quân chỉ có một tiểu đoàn, chia thành ba mũi tên tiến sâu vào giữa chiến khu địch. Thâm ý của bộ chỉ huy Biệt Khu muốn gây cho địch hoang mang, giao động và bất an.

Đến trưa, cánh quân Nghĩa dừng lại nửa giờ nấu cơm. Những cành cây được bẻ cong xuống để binh sĩ treo nồi, nồi lửa nấu cơm. Ngọn lửa tàn ác đã thiêu rụi cả những cành củi ướt nhóp nháp.

Cơm chín, binh sĩ vừa đi vừa ăn. Có anh vừa đeo cơm vào miệng, vừa lấy tay kéo những con vắt cắn chặt vào cổ hút máu. Mùa mưa rừng đầy vắt. Con vắt chỉ nhỏ bằng đầu que tăm bám sẵn trên lá cây. Khi người thấy hơi người đến gần nó ngộ nguậy và dính vào da thịt. Chỉ một lát sau mình nó mọng đỏ hăng đầu chiếc đũa. Nghĩa rừng mình thấy con vắt vừa bám chặt vào cổ tay chàng. Con vật này không sợ chất hóa học mà chàng đã bôi lên người để trị vắt muỗi. Rồi chàng giết chết con vật đó.

— Sắp qua suối chúng ta nên cẩn thận.

Người thượng sĩ dẫn dò các bạn đồng đội trước khi vượt suối. Hẳn lội xuống suối trước tiên, đi ngược dòng suối một khúc xa rồi mới băng lên bờ. Những vết chân hẳn đều được xóa bỏ. Toán quân đi sau làm đúng theo hẩn. Không ai dám bẻ cây vì sợ trình sát địch biết và bám sát. Chiều tối. Cánh quân dừng ngay giữa rừng. Những chiếc võng được giăng lên giữa hai thân cây. Mỗi người lính lấy áo mưa phủ kín người rồi lặc lư ngủ. Chiếc máy truyền tin ngừng liên lạc. Bóng đêm rừng rợn bao trùm lên tất cả. Nghĩa chợt nhớ đến Huyền. Những kỷ niệm về tình yêu vụt hiện trong óc chàng rồi tan biến nhanh chóng. Nghĩa cảm thấy rã rời thân thể. Chàng nhắm nghiền mắt lại. Giấc ngủ đến với chàng nặng nề, đầy ám ảnh. Thỉnh thoảng tiếng cắc kè nghiêng lên cắt đứt giấc ngủ của chàng.

Sáng sớm hôm sau rừng mờ mịt hơi sương. Đoàn người lại tiếp tục đi. Địa thế thêm khó khăn. Đồi, núi, khe, suối, rừng rậm chập chùng nối tiếp nhau.

— Thiếu-Úy đã thăm mệt chưa ? Người thượng sĩ già ái ngại nhìn Nghĩa hỏi. Mồ hôi bắt đầu vã trên mặt hẩn.

— Chân tôi bị trầy nhưng vẫn còn đi được.

— Thiếu-Úy hãy băng bó chân. Mình chưa đến mục tiêu và còn phải lo đường về. Người thượng sĩ ra hiệu cho nhân viên y tá lại sẵn sóc chân

lên. Địch vừa bắn lên vào cánh quân của chàng. Tiếng súng nổ đàn áp nghe dữ dội hơn. Địch liền cầm họng súng. Toán quân Nghĩa không có ai bị thương. Đến trưa, mọi người dừng chân, hấp tấp nấu cơm rồi lại di chuyển. Nghĩa thấy trong người nóng ran, khô cổ và thèm nước. Bị đông nước của chàng đem theo đã cạn bao giờ. Chàng phải uống nước suối đun sôi.

Cuộc hành trình lần quân trong rừng kéo dài đã ba ngày. Nghĩa thấy tinh thần căng thẳng. Buổi chiều ngày thứ tư đơn vị Nghĩa đến mục tiêu. Một khu trại lớn của địch xuất hiện ở gần sông Mã Đà. Những lối vào trại đều có chướng ngại vật. Từng loạt súng lớn bắt đầu nổ. Cánh quân Nghĩa tiến thẳng vào hướng địch. Mặc dầu mệt mỏi, mọi người vẫn còn đủ gân cốt xung phong. Tiếng kèn náo nức thúc giục. Toán quân đi đầu đã lọt vào trại địch. Bộ phận canh gác của địch chống trả yếu ớt trong chốc lát rồi rút vào rừng mất dạng.

— Năm tên chết. Hai tên bị bắt. Một nam và một nữ. Thu một ít súng cá nhân.

Toán xung phong báo cáo kết quả cho Nghĩa. Chàng cảm thấy toàn thân nhẹ nhõm. Tiếng súng ngừng nổ. Rừng lại chìm trong im lặng. Bóng tối nhập nhòang đổ xuống như một tấm lưới rộng. Chiếc máy bay quan sát vẫn lượn trên đầu Nghĩa.

Đây là một trung tâm huấn luyện của địch có thể chứa hàng tiểu đoàn. Trong lúc lục soát, các binh sĩ đã tìm thấy một cuốn sách dạy chơi bài tây bằng Anh-ngữ, một bộ đồ-mi-nô, một ít tài liệu, một hầm ướp thịt voi thơm lừng, những bao gạo còn nguyên vẹn và những vườn trồng bắp cải chi chít.

— Chỉ thiếu chay uýt ki, Tối nay mình được ăn một bữa cơm ngon. Ngàn này thứ đủ tiếp tế cho bọn mình vài ngày nữa.

Ông tiểu đoàn trưởng cười mãn nguyện. Các cánh quân được lệnh bố trí ngay trong căn cứ địch và ở bên ngoài.

— Nói với mặt trời sáng mai gởi cho bọn tôi một chai uýt ki. Chấm dứt.

Đó là câu nói cuối cùng của ông tiểu đoàn trưởng trong máy truyền tin với quan sát viên ngồi trên máy bay L.19. Sau đó chiếc máy bay quay về Biên Hòa. Lương thực của địch được phân phối ngay cho các cánh quân nấu ăn. Hai cán bộ địch cũng ngồi ăn chung với ông tiểu đoàn trưởng và Nghĩa. Nét mặt họ thản nhiên không lo sợ. Người thanh niên quê ở Gia Định, theo địch vào chiến khu từ lâu và đã được huấn luyện thành cán bộ. Thiếu nữ là

một y tá, khuôn mặt tròn, mắt bồ câu, ít nói. Cả hai đều muốn trở lại với gia đình. Họ đã đính hôn với nhau rồi.

Trong số những tử thi địch, Nghĩa sửng sốt nhận ra một người ở Nam Định, cùng quê với chàng và cùng ở một làng. Khi lớn lên hắn vào bộ đội. Bây giờ thì hắn gục chết trên miệng hố cá nhân.

— Tôi còn nhớ hồi nhỏ nó vẫn đánh đáo với tôi. Nó là thằng nghịch ngợm nhất xóm. Không hiểu vào đây nó làm gì ?

— Chính trị viên ! Người thanh niên trả lời Nghĩa. Sau một lát bàng hoàng suy nghĩ, hắn nói tiếp :

— Anh ấy là cán bộ mùa thu. Bọn tôi là cán bộ mùa đông. Hồi nãy anh ấy định buông súng nhưng không kịp.

Câu chuyện do Nghĩa vừa kể làm cho người thanh niên xao xuyến và cô y tá tự nhiên buồn. Qua ánh mắt của mọi người, Nghĩa đọc thấy nỗi buồn của chiến tranh và nỗi buồn của thân phận.

Buổi sáng hôm sau, người phóng viên tiền tuyến đi theo cuộc hành quân chụp ảnh, quay phim các tử thi địch và quang cảnh doanh trại bị chiếm đóng. Một bản tin được hắn gửi bằng công điện về các báo cáo quân đội, cho biết những kết quả của cuộc hành quân.

Nghĩa vừa uống xong cà phê thì có tiếng máy bay tới gần. Ông tiểu đoàn trưởng rít mạnh điếu xì gà, liếc mắt bảo Nghĩa :

— Mặt trời đã đến.

Chiếc trực thăng đáp xuống giữa trại. Ông chỉ huy trưởng Biệt khu bước xuống, trong tay cầm sẵn một chai uýt-ki, đồng dục nói :

— Chai này đặc biệt thưởng cho anh.

Ông tiểu đoàn trưởng đã lấy chai rượu, tươi cười đáp :

— Đêm qua chúng tôi được ăn thịt với muối. Ngon tuyệt. Chỉ tiếc không có rượu.

— Thế hả. Các anh đi lần này hên lắm đấy. Ráng nữa lên.

Ông chỉ huy trưởng đi xem các chiến lợi phẩm, nhìn tận mắt các tử thi địch. Rồi ông thân mật hỏi truyện hai cán bộ địch, đọc lại bản đồ, lấy bút chì mở khoanh tròn mục tiêu mới và vạch thăm tuyến hành quân. Sau đó ông ta cầm khẩu súng trường Nga còn mới do một tên địch chết bỏ lại, lạnh lùng leo lên máy bay đi khỏi.

Cuộc hành quân kéo dài thêm. Các tử thi địch được chôn cất tử tế

ngay hồ cá nhân của họ. Trên mộ người đồng hương, Nghĩa viết một hàng chữ bằng bút chì mờ đen.

Toàn thể khu trại của địch bị tiêu hủy, trong biển lửa cháy ngùn ngụt. Tất cả chỉ còn lại một đồng tro vô nghĩa lý. Những cánh quân tiếp tục đi đến mục tiêu mới. Càng đi sâu vào chiến khu, núi non càng hiểm trở. Một vài binh sĩ bị thương nặng được trực thăng đưa ngay về tổng y viện. Mưa dầm dề suốt ngày. Trong rừng chỉ thấy những khoảng tối âm u, khoảng sáng ngoài bãi trống, muối, vắt và những cạm bẫy bất ngờ. Trong lúc di chuyển cô hai binh sĩ trong cánh quân Nghĩa vụ tự nhiên nổ súng. Ông tiền đoàn trưởng la hét trong máy :

— Đứa nào nổ súng. Không có địch mà bắn cái gì. Báo cáo ngay cho tôi biết.

Nghĩa hỏi các trung đội. Chàng cau mày nghĩ ngợi, nói nhanh vào máy :

— Hai tên thám báo của tôi bắn. Chúng nghi là có địch xuất hiện.

— Trước ngay súng và chỉ cho mỗi đứa một trái lựu đạn đi về trình diện biệt khu.

— Đề họ đi như vậy nguy hiểm lắm.

— Cứ bắt họ phải đi. Tôi muốn họ phải nhớ kỷ hình phạt này.

Nghĩa bỏ máy nhìn hai binh sĩ đến gần, mặt họ tái mét lo âu. Theo lệnh của Nghĩa, họ giao súng lại cho các bạn đồng đội. Mỗi người chỉ còn giữ một trái lựu đạn và con dao găm.

Nghĩa bực dọc nói :

— Các anh đi ngay về biệt khu đợi lệnh. Lần sau đừng có tái phạm. Hai binh sĩ phạm lỗi sợ hãi không giám đi.

Nghĩa nổi nóng quát họ :

— Đi luôn. Còn chần chờ gì nữa.

— Chúng tôi xin đi theo hành quân.

— Không được. Tiểu đoàn trưởng đã cấm các anh đi theo. Đừng xin nữa vô ích.

Nghĩa nói dứt câu, hai binh sĩ lủi thủi đi vào rừng. Tự nhiên Nghĩa thấy thương mến và cảm phục họ. Hành động của họ lúc này thật can đảm, dũng mãnh, bất chấp những nguy hiểm đang đợi chờ họ.

Hai con người lạc lõng ở giữa rừng, ngay trên phần đất của địch, vũ khí quá đơn sơ, chỉ làm mỗi cho cái chết.

Nhưng chính bản năng của họ đã thắng tất cả, từ nội tâm, đến ngoại giới. Những người có mặt chứng kiến hình như không có ý nghĩ gì khác ngoài sự kinh ngạc về hành động liều lĩnh của hai người lính.

Cuộc hành quân tiếp diễn đến ngày thứ sáu. Mật khu của địch rộng hàng trăm cây số vuông, không thể nào đi hết. Các cánh quân khám phá và thiêu hủy thêm một căn cứ địch trước khi rút về.

Trở lại đại-đội, Nghĩa trông thấy hai binh sĩ vẫn khỏe mạnh và tươi cười. Chàng nắm chặt vai từng người hỏi :

— Có sao không ?

Một anh mạnh dạn đáp :

— Không sao cả. Chúng tôi không bỏ mạng giữa rừng là may Thiều úy ạ !

Nghĩa cười không nói năng. Thân thể chàng mệt mỏi đến độ rã rời. Chàng không buồn nghĩ đến chuyện gì khác và chỉ muốn được hoàn toàn buông thả, trong một phút, một giờ cũng đủ.

NGUYỄN-ÁI-LŨ

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẠM TẠI THUYẾT

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

NHÂN TIN TÁC GIẢ «LỖ BƯỚC SANG NGANG»
TỪ TRẦN TẠI PẮC VIỆT...

vài kỷ-niệm về nhà thơ NGUYỄN - BÌNH *trong thời kháng chiến ở miền Nam*

● SƠN - NAM

Về nếp sống hàng ngày, về sự giao du với bạn bè thì Nguyễn Bình (tên thật Nguyễn-Bình-Thuyết) cũng như trăm ngàn văn nghệ sĩ khác. Anh có vài tật xấu, vài tánh tốt. Sau vài ba ngày tâm sự, đàm đạo về văn chương với bạn, thường thường Nguyễn Bình nổi cơn giận, tỏ ra chán chê bạn, thế là xa nhau đề rồi thỉnh thoảng gặp nhau, quên chuyện cũ, tương thân tương đắc, đậm đà hơn bao giờ hết. Rồi sau vài ngày lại xa nhau.

Một điều rõ rệt mà ai cũng nhìn nhận : Nguyễn Bình là nhà thơ yêu nước. Yêu nước là đức tính không thể không có ở mỗi người dân bị nạn ngoại xâm. Thời kháng Pháp, tôi đã gặp Nguyễn Bình, uống rượu, uống trà,

trao đổi tâm sự với nhau nhiều lần.

Giờ đây, anh đã mất. Tôi cố gắng ghi chép lại những điều đáng ghi chép về đời anh, những điều tai nghe mắt thấy, có thể đem đến ích lợi cho bạn đọc.

Từ chợ Rạch Giá, anh vào chiến khu để tham gia kháng Pháp. Bấy giờ là vào khoảng 1946-1947 gì đó. Thời tiền chiến, người miền Hậu Giang hiểu phong trào thi ca qua sự tuyển chọn và giới thiệu của Hoài-Thanh và Hoài-Chân. Nguyễn Bình là thi nhân duy nhất có tên trong « Thi Nhân Việt Nam » đã tham gia kháng chiến tại miền duyên hải vịnh Xiêm La.

Anh khởi xướng việc thành lập Đoàn Văn-Hóa Cứu-Quốc tỉnh Rạch-Giá, cho

ra mắt «Tập Thơ Yêu Nước» sau khi vào chiến khu chừng một đôi tháng. Tập Thơ Yêu Nước gồm chừng mười bài hơi ngắn.

Bài thơ Yêu Nước của anh — cũng như những bài trích dẫn ở phần sau — được chép lại đây theo trí nhớ của tôi. Có thể là tôi chép sai chạy đôi ba chữ.

*Những ai xứng đáng là người
Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta !
Hãy nên vì nước quên nhà,
Coi thường thân sống mới là trượng
phu.*

Bài chót của tập thơ này là «Trận Cây Bàng». Tôi còn nhớ anh lập đi lập lại câu :

— *Đánh ! Đánh ! Đánh ! Chỗ nào cũng đánh.*

đề rồi đến phần kết luận :

*Nếu quân thù không đem binh tiếp viện
Thì quân ta tiêu diệt hết quân thù !
Nhưng thắng bại là lẽ thường chinh
chiến*

Trận Cây Bàng ghi tiếng để muôn thu.

Các bạn yêu văn nghệ đã chê bai bốn câu này vì nó quá ngô nghê.

Lúc bấy giờ, Nguyễn Bính uống rượu li bì, uống rượu để, nhâm nhi với trái ổi, trái xoài, trái khóm. Anh uống công khai, mặt đỏ gay suốt ngày. Anh đã tỏ lòng tâm sự với tôi :

— Hồi tiền chiến, tôi uống rượu và hút á-phiện. Bây giờ tôi bỏ thuốc phiện thì tôi uống rượu gấp đôi. Đó là sự tiến bộ.

Tôi hỏi :

— Anh cai từ hồi nào ?

— Từ hồi tiền chiến. Tôi đã lợi dụng chuyến đi Hà-Tiên (thăm thi sĩ Đông Hồ) để xa lánh nạng tiên nâu. Trước khi đến Hà Tiên, tôi ghé vào tiệm Công Yên ở Rạch Giá hút suốt đêm. Trong thời gian ở Hà Tiên, tôi không hút thuốc nào. À ! Tôi viết tập « Bài Hát Tỳ Bà » phỏng theo cốt truyện của Tỳ Bà Ký. Nhưng chuyến về xảy ra chuyện này đáng suy nghĩ. Từ Hà-Tiên tôi qua chợ Rạch-Giá để chờ xe Rạch-Giá đi Saigon. Vừa bước xuống xe, tôi bước thật nhanh, tâm hồn thơ thới mà chẳng biết mình bước về đâu. Đột nhiên, tôi dừng bước trên lề phố. Chừng tôi giựt mình, quan sát kỹ thì mới hay rằng cái « tiệm thức » đã điều khiển tôi trở lại cửa tiệm công-yên hôm nọ. Tôi quay mặt, chạy nhanh.

Vài tháng sau, Nguyễn Bính lãnh trách nhiệm Phó Chủ nhiệm tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Rạch Giá. Anh ký tên thay mặt ban thường vụ, sao y các công văn. Và kèm theo công văn, đôi khi cấp dưới lại nhận được một đôi bài thơ ký tên Nguyễn-Bính ! Tôi còn nhớ vài câu, trong bài thơ diễn tả nỗi đau buồn của người mẹ chờ con, đứa con ấy đã hy sinh cho tổ quốc :

— *Còn sống ngày nào, còn cứu nước
Còn đem xương máu để xây thành...*

— *Mái tranh từng giọt sương rơi lạnh
Mẹ nén đau thương mẹ đợi chờ,*

— Đêm đêm mẹ đốt cây hương ngát
 Mẹ khẩn đôi lời — con có nghe?
 Vì nước bỏ mình là bất tử
 Xưa nay chinh chiến mấy ai về?

Anh từ bỏ chức vụ, sau nhiệm kỳ. Anh tỏ ra sung sướng trong lúc chờ đợi chuyển liên lạc về Đồng Tháp Mười. Anh cho biết:

— Vài người bạn ở Ban văn nghệ Khu 8 gửi thơ mời anh lên trên đó. Họ bảo đảm mọi mặt, nghĩa là mình được rảnh rang để sáng tác. Mỗi ngày, mỗi tuần mình khỏi tham dự những cuộc hội ý, hội báo, hội nghị kiểm thảo. Sống không cần theo thời-dụng-biểu. Mỗi người một căn chòi riêng, tha hồ uống rượu, uống trà, bất chấp mọi tiếng di nghị. Ngoài ra Ban văn nghệ Khu 8 có máy in, in rất đẹp để phổ biến tác phẩm.

Tôi cầu mong anh mạnh khỏe để làm được việc.

Anh hứa gửi tác phẩm mới nhứt cho tôi xem.

x x x

Anh giữ lời hứa. Mỗi bài thơ của anh đều được cắt từ trong bản vở (morasse), gửi cho tôi. Như vậy có điều tiện lợi là tôi đọc sớm, trước khi tờ báo tới tay. Xin trích vài đoạn tiêu biểu, gọi là để làm tài liệu thôi:

Trái vú sữa thẳng căng niềm uất ức
 Gai sầu riêng nhọn hoắt ý căm hờn...
 Cây cau già, ruột yếu cũng sôi lên:
 — « Thân lão đây! Mau hãy chuốt làm lên,

Bắn cho sạch lũ quân tham cướp nước! »

(Đây, Nam Bộ)

Lá quốc kỳ đi trước
 Đoàn chiến sĩ theo sau
 Gió đêm nay lạnh lạnh
 Sương đêm nay phai màu...
 Gươm súng bật giọng thép:
 — Thù sâu, ôi thù sâu!

....

Tổ quốc là mẹ hiền
 Bị sài lang cẩu xé
 Chúng con xách gươm thiêng
 Đi trả thù cho mẹ.
 Áo vải làm anh hùng,
 Cơm khô no bụng trẻ!

Vài câu ca dao:

Thấy dừa thì nhớ Bến Tre
 Thấy sen lại nhớ đồng quê Tháp Mười
 Thấy trăng thì nhớ đến người
 Thấy sao, lại nhớ đến lời thề xưa.

●

Cái bông sen trắng
 Cái nụ mướp vàng
 Trường quân chinh mở
 Sao chàng chưa đi?
 Nước ta quý nhứt quốc kỳ
 Dân ta quý nhứt người đi chiến trường!
 Bốn trăm ngàn mẫu đất
 Sốt chia sáu tỉnh miền Nam
 Khẩn khít biên thù Chùa Tháp
 Nằm bên cánh trái Cửu Long giang.
 Đồng Tháp Mười!
 Bốn mặt mệnh mang
 Cỏ trắng ngàn năm bay chẳng dứt...
 ...Nước phèn chua chát
 Lắng nổi đau thương!
 .. Hình thôn dáng xóm thương thương

Hoa ô-môi nở bốn phương anh đào !
 ...Hoa sen nở chẳng đợi chi mùa hạ,
 Chim hít cỏ hót cả những chiều mưa.

(Trường ca Đồng Tháp)

Nhưng đẹp đẽ và êm ái nhứt vẫn là
 bài Những người của ngày mai, những
 người kháng Pháp vào khoảng 1949.

Ở chòi hẹp nhưng hồn trùm vĩ trụ
 Trái tim đau nhưng thương cả loài người.
 Đã nhiều hôm không thấy bóng mặt trời
 Bởi làm việc liên miên và bí mật.
 Mắt quàng lại, đêm đêm rờn rã thức
 Da xanh xao vì muỗi thật là nhiều.
 Nay, của riêng soát lại có bao nhiêu :
 Chiếc khăn tắm, bộ áo quần trong nóp
 Ba năm rồi, không xỏ chân vào guốc
 Ăn cơm thin vì ẩm ướt mưa đêm !
 Có những anh xưa bấy nời ba chìm
 Thay tên họ, bốn ba nơi hải ngoại.
 Nhớ hận nước, dăm dăm miền viễn tái...
 ...Quê các anh ở miền Trung đá núi
 Bãi cát vàng bờ biển uốn quanh co
 Đêm trong xanh, cao vút tiếng ai hò ?
 Trên bến vắng một dòng sông nổi bạc.
 Quê các anh ở miền Nam bát ngát
 Trái dừa xiêm nước ngọt buổi trưa nồng
 Đôi ba cô con gái bán hàng bông
 Chèo yều điệu một xuồng đầy vú sữa
 Theo đường kênh, đi sâu vào biển lúa
 Quê các anh ở miền Bắc xa xôi
 Bước chân đi, không biết mấy năm rồi
 Xa cha mẹ anh em, xa tất cả
 Nương dâu xanh, chiếc cầu ao, mái rạ
 Cô gái làng gội tóc nước hương nhu
 — Nhưng tình riêng là những tấm hình
 lu...
 ..Họ là đất, họ vui lòng làm đất
 Để đắp xây nền độc lập lâu dài.

Họ là ai ?

— Là người của ngày mai

Các bài thơ sáng tác trong thời gian ở
 Ban Văn Nghệ khu 8 được gom vào một
 tập nhan đề : *Sóng Biển Cỏ*. Biển cỏ tức
 là vùng cỏ bao la Đồng Tháp Mười.

Ngoài ra, Nguyễn Bính viết thỉnh
 thoảng đôi bài tùy bút dưới bút hiệu là
Kiều Mộc. Văn xuôi của anh chẳng lấy
 gì làm đặc sắc. Đáng chú ý là bài tùy
 bút "Sang Máu": một quân nhân bị thương,
 được sang máu để hồi sinh. Người hiến
 máu là một thiếu nữ tên Hương. Sau
 khi lành bệnh, quân nhân nọ cố gắng làm
 việc vì nghe được sự sống, dòng máu
 của Hương đang hòa hợp trong tim trong
 huyết quản mình. Hương đã gửi hy
 vọng, gửi sự sống vào thẻ xác và tâm hồn
 người quân nhân.

Đầu vào khoảng 1952, Nguyễn Bính
 trở về rừng U Minh. Lần này, anh trầm
 tĩnh hơn, làm việc nhiều hơn. Anh cưới
 vợ, mở tiệm làm đại lý sách báo, cố
 gắng làm thơ ca ngợi... Đảng Lao Động
 ra đời, đời sống công nhân ở Bình công
 xưởng. Mấy bài thơ này không gây được
 tiếng vang.

oOo

Nguyễn Bính thích ăn ngon. Anh chịu
 khó xào nấu thức ăn, pha trà kỹ lưỡng :
 thà ăn ít, uống ít nhưng thưởng thức
 đúng hương vị.

Về những bài thơ do anh sáng tác
 thời tiền chiến, anh bảo :

— Vài câu thơ... tuyệt diệu, thể thôi.
 Chẳng có bài nào toàn bích.

— Anh cho thí dụ thử coi !

— Tôi thích nhất hai câu này trong bài Buồn Ngự Viên : « Sớm đào, trưa lý, đêm hồng phấn. Tuyết hạnh, sương quỳnh, máu đỏ quỳnh ». Làm văn nghệ khó lắm.

— Tại sao khó ?

— Có nhiều ý, nhiều chữ quá tuyệt diệu mà người khác đã cướp mất, trước mình. Mình chỉ nhái lại mà thôi. Đây là những trường hợp đáng sợ, đáng thán phục. Thí dụ như hai tiếng « *đăng đăng* » trong lời nhạc Hội Nghi Diên Hồng (hận thù *đăng đăng*, sơn hà rung chuyển). Như chữ « *ghê* » mà Xuân Diệu đã dùng, diễn tả công phu luyện tập của người chiến sĩ :

— *Gươm mài nước suối bên ghê da !*

Hoặc hình dáng bờ biển miền Trung do Xuân Diệu :

— *Mãi ra đi, ai ngờ đến hồi đau*

Mây vẫn vũ âm Thăng Long, Gia Định

Lạng Sơn xót với Cà Mau chót đỉnh
Sợi tơ tằm bờ biển luống quanh co !

Về cách tìm đề tài, về sự làm việc của kẻ sáng tác, Nguyễn Bính đã nói nhiều lần với tôi, khi trà dư tửu hậu :

— Nhiều khi mình chịu bí đề tài, cạn hứng suốt đôi ba tháng. Thế mới giận ! Nhưng khi viết được đôi ba bài ưng ý rồi thì mình lần lượt viết hàng trăm câu thơ, thấy hàng ngàn đề tài hiện ra... Các cụ ngày xưa bảo rằng : vào rừng tìm cây quế, cây trầm hương là chuyện khó nhưng rất dễ. Lúc mới

vào rừng, người ta thấy chung quanh toàn là gai cỏ, cây cỏ vô giá trị. Nhưng khi « quen mắt quen hơi » ta gặp được một cây trầm cây quế rồi thì lần lượt ta thấy hàng trăm cây khác ở bên cạnh ta, có sẵn từ bao giờ ! Làm văn nghệ là vậy đó... Thế mới giận !

oOo

Trong số một ngàn cô cậu thanh niên làm thơ, yêu thơ thì chúng ta thấy có đến 990 người chịu bỏ cuộc khi gặp thực tế của cuộc đời. Cuộc đời là một bài thơ lớn, khác hẳn màu sắc bài thơ mà họ mơ ước từ trước.

Trong số 10 người còn lại, họa chăng có năm ba người làm thơ giỏi, làm thơ hay : khi đọc qua thơ họ chừng một đôi lần là tự nhiên người ta nhớ vài đoạn, năm ba câu mà chẳng cần ghi chép hoặc cố gắng học thuộc lòng.

Thơ của Nguyễn Bính đã đạt được trình độ dễ nhớ.

Thơ của anh đáng ca ngợi ở nội dung yêu nước. Làm thơ yêu nước là

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ SỔ VÀNG

SẢN XUẤT :

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm
Thạch v. v... Làm Đèn Giấy
đủ kiểu về Phật giáo

50, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

chuyện khó. Phải phối hợp hình thức với nội dung ; ngôn ngữ kỹ thuật, tâm tình cá nhân với hoàn cảnh chiến đấu của dân tộc. Phải đúc các mâu thuẫn ấy thành một khối cứng rắn, không gì vết, tạo một thứ thép mới. Đúc trong lò lửa yêu nước, một lò lửa có nhiệt độ khá cao.

Nguyễn Bính đã thành công lớn, trong giai đoạn mà ít ai thành công. Bây giờ, nếu cho rằng Nguyễn Bính là một thiên tài thì có lẽ hơi sớm. Nhưng hậu thế sẽ cho chúng ta thấy rằng thơ Nguyễn Bính có nhiều câu trở thành ca dao, vài bài thơ yêu nước của anh rất xứng đáng được trích dịch trong sách giáo khoa Việt văn.

Nguyễn Bính đã phiêu lưu từ Bắc vào Nam rồi từ Nam trở ra Bắc, xa cố hương đề rồi nằm trong lòng đất cố hương. Thời buổi chiến tranh, con người có thân hình ốm yếu mà sống được non năm mươi tuổi, nghĩ cũng thọ. Suốt đời Nguyễn Bính đã lấy việc sáng tác làm ý nghĩa cuộc sống. Anh đã chịu đau khổ, đã hưởng lạc, đã bị quan, đã lạc quan, đã suy tư. Anh đã thấy những trận giặc. Giặc trên mặt đất, giặc ngoài biển, giặc trên trời. Và giặc trong tâm hồn của con người anh nữa...

SƠN NAM

TRĂNG SẦU

● Bầy cuốn truyện dài độc đáo mới lạ được cõ động trong tập truyện TRĂNG SẦU của LÊ NGUYỄN THỦY do TÂM HỒN VIỆT NAM xuất bản. Giá 45đ.

BÁO MỚI

Chúng tôi được tin **Tuổi Xanh**, tuần san giáo dục và giải trí thiếu nhi sẽ tục bản và vẫn do 2 ông Trần Quang Khải, Bảo Vân làm chủ nhiệm và chủ bút. Tuần san **Tuổi Xanh** đã liên tục góp mặt từ 1959 đến 1962 với 125 số báo rồi tự ý đình bản.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu **Tuổi Xanh** với bạn đọc, và chúc bạn đồng nghiệp mạnh tiến trong nhiệm vụ « góp một phần nhỏ vào công cuộc giáo dục thiếu nhi »

B.K. T.Đ.

SÁCH MỚI

Bách khoa thời đại đã nhận được:

— **Con yêu con ghét tập truyện** của Nguyễn - Mạnh - Côn do tập san Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang, gồm 6 truyện, Bản đặc biệt không đề giá.

— **Ngô nhân**, nguyên tác *Le Malentendu* của Albert Camus, bản dịch của Bùi Giáng, do Ấn Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 152 trang có Phụ lục : Trích dịch *Sổ ghi (Carnets)* của Camus. Giá 42đ.

— **Nếp cũ** của Toan Ánh do Nam Chi Tùng thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày hơn 400 trang, trình bày mọi phong tục chi phối con người Việt Nam từ lúc mới thành hình trong bụng mẹ qua các thời kỳ : lọt lòng, ấu nhi, tráng niên, lão niên, cho tới khi nằm yên trong mộ. Bìa in 3 màu. Bản đặc biệt. (Giá bán thường : 160đ)

— **Động bóng chiều**, tập thơ của Quách Tấn do Nam Chi Tùng thư ấn hành và tác giả gửi tặng.

Ngày nghỉ

Bút ký của LÊ-TẤT-ĐIỀU

Mỗi ngày, chỉ có hai chuyến xe chạy về nơi Trần dạy học. Chuyến đầu đông khách, chạy sớm nửa giờ. Chúng tôi đáp chuyến thứ hai. Quá giờ khởi hành gần một tiếng rồi, ông tài, đội chiếc mũ phớt, thọc hai tay vào túi đi la cà nói chuyện với mấy ông tài xế khác, vẫn không tỏ ra vội vàng chút nào. Cái ghế cạnh chỗ ngồi của ông ta đã có ba hành khách chiếm. Ông khách ngồi giữa cao, gầy, bị hai người bên cạnh ép, ngồi cứng như cây gỗ.

Giữa xe có đặt một cái ghế gỗ dài. Những đồng bào Thượng được anh lơ xếp ngồi trên đó. Ngồi đối diện tôi là một ông già. Chỉ có người Phi-Châu mới có hy vọng đen hơn ông ta. Ông lão cầm một cái bánh mì dài từ miệng xuống đầu gối. Ông bắt đầu nhai chậm chậm từng miếng nhỏ. Ông ăn một cách hồ hững như những người khác hút thuốc.

Mỗi lần có thêm khách, đám hành khách cũ lại xô vào phía trong. Thanh niên ngồi trong cùng không xô được ai cả nên bị ép chảy mồ hôi. Anh ta đã cởi áo da, áo len cho người nhỏ lại để chịu trận. Người đàn bà có hai thúng trứng để dưới cái ghế dài thì lo sợ ra mặt. Tuấn nói :

— Hôm nay xe vắng khách. Chắc không ai phải đứng hay ngồi trên mũi.

Một người đàn ông cao lớn, mặc blouson nâu đầu chải mượt đường rẽ to và rất trắng ở giữa đỉnh đầu, thỉnh thoảng lại nói lầm bầm :

— Đi chuyến này mua mất gần sáu ngàn bạc đồ.

Ông ta nói câu đó tới lần thứ năm, thứ sáu thì người đàn bà bên cạnh lên tiếng :

— Mua những thứ gì mà tốn thế ?

Bà ta hỏi mà không thiết tha chờ câu trả lời. Hai mắt bà nhìn một

cách mỗi một. Nhưng người đàn ông đã vội vàng giở ngay cái gói vải lôi ra hai cái áo len đàn bà, cổ tròn, màu xanh đậm. Ông ta nói :

- Một cái ngàn rưỡi, một cái ngàn ba đây.
- Thứ áo này tôi đàn lấy chỉ mất chừng bốn, năm trăm bạc len.
- Thứ len này tốt.
- Đắt.

Người đàn ông lúng túng, ngần ngợ, hơi nhăn nhó, nhìn đi nhìn lại hai cái áo len. Ông ta có vẻ nửa thất vọng, nửa còn tin rằng mình không mua hớ. Sau khi buông một tiếng gọn gieo hoang mang trong lòng ông ta, bà kia đã nhìn đi nơi khác.

Người ngồi ngay sau lưng ghế của ông tài xế là một bà, dáng người nhanh nhẹn, tháo vát. Chân bà đi loại giày vải dành cho đàn ông. Bà là người nói nhiều nhất trong xe. Bà đang kể một biến cố quan trọng vừa xảy đến với gia đình bà cho ba người khách ngồi phía trước nghe :

— Tôi đã nói là hôm đó Cha sở nghi oan. Nếu hôm đó, có ai đến nhà tôi đánh bạc thì quỉ bắt tôi đi. Họ vẫn tụ tập ở nhà xã Biền. Nhà xã Biền ở ngay sau vườn nhà tôi nên Cha làm.

Một ông ngồi hàng ghế trước nói :

— Mẹ kiếp ! Đánh bạc mà để cho Cha bắt được là kể như đời «đơ-xanh căng» rồi. Phải khéo và kín. Tháng nào tôi cũng chơi sơ sơ vài canh mà có bị cha đập gậy nào đâu. Chúng nó ngồi vào chiếu chưa nóng đít đã cãi nhau như mỡ bò. Cha đến ngay sau lưng cũng đếch có biết. Thế mà cũng đòi là dân chơi.

Người đàn bà nhăn nhó :

— Đề yên tôi kể đầu đuôi cho mà nghe. Lúc đó tôi vừa chợp ngủ. Nghe tiếng đập cửa, tôi hỏi : « Ai đó ? », Cha bảo : « Ai ai cái gì mở ra thì biết ? » Cha cầm roi đi với bốn anh thanh niên. Mấy anh ấy rọi đèn tìm khắp nhà mà có quỉ nào đâu. Cha đi thẳng ra sau nhà, ngó cả xuống giếng. Lúc ấy, mấy ông mãnh tụ họp bên nhà xã Biền mới dùng dùng kéo nhau chạy, guốc dép vút lại cả đồng. Thế là tôi cũng bị cha quật luôn ba bốn roi, tím hết cả cánh tay.

Tôi hỏi Trần :

— Mấy người này chắc cũng ở vùng ĐD ?

— Hầu hết hành khách trên chuyến xe này đều là dân ấp. Họ đang nói chuyện về những vụ Cha sở đi bắt bạc. Dân ấp mê đánh bạc quá sức. Không có cái roi của cha sở chắc nhiều anh sẽ sạt nghiệp.

Cng già người Thượng đã nhá hết nửa khúc bánh mì, xe bắt đầu chạy. Xe vừa ra khỏi thành phố, bốn năm hành khách đã ngủ gật một cách say sưa như làm đúng theo một thói quen. Trần kể một vài câu chuyện vui cho tôi quên đường dài. Càng gần tới xã, xe càng lên xuống bập bênh như một con thuyền gặp sóng lớn. Có lần xe nhào mạnh xuống một cái ổ gà, ông tài xế bị nảy lên như hành khách. Tay bánh tuột khỏi tay ông, tự động xoay. Cng vừa chộp vội lấy nó vừa chửi thề.

Một giờ trưa chúng tôi được chui ra khỏi xe, đặt chân xuống đất bình yên. Trần đã quen di chuyển, giàu kinh nghiệm, mặc bộ quần áo leo núi nên vẫn có vẻ gọn gàng. Tôi sửa lại áo quần cho bớt giống một anh say rượu vừa đánh lộn. Chúng tôi bước vào nhà cụ Trùm. Nhà cụ Trùm có gác gỗ. Căn dưới là một cửa hiệu tạp hóa, có kê bàn uống nước. Căn gác cụ dành cho các giáo sư. Bàn ăn kê ở sát cửa ra sân sau. Trên tường có treo khung hình người con trai, đứa cháu nội. Hai khung kính lớn nhất trưng hai cái bằng của cụ. Cụ Trùm khỏe mạnh, điềm đạm, ít nói. Tự nhiên, hai cụ đều tưởng tôi là « giáo sư mới » và chỉ một giờ sau, nhiều học sinh đi qua nhà cụ Trùm, đều ngó vào tìm xem mặt « giáo sư mới ». Cụ bà đang sửa soạn hành lý để buổi sáng hôm sau về Saigon mua hàng. Cụ than :

— Nửa tháng nay tôi không đi Saigon, chả hiểu đường xá thế nào ?

Trần nói :

— Cháu nghe hình như Việt Cộng vẫn chặn đường đánh thuế. Cụ mà mua vải là thế nào họ cũng đòi mua lại. Dám lời to lắm.

Cụ Trùm cười :

— Chuyến này tôi mua thuốc sâu. Chả hiểu sao thuốc khan hiếm quá. Nhà rau mà thiếu thuốc sâu thì cứ là méo mặt hết. Cái món này còn cần hơn phân. Rau bị sâu, ngọn sun lại là đi đứt cả ruộng.

Ăn cơm trưa xong, Trần vội vàng sửa soạn đi dạy học. Trường ở cách nhà khoảng năm trăm thước, cũng quay mặt ra con lộ chính. Đứng ở lan can, tôi đã có thể nhìn thấy mái trường. Trần nói với tôi :

— Ở bàn của anh Thành có đủ các sách Việt Văn. Quên bài thơ

nào cứ kiếm mà đọc. Trong mấy ngày ở đây cậu chỉ phải dậy chừng sáu hoặc bốn giờ. Làm sao giảng hết Nguyễn Công Trứ thì làm. Ngoài ra, học sinh ở đây rất khao khát muốn biết các điều lạ. Mong rằng cậu đừng tiếc các điều cậu đã học được, đã nghĩ ra,

— Cậu có vẽ quí học trò lắm.

— Chúng nó rất dễ mền.

Trần đi rồi. Tôi đứng ở lan can nhìn xung quanh. Con đường nhựa dẫn đến trường cong trũng xuống rồi cao dần và mất hút ở một cái dốc khác. Xã gồm mấy trăm nóc nhà lợp tôn, ở chen chúc, hai bên đường, sát tới chân núi. Một ngôi nhà thờ rất lớn, kiến trúc tân kỳ đang xây dở. Trên đỉnh núi sau lưng nhà thờ, bức tượng đức Chúa đang tay trên thánh giá sáng loè dưới trời nắng. Chắc tượng phải vĩ đại lắm. Trần cho tôi biết: cái bệ đá đã cao tới bảy thước rồi. Trên đỉnh những ngọn núi tương đối thấp có rất nhiều cây thánh giá lốm đốm trắng nằm xen giữa những cây thông xanh.

Khi quay vào nhà. Tôi bắt đầu ngắm kỹ căn gác trọ. Có ba giường nhỏ và một giường lớn dành cho các giáo sư. Ở mỗi đầu giường đều có một bàn làm việc. Bàn của Thành (ông giáo sư Việt Văn mới mất tích) bụi phủ vàng khè. Bàn của Trần bề bộn hơn cả. Bút, thước, mực, sách vở, gói củ năn, vỏ củ năn, bánh mì, bơ, sữa, lạc rang, ly tách, đồng hồ, thuốc Cetonic v.v... đều được chất đống lên đó. Riêng hộp bơ có một vị trí khá rộng rãi. Nó không được che đậy nên bụi bay vào làm cho bơ biến thành màu vàng đậm (sau này tôi mới biết, thỉnh thoảng, buồn miệng, một giáo sư lại bẻ một mẩu bánh mì, ngoáy vào hộp bơ một cái, nhai ngon lành. Nắp hộp được mở thường trực cho tiện. Khi tôi về hộp bơ vẫn còn).

Trên thành mỗi cái ghế đều có treo áo len, áo sơ mi, áo lót, áo ngủ, bít tất. Chỉ có khăn mặt là được treo cô đơn trên một sợi dây thép giăng ngang nhà.

oOo

Linh mục hiệu trưởng còn trẻ. Ông ra tận cửa văn phòng đón tôi. Cử chỉ sốt sắng, nụ cười thân mật của ông khiến tôi vui vẻ, háng hái ngay. Lúc đó, học trò đang chơi trong sân. Một số lớn quí tụ ở khoảng sân cát đá bóng, bụi bay mù mịt. Anh Đăng, giáo sư Anh văn, pha cho tôi một

ly nước chè đường thật đầy. Anh vẫn còn ngạc nhiên vì cái lối đi nghỉ mát hơi khác thường của tôi.

Lớp đệ tứ ở ngay đầu dãy. Linh mục hiệu trưởng giới thiệu tôi rồi làm dấu. Cả lớp nghiêm trang đọc kinh.

Lớp này ít học trò nhất, chỉ có khoảng năm mươi em. Tôi nhìn khắp lượt, tìm một vài khuôn mặt thông minh, láu lỉnh. Nữ sinh chiếm hai dãy bàn đầu, sát cửa ra vào. Khi nghe giảng cô nào cũng chăm chú nhìn vào cuốn sách trước mặt, hoặc cúi đầu nhìn mặt bàn. Không cô nào dám nhìn thầy. Tất cả nam sinh nhìn tôi chờ đợi, tò mò.

Giảng hơn một giờ, tôi đã làm cho hai cậu gục xuống bàn ngủ say sưa. Tôi hơi bực mình.

— Đánh thức giùm tôi hai cậu kia dậy. Nguyễn Công Trứ ngày xưa yêu thú điền viên nhưng không hưởng nhân sớm thể đâu.

Hai học sinh bị lay mở bừng mắt, ngơ ngác.

— Nên nhớ rằng tôi không đến đây để ru các cậu ngủ đầu nhé.

Một học sinh lớn đứng lên lúng túng bào chữa cho hai bạn :

— Chắc hai anh ấy sáng nay gánh nước tưới rau nhiều quá.

Ngoài hai học sinh ngủ, thỉnh thoảng lại có một học sinh lên cúi xuống hút thuốc rồi phà khói vào gầm bàn. Tôi ngạc nhiên thấy khói chỉ bay lên một cách phẳng phất, mong manh như sương chiều. Không hề ý kỷ không sao biết được. Sau này tôi mới rõ kỹ thuật hút thuốc của mấy học sinh nghiện : họ thả khói vào một cái túi giấy nhỏ rồi bịt đầu túi lại cho khói tiêu đi dần dần.

Nhưng có nhiều học sinh ngồi ở mấy dãy bàn cuối lại nghe một cách hết sức chăm chú. Tôi đọc thấy trong những đôi mắt mở lớn một niềm khao khát, hướng về những điều mới lạ. Nhân lúc dừng lại tôi hỏi một vài điều về đời sống của dân xã. Tôi được biết : đời sống ở đây gồm những nét giản dị nhưng là những nét đậm. Mọi người chấp nhận sự khổ cực, nhọc nhằn như một điều tất nhiên của đời họ. Một phần lớn học sinh buổi sáng phải tìm nguồn sống trên mặt đất khô cằn để buổi chiều tìm sự hiểu biết ở nhà trường. Một giáo sư ở Saigon than với tôi : « Bước vào một lớp lớn thường thường mình bắt gặp những đôi mắt kiêu căng một cách ngu xuẩn. Nhiều cậu nếu bị cha mẹ đuổi ra khỏi nhà thì rách rưới ngay, vẫn có thể hướng về giáo sư với những tia nhìn khinh thị, nghi ngờ. Tính hỗn láo biến thành một thứ thời trang. Người dạy học đâm ra khao khát được

gặp những học trò khiêm tốn ». Nếu anh bạn đó dạy học ở đây, chắc anh bớt bị quan hơn.

Trong cách ngồi, nhìn, hay cựa mình mấy học sinh lớn đều dành cho người giảng bài một sự kính trọng. Họ tránh gây tiếng động. Nhiều nét mặt hân hoan thường trực như luôn luôn khuyến khích tôi. Sự kính mến thầy không bị chi phối bởi một hình thức lễ nghi mà chính là một cách xử sự tự nhiên của họ. Tôi không có cảm giác hẫ hễ của người được vuốt ve tự ái. Tôi hân hoan vì được cảm thông. Khi có một học sinh gây tiếng động, lập tức, hấn gặp ngay những cái nhìn trừng phạt của bạn bè. Thỉnh thoảng, trên mặt một vài học sinh lớn thoáng hiện một cái nhú mày cố gắng tìm hiểu khi tôi dùng một chữ khó.

Nhân nói về cái « nghèo » của Nguyễn Công Trứ, tôi nhắc đến một tư-tượng của Tây phương. Những cây cao lớn, mạnh mẽ nhất thường mọc trên những mảnh đất cằn khô. Hình như, trong cái thế giới nhỏ bé của lớp học này, chúng tôi đang khuyến khích nhau yêu đời sống và cố gắng hơn...

oOo

Buổi sáng hôm sau Trần và Đăng dẫn tôi leo lên đỉnh núi xem bức tượng. Con đường tắt có nhiều đoạn dốc đứng. Trời lạnh, nhưng cả ba chúng tôi đều toát mồ hôi.

Bệ dưới chân tượng là những tảng đá chồng lên nhau, gắn bằng xi-măng. Tượng Chúa và ông Thánh quì dưới chân Chúa đều màu trắng. Nhìn gần, đường nét trên tượng hơi thô, nhưng tôi chưa từng thấy bức tượng Chúa nào lớn hơn. Ở phía sau và cách bệ đá chừng sáu thước có một hệ thống cột gỗ ghép. Người ta buộc một dây xích sắt lớn vào đó và chiếc thánh giá để giữ cho tượng đứng vững hơn. Gió núi có những luồng rất mạnh, làm rung rinh cả sợi dây xích. Ở rất sâu dưới thung lũng có một mảnh đất bằng phẳng, có lạch nước nhưng không có một căn nhà nào. Xa xa, núi đồi trùng trùng điệp điệp. Đứng trên đỉnh núi, tôi có thể nhìn bao quát cả một miền đồng bằng. Không hiểu do một sự vang dội tình cờ như thế nào, tiếng chó sủa từ những làng rất xa vọng lên tới đỉnh núi. Cả một miền đất có vẻ gọn gàng sạch sẽ. Rải rác đây đó một vài vệt khói bốc lên, giống như một nét sơn trắng mềm mại uốn trên bức tranh hơi xạm màu.

Trần nói về một vị linh mục đã có công xây dựng miền này. Ông đã cùng dân xã đưa cả bức tượng vĩ đại lên đỉnh núi. Ông cho máy cày ủi đỉnh đồi, sườn núi, dựng thánh giá để định làm «con đường Thánh giá». Nhiều công việc của ông còn dang dở. Con đường bị bỏ hoang, nhiều đoạn thông mọc cao che khuất cả thánh giá.

Tôi vừa nghe Trần nói vừa đề ý đến tiếng gió thổi trên dây xích. Máy bắt đầu bay nhanh, đôi lúc tôi có cảm tưởng bức tượng đang nghiêng đi và bay lướt trong không gian. Sườn núi nhiều đoạn dốc, khó đi. Bàn tay con người đôi lúc có sức mạnh lạ lùng. Tôi nói với Trần :

— Quả thực có những con người đặt chân tới đâu là ở đó bùng lên sức sống mãnh liệt.

Chúng tôi đi men theo con đường thánh giá một đoạn trước khi về.

Tôi bỏ giấc ngủ trưa đi lang thang xem đồng ruộng. Vui chân, tôi xuống chợ ở cách nhà khá xa. Đất rừng nhiều cây nên chợ có mấy chục cái cột gỗ lớn, đen bóng. Số người bán hàng lúc này còn ít hơn số cột gỗ.

Gần chợ có một tiệm hớt tóc. Đó là một căn nhà gỗ nhỏ bé. Người thợ hớt tóc khoảng ba mươi tuổi đội mũ nồi đen, mặc áo da, có nụ cười rất tươi nhưng cái nhìn thì hơi khờ dại. Thấy tôi, ông ta cười ngay :

— Chào thầy giáo. Thầy mới về dạy cho trường Trung học ở đây phải không ạ !

Tôi chẳng ngạc nhiên về sự hiểu biết của ông ta. Tôi giải thích :

— Tôi chỉ dạy dùm giáo sư Thành mấy ngày thôi.

Chợt nhớ ra cái mép lõm chồm râu của mình, tôi bước vào tiệm. Tôi muốn hỏi chuyện ông ta nhiều nên nhờ ông ta cạo mặt. Tiệm bày biện sơ sài. Trên vách gỗ có một miếng giấy ghi giá tiền và một tờ giấy ghi một lời «bổ cáo» có nội dung khá lạ. Chữ viết thì to, nhỏ không đều đặn :

«Xin các bạn (xuống hàng) khi đến đây hớt tóc (chăm xuống hàng) vui lòng trả tiền (xuống hàng) ngay (chăm xuống hàng). Kẻo như trước đây (xuống hàng) có người hớt chịu (xuống hàng) khi đòi tiền thì (xuống hàng) không chịu trả (xuống hàng) lại còn sinh ra (xuống hàng) sự cãi nhau (xuống hàng) thêm phiền phức. (xuống hàng) Cám ơn».

Cách trình bày giống hệt một bài thơ kiểu mới. Khi tôi hỏi về bản văn đó, ông thợ cho biết : dân ở đây rất sòng phẳng. Chỉ có lão H. là bê bối. Lão hớt tóc chịu rồi quít luôn. Như thế có nghĩa là văn phẩm này được viết ra chỉ có mục đích công kích lão H.

Ông đưa ra cho tôi một tờ báo cũ. Tôi tìm mục kiểm hiệp. Báo Đài Loan không sang được. Các võ lâm cao thủ tạm đình chiến. Tự nhiên tờ báo hết hay. Thỉnh thoảng lại có một thời chỉ có mục kiểm hiệp trong báo là đáng tin cậy nhất. Tôi bỏ tờ báo xuống. Lúc này tôi mới chú ý kỹ đến

cái gương trước mặt. Cái gương bị rạn. Mặt tôi trong đó bị gãy đôi, dài ra, trông rất kỳ cục và khôi hài. «Có lẽ Picasso đã vẽ tranh khi ngắm ảnh ảo của cuộc đời trong một tấm gương rạn vỡ». Ý nghĩ đó kéo theo một ý nghĩ khác ; nhân loại khổ sở vì hình ảnh của chính mình bởi đã soi mặt trong một tấm gương không lành lặn. Dần dần, những ý nghĩ bót về yêu đời bắt tôi nhớ lại buổi trưa không nóng nực nhưng vẫn uể oải, buồn buồn, Con đường đất dài tới chân núi, không có một bóng người.

o^oo

Trong bữa cơm chiều ngày thứ ba, Đăng kể một chuyện vui về Trần :

— Ông Trần này lắm lúc cũng sáng tác được nhiều trò lạ. Tụi học trò nướng khoai ăn vụng. Bắt được, ông ấy tịch thu cả năm củ khoai, để lên bàn. Sau đó, ông ấy chọn một củ lớn, bóc vỏ, nhai từ từ. Nhậu xong củ khoai ông ấy mới chậm rãi tuyên bố : «Đây mới là cảnh cáo, nếu các cậu còn nói chuyện, tôi sẽ ăn hết nốt bốn củ khoai kia » !

Chúng tôi cùng cười. Cười đã quen không khí ở đây. Chỉ vài tháng nữa, nếu còn tiếp tục dạy, chắc tôi có thể biểu diễn được những trò tương tự như vậy.

Ăn xong, chúng tôi ngồi chơi ở lan can, nhìn buổi chiều đang tàn dần. Một cậu học trò lớn đánh chiếc xe ngựa chạy từ phía trường về phía chợ. Xe chở đầy rau, bốn góc xe đều có một cái cọc gỗ. Hai cọc có treo hai cái sọt, một cọc treo thúng, một cọc treo cái lốp xe hơi mòn. Đoạn đường gồ ghề, ngựa chạy hơi nhanh, cậu bé phải đứng lom khom cho đỡ bị nảy người lên. Tuy nhiên, khi đi qua nhà cụ Trùm, cậu bé không quên ngược lên nhìn tôi và chào một tiếng.

Trần nói :

— Học sinh đang tập ca hát, đóng kịch đề sửa soạn lễ Quan Thầy. Tối nay cậu giúp mình trông nom vở kịch và dạy học sinh hát nữa thì càng hay.

— Ở đâu ?

— Ở trường.

Khoảng tám giờ tối, các học sinh trong ban văn nghệ đến đón chúng tôi. Một cậu đi trước dẫn đường, soi đèn bấm. Đèn ở hai dãy nhà bên đường không đủ soi sáng đến đường nhựa. Ánh sáng đèn bấm thỉnh thoảng lại lờ lờ lên để báo cho chúng tôi biết một cái hố sâu hay một bãi phân trâu, phân ngựa.

Học sinh quét lá đốt lửa để soi sáng con đường dẫn vào cổng trường.

Những chiếc lá chưa thật khô, khi cháy, tỏa lên một mùi ngai ngái, hăng hắc. Ánh lửa chập chờn nhạt dần và biến mất ở khoảng giữa sân. Hành lang đầy phòng học vẫn hoàn toàn chìm trong bóng tối. Hai học sinh cầm que vun lá đi lại quanh quần dưới gốc thông. Một cậu lớn mặc quần áo kaki, một cậu nhỏ mặc cái áo len rất rộng. Cả hai thăm lặng làm việc.

Các phòng học đều được mở tung cửa. Các nữ sinh thấp cho mỗi lớp bốn ngọn nến. Đảng Ôm Tây ban cầm bắt đầu đàn cho ba nữ sinh lớp đệ ngũ hát. Vở hài kịch của Trần do các nam sinh đệ lục diễn. Xem qua một lần, tôi biết ngay là vở kịch sẽ thành công. Tuy nhiên, các diễn viên còn nói hơi nhanh và sợ nhìn về phía khán giả. Trần tỏ ra khó tính và nghiêm khắc. Anh mắng lũ học trò không chịu học thuộc vở, đóng tồi, không chịu nghe lời chỉ dẫn v.v... Tóm lại, Trần giữ đúng tác phong của một đạo diễn. Chúng tôi bắt các tài tử diễn đi diễn lại một màn nhiều lần để sửa từng cử chỉ, từng cách nói :

Trần còn tập cho sáu nam sinh hợp ca bài « nhà Việt Nam ». Anh than :

— Vở kịch thì tạm được. Còn mục hợp ca có lẽ phải bỏ. Chúng nó ca như thế thì « Nhà Việt Nam » xập mặt.

Gần mười giờ buổi tập chấm dứt. Các ngọn nến được thu lại. Đồng lửa đốt lá khô ở cổng trường đã tàn từ lâu. Ra đến giữa sân trường tôi bước chậm lại vì thấy ban đêm trước mặt mình lúc này thật lạ. Bóng tối làm cho bầu trời tràn đầy, dày đặc. Nhưng đồng thời, hình như vì thế, màn đêm lại mở rộng menh mông. Sao trên trời sáng rực. Sao đến gần mình hơn. Có những vì sao trông tưởng như chỉ là một giọt nước sáng vương trên ngọn thông.

Một đám cháy rừng nhỏ soi sáng mờ mờ pho tượng trên đỉnh núi. Cây lá lẫn trong đêm. Ánh lửa chập chờn làm tôi có cảm tưởng bức tượng đứng lừng lờ giữa các vì sao.

oOo

Linh Mục hiệu trưởng muốn tôi ở lại cộng tác với nhà trường đến hè. Một phần lớn học sinh cũng muốn tôi trở thành giáo sư thực thụ của trường. Nhưng tôi chỉ có sáu ngày nghỉ. Tôi đã dùng ba ngày cho một cuộc sống vui, lạ nhưng bận rộn. Không thể tiếp tục nghỉ ngơi như thế được. Linh mục hiệu trưởng cho người đem đến cho tôi một gói quà gồm một hộp bánh và mấy hộp sữa. Cái tin giáo sư Thành trở về đã giúp tôi bớt băn khoăn khi từ chối sự ở lại.

Nhớ đến Thùy Mị, tự nhiên tôi mong chóng được về thành phố. Nàng biến thành một niềm ao ước nho nhỏ.

Tôi lại đáp hụt chuyến xe đầu vì ngủ muộn. Hụt chuyến thứ hai là kể như mất luôn một ngày nữa. Tôi nói với Trần :

— Sống ba ngày ở đây thật vui.

— Nếu sống ba mươi ngày cậu sẽ thấy buồn.

— Chưa chắc. Cậu nên giữ thái độ của một người đang thưởng thức sống. Như thể sự sống, khô bột vẽ gay gắt. Nơi này có nhiều chuyện lạ. Tôi ở đây, tôi sẽ viết truyện ngắn...

— Mình đang viết truyện dài.

— Hoan nghênh. Đưa mình một đoạn về đăng báo.

Sau đó, tôi ăn mặc chỉnh tề đứng trước cửa chờ xe. Trần đứng trên lan can nhìn về phía xe mong đợi một đám bụi.

Lần này, xe thật đông. Hành khách phần lớn là đồng bào Thượng. Người lơ xe cố gắng xếp cho tôi một chỗ ngồi. Trước mặt tôi, người đứng, người ngồi xếp xuống sàn xe. Một số phải leo lên mui. Miếng gỗ dành cho việc lên xuống ở sau xe quá nhỏ. Năm người đàn ông đứng trên đó, mỗi người chỉ được đứng một chân, chân kia đưa đầy trong khoảng không.

Người đàn bà Thượng ngồi bên phải tôi có một đứa con lớn. Đứa bé tựa đầu trên ngực tôi nhai bánh mì. Người ngồi bên trái tôi có những ba đứa con. Một đứa chị gửi người tài xế. Nó khóc inh ỏi mãi cho đến lúc ngó vào miếng kính vuông, nhìn ra sau, thấy mẹ nó. Hai đứa còn lại là cả một sự bận rộn, cực nhọc. Vì thế, chị phải đặt cái gùi sục mùi chua trong lòng một người lính Thượng. Còn ba con cá lớn, tươi, ướt, chị đặt lên đùi tôi.

Anh lính Thượng có một khẩu súng nặng, ngắn, loại bắn từng tràng. Anh ta ngồi trên một cái ghế gỗ. Một lần anh co chân phải lên cho đỡ mỏi, một hành khách nào đó liền đầy vào khoảng trống dưới chân anh gói đồ to tướng. Thế là anh lính hết nhúc nhích. Cái nòng súng nặng chịch của anh ghim chặt vào vai tôi, Mỗi lần xe xóc mạnh, xương đòn gánh tôi đau nhói lên.

— Anh tháo giùm băng đạn ra. Để vậy, súng nổ bất tử, tôi sẽ lãnh cả băng, chịu gì nổi.

— Khóa an toàn rồi.

Tôi muốn được biết cái khóa an toàn ở đâu để nắm chặt lấy nó. Hết con

đường gồ ghề, đầy bụi tự nhiên xe lúc lắc chạy theo lối chữ chi. Hình như hai bánh trước của xe sắp sửa rời ra. Tôi kêu lên :

— Xe làm sao thế ông tài ?

— Xe hết xăng. Tôi chạy vậy xăng mới lên được.

Một con cá trên đui tôi rơi xuống sàn xe. Người đàn bà Thượng lầu bầu những tiếng gì không rõ. Nước cá thấm ướt qua lần vải quần. Tôi bắt đầu cảm thấy ngộp thở, khó chịu. Tôi nói với người lái xe là muốn lên mui ngồi. Nhưng có lẽ việc « moi » được tôi từ giữa đám hành khách ra cũng là một việc khó, anh ta lờ đi.

Xe không về thẳng thành phố mà đậu lại ở một bến gần ngã ba đường. Tôi chờ thêm một giờ thì có xe ở Tùng Nghĩa về.

Tới thành phố lạnh, tôi đến ngay đường DT. Một giờ trưa rồi. Nhà Thùy Mị đóng cửa. Nàng chưa ngủ.

Thấy tôi, Mị kêu lên :

— Anh ở đâu ra mà quần áo ghê gớm thế này.

Tôi đứng vào chỗ có bóng mát và cũng thấy áo mình nhiều bụi quá. Bụi bặm, nắng gió đôi khi cũng là một thứ trang sức của người đàn ông. Nhưng tôi không ưa các món đó nên hơi ngượng. Tôi vừa phủi bụi vừa hỏi :

— Em có ngửi thấy mùi cá không ?

Mị nheo mũi :

— Không.

-- May quá

-- Anh vừa đi câu về hả ?

— Đâu có. Nhà có alcohol không ?

Mị đem chai alcohol ra. Tôi xoa chỗ vai và chân bị tím trong vụ đi thuyền. Thùy Mị không tỏ vẻ khó chịu. Nàng nhìn tôi một cách vừa ngạc nhiên vừa hơi tò mò. Tôi yêu đôi mắt sáng sau kính trắng của nàng.

Mắt cô gái hiền lành đôi khi giống như một đồng cỏ non nằm dưới ánh nắng dịu dàng. Lạc vào trong đó, người đàn ông có thể bỏ lại hành lý nhọc nhằn để nhận sự lãng quên, thanh thản.

Tôi còn đứng ba ngày để sống lãng quên thanh thản.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huê

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B. P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panamá Trust Co. Inc).

ĐIỀM SÁCH

Tác phẩm : Mười ngày phép
của một người lính

Tác giả : Thế Uyên

Nhà xuất bản : Nam Sơn

• LỮ PHƯƠNG

Mười ngày phép của một người lính là một số bài báo đã đăng trên tạp chí *Văn* (số 20-22-23-24 cuối năm 1964) góp lại cùng với một bài *Thay lời kết* cũng là một bài báo vốn có tựa là *Nói Với Đồng Đội Tiên Tuyển* đã đăng trên *Hành Trình* (một tạp chí in Ronéo) và đăng lại trên *Văn Học*. Bây giờ đem in chung các bài ấy thành sách, tác giả có thể có hai mục đích. Trước hết, tác giả có thể bắt chước các *Nhận Định* của Nguyễn Văn Trung hoặc *Tạp Bút* của Võ Phiến thu thập lại cho gọn một số bài báo rải rác đồng thời nhờ đó mà kiếm thêm tí tiền... cà phê như lời một ông « mỗ làng văn » nào đó ; nhưng chúng ta hi vọng và tin tưởng rằng đó không phải là chủ đích của tác giả ở đây, bởi tác giả đã coi tác phẩm mình như một thứ « thái độ » dấn thân vào những vấn đề của cuộc sống cho nên tác giả mới ghi thêm ở dưới tên sách mấy chữ *Thái Độ I* và quảng cáo sẽ in *Thái Độ II*, một thứ thái độ chủ quan nhưng có thể là « thái độ của nhiều người khác

những người đang chấp nhận và đương đầu với thứ hoàn cảnh xã hội khó khăn là cuộc chiến tranh đã có một quá khứ hai mươi lăm năm này ». Men theo ý tưởng ấy để đi vào tác phẩm, người ta thấy, như tên sách, tác giả đã nhận ra ngày nghỉ phép của mình — một sĩ quan cấp úy tốt nghiệp trường sĩ quan Thủ Đức - về thăm đô thị và tỏ bày một số cảm nghĩ về một vài vấn đề của dân thành phố Saigon.

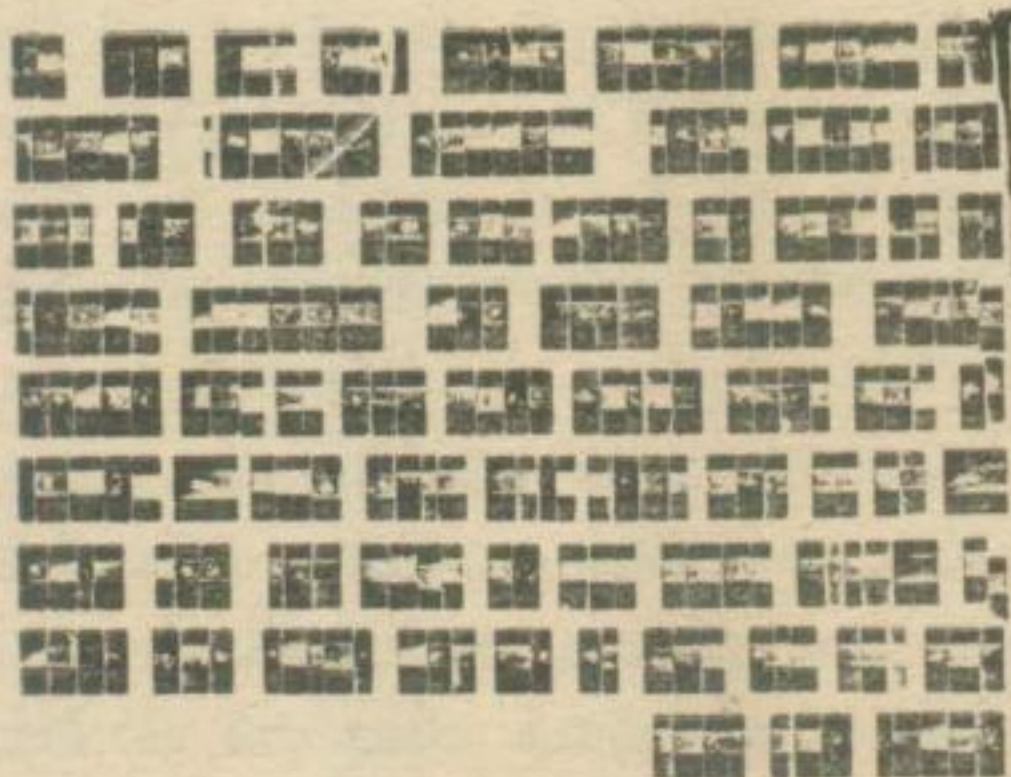
Ngồi trong tiệm kem nhìn ra, tác giả thấy những cái quần corsaire bó sát thân dưới những người con gái và nhân đó suy tưởng về thân phận con người Việt Nam « ba mươi năm nay chưa bao giờ được phép làm người » ; cho nên « nếu đàn ông Việt Nam là những con tốt đen, tốt sang hà, tốt thí cho những chủ nghĩa, những thế lực quốc tế » nghĩa là « những dụng cụ », thì « tất nhiên đàn bà Việt Nam phải bận quần corsaire ». Đi vào trường Đại Học Văn Khoa nhìn tên các thí sinh trẻ để thấy mình là một sinh viên già, tác giả đã có dịp chán nản

cho các lời hô hào của các sinh viên đòi đưa bạn bè « ra tiền tuyến » ; bởi theo ý tác giả : muốn ra mặt trận cứ việc vào Thủ Đức, việc gì phải hò hét. Thấy phòng trà mọc ra nhan nhản, tác giả nghĩ đến các ông trí thức « tea room » — theo lời một ông tướng đã đi làm đại sứ lưu động không về nữa — chưa bao giờ ra khỏi thành phố mà vẫn soạn thảo kế hoạch bình định nông thôn, chưa bao giờ có mặt ở chiến trường mà vẫn hô hào xây dựng chế độ này chế độ nọ, và chưa được giấy nhập ngũ mà đã lằng xằng chạy xin miễn dịch, miệng không quên hô hào « Bắc tiến ». Đọc các báo về màn ảnh, thấy những tài hoa son trẻ tên Tony Xu, Elvis Tân... tác giả nghĩ đến những tên vong bản — mà tác giả gọi là « les déraciniens » — học trường tây đang nói ngọng tiếng mẹ về các « boum », « nhót » cùng bọn du học nước ngoài viện mọi cớ để khỏi trở về cái nước chậm tiến khốn khổ này, và nếu có về thì cũng lĩnh chức vụ ông nọ bà kia, tha hồ mà mở miệng « bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người ». Nghe thấy người ta xuống phố xuống đường, tác giả nghĩ « Say rượu, lo lắng vì ung thư, xuống đường đòi dân chủ đại nghị, đó là đặc quyền của dân thành phố. Còn những người chiến binh và những người dân quê chỉ có một vấn đề, chỉ có một thứ cần đòi hỏi : quyền được sống và quyền được chết già (t.63). »

Ngoài ra vì là nhà văn, tác giả còn suy nghĩ về vài vấn đề văn nghệ. Nhân cái chết của người bác là Nhất Linh, tác giả đã phát biểu : « Một nhà văn biết

minh hèn, nhận mình là hèn, đó là một nhà văn. Một nhà văn hèn, biết mình hèn, nhưng cho thế là khôn, đó là văn nô cho bất cứ một chính quyền hay thế lực nào trong quá khứ, hiện tại hay tương lai » (t.31). Dở chổng báo cũ « văn nghệ hôm nay bây giờ », tác giả cho đó chỉ là một số nhà văn thành phố vốn chỉ là một thứ « khán giả » bàng quan tự nhận là có sứ mệnh này kia ; trong khi đó, theo tác giả, « muốn nói tới cái bi thảm của cuộc chiến này, phải đi lính và cầm súng chiến đấu. Muốn phản kháng phải ở trong hàng ngũ những kẻ bị đọa đày » (t.59). Nhân bàn về văn nghệ, tác giả đã giải bày về một số ngộ nhận của dư luận về tác phẩm của mình. Chẳng hạn, người ta thường nói tác giả vô luân tục tĩu, thì tác giả cho rằng mình chỉ thành thực mà thôi, bởi bên cạnh cái mộng mơ còn có cái cảm giác bỏng cháy của xác thịt nữa. Và như thế không thể gọi là vô luân mà chỉ phi luân thôi ; bởi theo tác giả, những nhân vật của ông đã lội về tận nguồn bản năng để đi tìm một nền luân lý mới trong khi nền luân lý cũ đã sụp đổ từ lâu.

Sau nữa, rải rác bàn về ý nghĩa cuộc chiến này, tác giả đã tỏ ra khâm phục hết lòng những anh hùng cá nhân « anh hùng rơm » vốn rất cần cho cho mọi ngôi pháo cách mạng. Giải bày cái lý do đích thực của các binh sĩ chiến đấu, tác giả cho đó là một thứ « héros pour rien », một thứ anh hùng có ý thức nhưng vô vọng và buồn. « Vô vọng vì đã chấp nhận thân phận bi đát của một dân tộc nhược tiểu vĩnh viễn làm con



Và như thế, chúng ta nên ca ngợi hết lòng. Bởi đó là thái độ của một nhà trí thức trẻ tuổi mang trong lòng tình yêu nước chứa chan, người trí thức hiểu sâu xa về cái đau xót của một dân tộc bị ngoại bang lợi dụng làm thí điểm thử đạn súng và thử luôn cả chính sách quốc tế của mình. Ta còn mến yêu tác giả hơn khi thái độ ấy còn nhắm về chống đối những thứ thói tục văn hóa ngoại lai đồi trụy. Còn thấy gái Việt Nam bán thân cho ngoại kiều, ta còn nhớ đến cái quần ô nhục mà tác giả đã nhìn; còn thấy lũ gia nô tỳ thiếp bẻ cong ngòi bút để ca tụng bạo tàn, bọn nhà văn chơi trò « thể thao chữ » để nói ngọng những ý tưởng ngoại lai đồi phế, ta còn nhớ đến nỗi thiết tha của tác giả về cái sứ mệnh văn nghệ dân thân của ông. Vì thế, tuy phát biểu về những biến động thời sự đã qua, có lẽ tác giả nghĩ rằng những cảm nghĩ ấy vẫn còn giá trị ở ngày nay, bởi tình thế hiện tại cũng chẳng khác xưa là mấy: sự khó khăn đề xin in những bài báo này thành sách đã nói lên điều ấy.

Nhưng nếu những bất mãn ấy đến bây giờ càng có lí do để tăng cường độ

thì chúng ta hi vọng rằng, theo cái biến động của thời gian, tác giả đã tu chỉnh và bổ túc thái độ của mình cho công bằng và tiến bộ hơn lên.

Có lẽ lúc ấy tác giả mới vào quân đội, đang từ một trạng thái an bình bước vào cái gian khổ chiến đấu cụ thể nên tác giả không khỏi thấy một thứ mặc cảm tự tôn về « người hùng quân đội », do đó đã tỏ ra rề rúng những con người thành phố. Bởi muốn nói cho công bằng thì khi thấy các nhà trí thức phòng trà chỉ biết đấu võ mồm và hiệp danh từ để phục vụ cho cái chủ ý vị kỷ vươn lên, tác giả cũng nên có đủ bình tĩnh mà nói đến những nhà trí thức mến yêu dân tộc thật sự, những người đã ý thức được rằng chỉ có thể hòa mình vào đại khối quần chúng đang chống áp bức độc tài, kêu đòi công lí xã hội mới mong tìm thấy vinh quang; tác giả cũng phải vươn nhãn giới để thấy bên cạnh các lãnh tụ tôn giáo phản đạo còn có biết bao nhà tu hành chủ trương hòa tan đạo vào đời, theo dân tộc xây dựng một trần gian tốt đẹp. Tác giả phải thấy thêm nữa rằng những cuộc xuống đường của học sinh sinh viên và đồng bào quần chúng đâu phải chỉ vô lí; đó còn là tiếng nói của những người bất khuất đang thiết tha đến quyền sống đích thực của mình, chống đối lại những bọn cầm quyền ung nhọt cam đành nô lệ hơn là tự lực tự cường; có gì quá đáng, chẳng qua cũng bị « người ta » lợi dụng mà thôi. Những cuộc chống Hiến

Chương Vững Tàu, chống tay sai chế độ cũ đang len lỏi thao túng sinh hoạt quốc gia, chống bọn Trần Văn Hương điên rồ bất lực chắc hẳn không phải có mục đích gây xáo trộn. Người nông dân không phải chỉ đòi « quyền chết già » như tác giả đã nghĩ ; họ còn đòi hỏi những gì cụ thể cho đời sống đã bị bọn ác bá tước đoạt, bọn viên chức cường quyền chiếm mất nữa... Một nhà văn muốn nói lên cái bi thảm của cuộc chiến này đâu cứ phải cảm sủng ; bởi quanh họ còn có biết bao bè bạn, anh em — vốn là đám đông quần chúng — đang rên siết thở than ; chỉ cần các nhà văn biết rời cái tháp ngà vị kỉ, cuộc đời rộng lớn sẽ cho họ thấy kích thích trăm bề. Nói rút lại, nếu tác giả cũng đồng ý rằng cuộc chiến này không chỉ thuần là quân sự, thực chất của nó là một cuộc tranh giành ý-thức-hệ thì công cuộc xây dựng xã hội phải do toàn thể dân tộc đảm nhận và tham dự trong mọi khía cạnh nhân sinh.

Và thiết tưởng chỉ cái yêu cầu tha thiết, một xã-hội dân chủ công bằng thật sự, mới là cái lí do đích thực đề cho mọi người chiến đấu chứ không phải là cái thách mắc siêu hình, vốn chỉ là một ý niệm mơ hồ giả tạo... Cuộc chiến đấu này cũng không mang ý nghĩa vô vọng như tác giả tưởng. Đành rằng nước ta bị dày vò bởi ngoại bang, song đó không phải là tình trạng « vĩnh viễn »

như tác giả tưởng nữa. Bởi quá khứ dân tộc đã chứng minh rằng chính lũ ngoại bang nào mang cái sùỵ đồ thống trị sẽ ngã gục ở trên mảnh đất này chứ không phải chúng ta. Người ta khó lòng mà không nghĩ rằng bên trong cái bất bình hợp lẽ của tác giả còn có cái tâm trạng âm u của một tầng lớp trí thức cô đơn. Cái nhập thể « lãng mạn » với cuộc đời, thiết tưởng chỉ có thể là nhân sinh quan của một thứ anh hùng nổi loạn suy động bằng tình cảm hần học hơn là một quan niệm nhận thức có cơ sở thực tại khách quan. Nếu có được cái thiế thực của đời sống, tác giả sẽ dễ dàng nhận rằng cái lối nhìn đời ấy đã bị vượt bỏ từ lâu, như một người trưởng thành phủ nhận cái ấu trĩ của mình vậy. Con người ngày một lớn khôn chẳng ai ước mong lui về dĩ vãng, trừ những lúc mộng mơ. Cũng vì đó mà cái quan niệm văn nghệ lãng mạn và siêu hình cùng cái trò bản năng tình dục chỉ là một thứ an ủi của kẻ không có tương lai mà thôi.

Tóm lại, tác giả có thể dư thừa tự ái dễ hãnh diện với cái nhìn trừu tượng về đời mà chui vào bất mãn cô độc ; song nếu không kịp quay về hiện thực của đông đảo quần chúng, tác giả mãi mãi sẽ là một thứ anh hùng mệt mỏi, một thứ « héros pour rien » như tác giả nói. Mà như thế, những người như tác giả đã tự gạt mình ra khỏi cái sinh thành lớn mạnh của ngày mai.

LỮ PHƯƠNG.

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Một bức thư đáng ghét

Đề giới thiệu cuốn sách của Robert Escarpit, ông Jean Prasteau vào đề khá đông dài. Ông nói rằng có một vũ trụ vô cùng bao la, trong khoảng vũ trụ vô cùng bao la ấy có vô số vì sao. Giữa những vì sao vô số ấy lại có vô số hành tinh. Giữa vô số hành tinh ấy có một quả cam tí teo buồn cười, tên gọi là Địa Cầu. Trên quả Địa Cầu ấy có ba tỉ loài bọ hai chân, hình thù xấu xí đáng thương. Trong đám bọ ấy, giữa khoảng miền Saint-Emilion và sông Garonne có kẻ tên gọi là Robert Escarpit. Và tên R. Escarpit ấy lại cầm bút viết *Bức thư ngỏ gửi ông Trời ! (Lettre ouverte à Dieu, do nhà Albin Michel xuất bản).*

Ông J. Prasteau sở dĩ trình trọng dài dòng vì ông không biết rằng trong giống bọ hai chân, kẻ viết thư gửi Trời trước nhất không phải là R. Escarpit. Ở Việt Nam ta, cách đây ba mươi năm, Tản Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu đã giở cái trò nghịch ngợm ấy rồi. Có điều Tản Đà

gửi thư chỉ nói nông cuồng cho vui, vì vậy :

«Trời xem Trời cũng bật cười

Cười cho hạ giới có người oái oăm ».

Còn R. Escarpit thì xem ra hỗn xược, cay độc hơn. Không biết phán đoán suy cứu thế nào ông ta liệt Đức Chúa Trời vào cái hạng trí thức tả khuynh, (trí thức là một hãnh diện, tả khuynh là thêm một hãnh diện nữa ; hạng có học mà được xếp loại như thế chắc lắm kẻ tha hồ khoái tí !). Nhưng xem qua một chút về cái định nghĩa dưới đây thì biết rằng R. Escarpit không hề có ý nịnh Trời. Theo ông : một người trí thức tả khuynh, nó tựa tựa như một con quỉ cụt sừng. Hắn ta tha thiết với cách mạng, nhưng đòi cách mạng phải cho lịch sự mới được. Hắn ta đặc biệt ở cái tâm hồn cao thượng, và món võ khí sở trường của hắn là... tỏ thái độ dưới hình thức một chữ ký nằm bên dưới một bản văn viết thật khéo léo, chải chuốt.

Nghề đáng thương

Đó cũng lại là cái nghề của ông R. Escarpit : nghề viết văn. (Xin hiểu : viết văn và làm thơ. Bởi vì làm thơ càng bi đát hơn).

Theo cuộc điều tra của Guy Le Clec'h (cũng một nhà văn), cuộc điều tra mới nhất, hồi cuối tháng 3-1966 vừa rồi, thì ở nước Pháp hiện có được một trăm nhà văn giàu có ; còn bao nhiêu là nghèo.

Đừng tưởng nghèo vì viết tồi, vì không có tài mà ngoan cố, mà ham danh tiếng, cứ đeo vào quần bút hại vợ hại con. Hãy lấy một tên tuổi tiền bối làm tỉ dụ : Paul Valéry mà tồi à ? Không có tài à ? Thế mà ngày ông hàn lâm bất tử ấy từ trần, phải đi xin một khoản trợ cấp 100.000 quan cũ để làm đám táng.

Còn mới đây, một người tiếng tăm như J. Audiberti cũng phải nhờ đến một trợ cấp mỗi tháng 750 quan của Ngân quỹ quốc gia về văn nghệ (Caisse national des lettres).

Sống phải cho tiền ăn, chết phải cho tiền chôn, hạng người đến như thế là tệ rồi, còn gì nữa mà ở đời vẫn lắm kẻ ham ? Đó là nói tình trạng ở một nước tân tiến như nước Pháp, chứ đã dám nói đâu tới tình trạng ở một nước chậm tiến như mình ! Ngay ở Pháp hiện thời một nhà thơ trẻ in tác phẩm ra trung bình chỉ hy vọng bán được 200... cuốn.

Có tên tuổi rồi mới mong bán được ba nghìn rưỡi cuốn. Thế cho nên các nhà xuất bản thú nhận rằng họ không có can đảm tự tiện gửi một món tác quyền khôի hài đến cho các nhà thơ. Họ chỉ dám gửi khi nào các thi sĩ cho phép, nghĩa là đòi tiền họ kia. Khi ấy họ sẽ bẽn lẽn thẹn thò trao cho nhà thơ độ ba, bốn trăm quan. Nhà thơ tha hồ dùng món tiền ấy mà nuôi dưỡng cả tinh thần lẫn thể xác cùng là năng thơ của mình trong đôi ba năm (thời gian cần thiết để hoàn thành một thi phẩm khác).

Còn một nhà văn, cỡ bình thường, viết được cuốn tiểu thuyết dày 250 trang, mang đi bán, được nhận in và được trả ngay cho 10⁰%, tính trên số sách ước định bán chạy là 2.000 cuốn. Hãy cho mỗi cuốn sách giá 12 quan, thì tác giả thu được 2.400 quan. Cứ giả sử là năm nào nhà văn ấy cũng hoàn tất một tác phẩm, và tác phẩm nào cũng có nơi nhận xuất bản thì lương bổng của nhà văn may mắn nọ tính ra bạc Việt Nam cũng chỉ bằng lương một anh cán bộ thấp nhất.

Bởi vậy nhà văn thường không sống nổi bằng văn. Và nhà nước Pháp quốc đã động lòng thương đặt ra ngân qui cứu trợ cho giới viết lách, nâng đỡ họ cho có phương tiện làm việc.

Còn ở Việt Nam ta thì giới viết lách chưa gây được lòng thương. Đề sản xuất lúa gạo thì được nông tín cho vay tiền, đề buôn bán làm ăn thì được

thương tín giúp đỡ v.v..., nhưng đề sản xuất ra một cuốn *Kiêu* hay cuốn *Chiến tranh và Hòa bình* thì không biết xin giúp đỡ ở đâu. Chỉ có những người thành công mới được thưởng tiền mà thôi.

Hoạt động của các ông già

Ở Pháp có những ông già thật khiếp. Sau cuốn *Balzac* đồ sộ như thế, A. Maurois bảo rằng mình không còn sức làm việc lớn nữa, nhưng những tác phẩm « lật vật » mà ông tiếp tục cho ra đời cũng đủ làm nản chí những bạn trẻ muốn thi đua với ông.

Sau cuốn *Tolstol*, ông già H. Troyat viết chưỡi một cuốn *Les Eygletières*, rồi thuận tay thảo luận một cuốn *La faim des lionceaux* nữa, tiếp theo. Cuốn nào cũng dày cộm, và cũng được dư luận văn giới chú ý, bán rất chạy.

Ông cụ J. Chardonne, tám mươi hai tuổi, sau *Demi-jour*, bảo rằng thôi viết, rồi lại buồn tay cứ viết, và mới cho ra *Propos comme ça*. Tác phẩm này, giới phê bình cũng lại khen ngợi om sòm.

Xem người gặm lại mình, ông phó Vi của hội Bút Việt bỏ đi một chữ *Cụ* trong bài thơ của Vũ Hoàng Chương gửi tặng mình là rất phải.

Ionesco tại Sài Gòn

Ionesco từ lâu đã gây một danh tiếng rộng rãi vì những kịch phẩm độc đáo. Hồi gần đây dư luận báo chí Pháp lại sôi

nổi vì các lời tuyên bố này lửa của ông ở Paris về J. P. Sartre, về tiểu thuyết mới v.v...

Đầu tháng 4-1966 này, Ionesco sẽ là chủ đề của một vài hoạt động văn hoá của Tổng lãnh sự Pháp tại Saigon.

Ngày 6-4 giáo sư André Claude Lafond diễn thuyết về Ionesco xong, ngày 12 và 13-4, ban kịch của Cercle Sportif Saigonnais lại sẽ trình diễn vở *La leçon* của Ionesco, cùng với vở *Huis Clos* của J.P. Sartre.

Động bóng chiều.

Ở trên vừa nói đến ông phó Vi hội Bút Việt. Nhà thơ Quách Tấn cũng thuộc một lớp với kịch tác gia Vi Huyền Đắc. Quách thi sĩ mới vừa cho ra đời một tập thơ : *Động bóng chiều*, tưởng nên cao rao đề ai nấy cùng biết.

Sở dĩ phải rao lớn là vì Quách thi sĩ sống xa đô thành, lâu nay xa giới văn nghệ, xa báo chí, xa những hoạt động văn nghệ xôn xao ở đây, nên nhiều người trong chúng ta gần muốn quên mất thi sĩ.

Động bóng chiều gồm ngót 110 bài, toàn là thất ngôn tứ tuyệt, gom góp lại từ 30 năm nay. Trong 30 năm ấy, người ta biết tác giả từng trải qua, từng chứng kiến và từng tham gia quốc sự, từng dự vào nhiều biến cố chính trị. Nhưng ở đây, trong thơ, không thấy có thời cuộc, chỉ

có : hoàng hôn, nhớ nhung, đợi mộng, tình thu, giấc hoa, giếng cúc, sân mạn, trăng khuya v.v...

Quách Tấn đã tránh những xô xao của thời cuộc, mà cũng nén cả những xô xao trong tình cảm. Đây là bài thơ được gọi tên *Nôn nao* :

*Sông dài bãi vắng núi chênh vênh
Chùa lảnh sau mây tiếng trống rền
Gió nước nôn nao lòng đại độ
Lạnh lùng sương xuống bóng trăng lên.*

Trừ một chữ « nôn nao » ở câu thứ ba còn lại chỉ có sông, núi, chùa, trăng, sương, gió, chỉ có cảnh đối cảnh. Tình người ở đây thực kín đáo. Kín đáo như thế, cho nên giữa cái « nôn nao » (trang 103) với cái « lảnh lẽ » (trang 102) chẳng hạn, sự khác nhau rất tế nhị.

Trong cuộc sống xô bồ náo nhiệt ngày nay, còn được bao nhiêu kẻ chịu lắng theo những cái kín đáo tế nhị của nhà thơ họ Quách ? Bóng chiều ở quanh ông e rằng sẽ vắng vẻ.

Người Ý đáng yêu

Nước Ý mới rồi có một ông bộ trưởng ngoại giao trả chức vì một câu chuyện liên quan đến vấn đề Việt Nam. Một tác giả Ý lại viết sách khen ngợi người Việt Nam (1) cảm động đến nỗi một nhà văn Việt chuyên phát huy cái hay của dân tộc Việt là Doãn Quốc Sỹ đã phải chịu rằng khen người Việt mà được như

người Ý nọ là tuyệt. (Xem *Người Việt đáng yêu*).

Do những chuyện cảm kích như thế mà chúng ta muốn biết rõ người Ý, xem họ đáng yêu đến bậc nào. Muốn thế, hãy đọc *Les Italiens* của Luigi Barzini. Sách ra đời ở Ý, bán trong hai tháng rưỡi, được 70 nghìn cuốn. Đưa qua Mỹ, được liệt vào danh sách best-sellers.

Điều lý thú nữa, là nguồn gốc cuốn sách này phát khởi từ Á đông. Nguyên năm 1937 L. Barzini qua Tàu, đọc được cuốn *Ngô quốc ngô dân* của Lâm Ngữ Đường, mê say cuốn đó, rồi nhen đấy nẩy ra ý kiến viết *Les Italiens*. Vì thế *Les Italiens* xuất thế là đề đối nhau với *Les Chinois* đấy.

Tuổi tác trong việc chọn giải văn-chương.

Về giải thưởng văn chương toàn quốc năm nay, có mấy tờ báo đã phản ánh dư luận của một số anh em văn nghệ về vấn đề tuổi tác của hội đồng tuyển trạch. Dư luận và sự lo ngại ở xứ mình cũng giống như ở các xứ khác. Nghĩa là ngại rằng hội đồng gồm nhiều người già sẽ không thông cảm, không thưởng thức được hạng trẻ.

Nhìn chung thì hội đồng tuyển trạch phần nhiều đều già, ở xứ nào cũng vậy.

(1) «Người Việt cao quý» do Hồng Cúc dịch—Cảo Thơm xuất bản.

Hàn lâm viện Pháp hàng năm có một giải Văn chương, các người chọn giải cố nhiên là các ông hàn, mà các ông hàn phải già. Tệ hơn nữa, người ta đề ý rằng từ ngày ông Emile Henriot qua đời đến nay, hàn lâm viện không còn một nhà phê bình văn học nào hết : đã già nua, lại không có tay phê bình chuyên môn, vậy mà vẫn cứ chấm, cứ chọn hưởng hồ... Mười ông hàn Goncourt cũng không trẻ trung gì. Rồi đến các bà trong giải Femina, hãy xem bức hình các bà chụp chung với Robert Pinget đăng trên các báo năm nay thì đủ hiểu, hầu hết các bà đều chỉ thường thức đàn ông được ở khía cạnh văn chương mà thôi.

Kề ra hiện tượng này cũng có lý do khả thủ : Chọn hội đồng tuyển trạch người ta nhắm vào uy tín, thành tích. Mà vào nghề văn, loay hoay cho có chút thành tích thì tuổi cao tóc bạc bao giờ không hay. Đa số là như vậy.

Nhưng vẫn có những trường hợp đặc biệt hay hay. Paul G  raldy có chân trong hội đồng giải «Grand prix de litt  rature» ở Monaco. Khi có mấy tờ báo loan tin mừng ông thọ 81 tuổi, ông gi  t mình đệ đơn xin rút lui khỏi hội đồng Giải thưởng văn chương, vì xét mình già rồi phải nhường chỗ cho một văn gia tuổi tác «mềm dẻo» hơn. (d'un   ge plus   lastique).

Lại có trường hợp một giải thưởng gọi là giải «Litt  rature», mới đặt ra năm ngo  i ở Pháp. Thành phần ban

tuyển trạch đều là hạng trẻ hết. Thế mà họ lại bị giới xuất bản công kích, bị báo chí chế giễu hoặc im lặng không nói tới. Rốt cuộc giải thưởng của họ không gây được tiếng tăm gì.

Việc văn chương quả là gian nan : Chọn ban chấm giải đã mệt rồi, nói gì tới chọn tác phẩm trúng giải.

Bản án tiền định

Nhân đăng lại bài tự biện hộ của Siniavski trước tòa án Mạc Tư Khoa vừa rồi, tạp chí *Le Figaro litt  raire* có lục đăng một bức hình năm xưa, chụp tại Perledelkino. Tại đây, khi Pasternak qua đời, có hai nhà văn trẻ, mỗi người khiêng mỗi đầu quan tài của văn hào quá cố. Nhà văn trẻ khiêng đằng đầu là Siniavski với bộ râu xồm xoàm, còn nhà văn trẻ khiêng đằng chân lại chính là... Daniel !

Thì ra Trời không những chỉ định cái ăn cái uống (nhất ẩm nhất thực) mà thôi, Trời còn định cả việc khiêng quan tài nữa. Trời định trước, các ông quan tài vô thần xử sau.

Tây với Mỹ khác nhau về tâm lý Việt Nam

Một ký giả Pháp, Fernand Gigon vừa xuất bản một cuốn sách về cuộc chiến tranh ở Việt Nam : *Les Am  ricains face au Vietcong*. Nhà báo đặt vấn đề cao siêu lắm, và chê rằng Mỹ không tài nào xoay trở được giữa những rắc rối của

Việt Nam : lý do là vì Mỹ không hiểu được tâm hồn Á Đông. « Vấn đề thực ra là sự đụng độ giữa hai nền văn minh. » To lớn thế đấy.

Theo ông F. Gigon, văn minh Mỹ thì suy lý, người Mỹ suy luận thẳng tắp : 2 với 2 là 4, còn văn minh Việt Nam thì đầy mâu thuẫn, người Việt suy luận hiểm hóc lắm, 2 với 2 có khi là 3, có khi là 5.

Nói vậy khó hiểu quá, xin đơn cử một thí dụ : Đêm Giáng sinh năm nọ một linh mục người Pháp được một phái đoàn Việt cộng đến xin cho dự lễ. Lát sau một phái đoàn Việt Nam (phía chính phủ) cũng đến xin dự lễ. Hai

bên giàn xếp với nhau, đi tới thỏa thuận : Việt Cộng dự lễ lúc 10 giờ đêm rồi rút lui, đến 12 giờ đêm cử hành lễ Giáng sinh cho dân chúng Việt Nam tự do. Lúc 10 giờ đêm Giáng sinh bên phía chính phủ đề cho Việt Cộng đến nhà thờ dự lễ rồi ra về, không nồ sủng. Người Mỹ cho rằng như thế là có sự phản bội.

Người Việt bị « mớ xẻ » dữ quá. Tâm lý Á Đông, tâm lý Việt Nam không khéo thành một huyền thoại lừa người. Xin cứ nghiên cứu kỹ thuật chiến tranh du kích cho tử tế, như vậy có lẽ thiết thực hơn.

TRANG THIÊN

Hai quyển sách về Kỹ thuật Chụp hình

★ BƯỚC ĐẦU CHỤP ẢNH

★ BƯỚC ĐẦU NHIẾP ẢNH NGHỆ THUẬT

Trước kia, «chụp hình» chỉ được liệt vào loại «giải trí» ít được phổ biến trong sách vở tại Việt Nam, phần vì không ăn khách, phần vì ắt loát tốn kém. Gần đây chân trời «chụp ảnh» được mở rộng vì nghệ thuật nhiếp ảnh được hướng về nhiều ngành ăn loát, báo chí, phóng sự, thể thao, khoa học... tóm lại nhiếp ảnh đã len lỏi vào nhiều lãnh vực từ giải trí đến nghề

nghề nghiệp.

Nhiếp ảnh gia với kỹ thuật ngày nay cần phải dung hòa lý trí cùng tâm hồn : máy ảnh vốn rất «ác» ; người ta có thể «bịp bợm» với một cây cọ, lời thơ, nhưng một bức ảnh «lỗi» sẽ không qua mắt được tay sành. Cho nên nhiếp ảnh đòi hỏi nhiều yếu tố cần thiết, thời gian, ánh sáng, máy tốt, độ phim, mức chính xác, công việc buồng tối và — yếu tố

thường bị quên lửng—tâm hồn và cái nhìn của nhà nghệ sĩ. Do đó nét sáng tạo đã là chủ yếu trong ngành nhiếp ảnh thời gian gần đây.

Sách phổ biến ngành nhiếp ảnh còn ít ỏi ngoại trừ một vài cuốn góp nhặt khô khan những sách kỹ thuật nhiếp ảnh của ngoại quốc, dạy sơ sài độ mở, nhạy sáng và ít tiêu xảo trong nghề. Tha thiết với dụng cụ vô hồn để biến chuyển thành những sáng tác linh động, mang nét sáng tạo, hai ông Cao Đàm, Cao Linh đã cho góp mặt hai tác phẩm "Bước đầu chụp ảnh" và "Bước đầu nhiếp ảnh nghệ thuật", quyền trên của Cao Đàm do Nha Tâm Lý chiến ấn hành và quyền dưới do hai tác giả soạn chung và do Màn Ảnh ấn hành.

Kỹ thuật vốn khô khan nhưng hai bạn Cao Đàm Cao Linh đã đặt nặng phần hồn bên phần kỹ thuật đề ghi

nhận những kinh nghiệm trong nghệ thuật chụp hình nhấn mạnh vào nét sáng tạo. Người đọc nuốt chửng "thuốc" kỹ thuật với chất "thang" ngọt ngào nên quên chất "đắng".

Với "Bước đầu chụp ảnh" Cao Đàm đã đưa ta vào thế giới nhiếp ảnh qua những lời chỉ dẫn cởi mở. Tiến lên nữa "Bước đầu nhiếp ảnh nghệ thuật" giúp người cầm máy đạt được những bức hình sống động, có hồn.

Cách trình bày công phu chứng tỏ do những bàn tay vốn đã quen cần thận tìm sự vừa lòng trong một "cái lắt" ở chậu thuốc. Cuốn "Bước đầu trong nghệ thuật chụp hình" đã được các tác giả cho in lại tất cả những hình dẫn chứng bằng offset, thay vì bằng typo vì hình in typo không rõ ràng chung thực.

Các bạn "ghiền" nhiếp ảnh hẳn không chịu thiếu hai quyển sách nói trên.

Q.T.

Nhấn tin : T.S. Bách Khoa cần gấp gấp Đ.U. Nguyễn Ái Lữ.

CÁO LỖI

Trong số này vì sơ xuất của Tòa soạn, nên trên bìa và mục lục đều in thiếu bài diễm sách « MUỖI NGÀY PHÉP CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH » của Lữ-Phương, trang 71.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả và tác giả bài diễm sách trên đây.

Tòa soạn B. K. T. Đ.

K.D số 811 / BTCL / ngày 12-4-66

Sáng Lập : HUỖNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

MƯỜI NĂM HẠ BỆ STALINE

Từ Đại Hội Cộng sản Nga số kỳ XX (1956)
đến Đại Hội Cộng sản Nga số kỳ XXIII (1966)

Những biên chuyển sâu đậm trong chính tình Nga số

• ĐÀO-QUANG-HUY

Trong phiên họp bế mạc đại hội kỳ XX, tổ chức tại Điện Cẩm Linh sáng ngày 25 tháng 2 năm 1956, 61 phái đoàn Cộng Sản Thế giới (1) họp bế môn (kín) để nghe Nikita Khrouchtchev lên án cố lãnh tụ Statine. Kể từ nhật kỳ lịch sử này, đường lối xây dựng Xã hội chủ nghĩa Xô viết được lái theo một hướng mới. Lộ trình tính ra đã trọn 10 năm. Lược bỏ các đoạn quanh co khúc khuỷu cũng như đùng đề bụi đường đánh lừa thị giác, mà chỉ căn cứ vào những bước chân còn đậm vết, ta hãy thử tìm xem xã hội Xô viết đang đi về đâu ?

Staline chết chưa đầy 5 tháng, ngày 4-7-1953, trong một phiên họp công khai, Mikoyan đã nặng lời thóa mạ chủ trương mà ông cho là kìm kẹp giới trí thức của cựu chế Jô, đồng thời yêu cầu hủy bỏ toàn bộ các kế hoạch liên quan tới chương trình thám hiểm không gian do cố lãnh tụ phác họa. Kể từ tháng 6 năm 1954 nhiều huyền thoại về Staline được

tung ra theo kế hoạch đả phá chủ nghĩa tôn sùng cá nhân. Sáo trộn xảy ra tại nhiều nơi Poznan, Budapest, Đông Đức... Lavrenti Béria bị hạ bệ, cơ quan mật vụ N.K.V.D. bị giải tán. Khrouchtchev viếng thăm Hoa kỳ rồi mặc dù vụ U2 (Phi cơ Hoa kỳ bị bắn rớt khi đang bay trong không phận Nga số để chụp hình các vị trí cơ mật) các hiệp ước song phương hợp tác khoa học và kỹ thuật giữa Nga số và Hoa Kỳ được ký kết. Nhưng cho tới đầu năm 1956, vai trò lãnh đạo thế giới Cộng Sản của Nga Xô vẫn còn nguyên vẹn uy tín.

Sau Đại Hội kỳ XX, thế giới Cộng Sản, một khối được coi như thuần nhất, để lộ dần dần những vết rạn nứt. Cuộc đấu lý sôi nổi giữa các nhà lãnh đạo

(1) Hiện diện có cả Phái đoàn Trung Hoa do Mao Trạch Đông hướng dẫn, phái đoàn An-Ba-Ni do Enver Hodja hướng dẫn. Trong Đại Hội kỳ XXIII, hai quốc gia này không gửi đại biểu tới tham dự.

Trung Hoa và An-Ba-Ni, một phía với phe nhóm Krouchtchev phía kia (2), càng ngày càng khơi sâu thêm hố chia rẽ. Lắng nghe tiếng chuông vọng lại cả từ hai phía, đã nhiều lần người ta phải tự hỏi Nga Xô hay Trung Cộng bên nào đi đúng đường lối Mác-Lê?

Mười năm trôi qua, bao nhiêu cố gắng hàn gắn thấy đều thất bại(3) trên bình diện quốc tế, cuộc khủng hoảng đã thay đổi tính chất và trọng tâm: Từ cuộc chiến tranh lạnh bao trùm vấn đề giải giới Bá Linh, cuộc khủng hoảng được hâm nóng thành một cuộc xung đột võ trang thực sự tại Việt Nam. Chiến cuộc này rồi đây sẽ do Nga Xô hay Trung Cộng đương đầu? Trên bình diện quốc nội hầu hết các nhà cầm quyền trước đây thuộc giới chính trị lão thành như Krouchtchev: Molotov, Sabourov, Pervoukhine, Boulganine, Vorochilov, Kiritchenko đều lần lượt bị hạ bệ. Mới đây, Mikoyan từ chức. Sáu nhân vật quan trọng trong Chủ tịch đoàn (Prea-

sidium): Joukov, Moukhitdinov, Chepilov, Fourtseva, Chvertnik bị loại ra khỏi Bộ Chính trị của Trung Ương Đảng. Các nhân vật có ảnh hưởng thực sự đến đường lối lãnh đạo Liên bang Xô viết ngày nay là Libermann, Trapeznikov, Atlas (ba giáo sư ngành kinh tế học), Voujouline, kỹ sư canh nông) cùng với nhiều bác học chuyên viên và kỹ thuật gia khác. Đó là giới học-giả, những người trước đây, không bao giờ được có tiếng nói trong các vấn đề lãnh đạo chính trị tại Liên bang Nga Xô viết cũng như tại các quốc gia Cộng Sản khác.

Chính tình Liên bang Xô viết đã ghi nhận nhiều biến chuyển sâu đậm, những đổi thay trong ý thức hệ cũng như những đổi thay trong đường lối lãnh đạo và trong các kế hoạch dự trù. Trước khi tìm hiểu thực trạng và ý nghĩa của những đổi thay, ta hãy đi ngược dòng thời gian, quan sát những biến cố chủ yếu trong ba đại-hội Cộng Sản Quốc tế trước đây.

I. — HỒI CỨU : NHỮNG BƯỚC ĐI CÒN ĐẠM VẾT

Đệ nhị thế chiến kết liễu thuận lợi cho Nga Xô. Staline, nhà lãnh đạo đương thời gặp được ưu thế và môi trường đề bành trướng ảnh hưởng. Số quốc gia tân lập theo chủ nghĩa Mác-Lê, gia tăng một cách mau lẹ. Lãnh thổ Nga rộng thêm được hàng trăm dặm vuông. Giải đất lọt vào phạm vi ảnh hưởng của Nga Xô cũng được mở rộng thêm trên cả 5 lục địa. Staline củng cố quyền hành và địa-vị. Cơ-quan mật-vụ N.K.V.D. thành lập từ thời tiền chiến tìm được cơ-hội phát triển và kiện toàn hàng

ngũ ở trong nước cũng như ở hải ngoại.

Tham vọng được thời thế thỏa mãn,

(2) Cuộc khủng hoảng Nga - Hoa khởi diễn ngay từ Đại Hội kỳ XX. Thế giới không Cộng sản thực sự chỉ biết cuộc khủng hoảng này và biết một cách chắc chắn và rõ rệt kể từ Đại Hội kỳ XXII.

(3) Theo Thế Giới Thời Báo « Die Welt » xuất bản tại Hambourg, thì bức công-hàm do Trung-Ương Cộng-Sản Trung-Hoa gửi ban Chủ Tịch Cộng Sản Nga Xô vào trước ngày khai hội kỳ XXIII báo hiệu một đồ vớ hoàn toàn trong mối bang giao Nga-Hoa.

Staline không nghĩ đến việc triệu tập Đại-hội Cộng-sản như cựu-lệ.

Vào đầu tháng 10 năm 1952, khi cảm thấy sức lực của mình mòn mỏi, Staline ra chỉ thị triệu-tập Đại-hội kỳ XIX. Đại-hội kỳ này cách đại-hội kỳ XVIII 13 năm có lẽ. Trong Đại-hội kỳ XIX, Tổng bí thư Đảng Cộng-sản Nga, Staline, vì lý do mệt mỏi, đã ủy thác Malenkov tuyên đọc bản tường trình về các thành tích và kế-hoạch dự trù.

Điểm quan yếu nhất trong bản tường trình là kế hoạch quốc-doanh-hóa các hợp-doanh nông-trại (tức là tiếp tục biến dần các hợp doanh nông trại kol-kozets thành quốc doanh nông trại Sov-khozes). Điểm quan yếu này, thực ra đã được Staline trình bày đầy đủ trong tập « Các vấn-đề kinh-tế dưới chế độ Xã-hội tại Nga xô » xô xuất bản trước ngày đại-hội khai mạc.

Đổi thay quan trọng nhất được thực hiện trong Đại-hội kỳ XIX là việc thay thế Bộ chính trị (Politburo) bằng Chủ tịch đoàn (Preasidium) mở rộng gồm 25 nhân vật chính thức và 11 nhân vật phụ khuyết. Đây là cơ cấu đầu não không những của Nga xô mà của cả thế-giới Cộng sản.

Ba tháng sau, Staline tạ thế. Chế độ Staline không Staline còn tiếp diễn cho tới ngày 25-2-1956. Tới nhật kỳ này, Nga xô tiến theo một hướng đi khác lạ. Muốn tiến đã được đánh dấu bằng ba

Đại hội : Đại hội kỳ XX, kỳ XXI và kỳ XXII.

A. Đại-hội kỳ XX.

(từ 14 đến 25-2 1956).

Đại-hội kỳ XX được lịch-sử tặng cho danh hiệu : Đại-hội hạ bộ Staline. Như trên đã trình bày, phong trào hạ bộ Staline, thực ra đã khởi diễn ngay sau khi nhà độc tài này mất phần. Tuy nhiên trong khoảng thời gian 1952-1956, luận điệu bài bác Staline còn rụt dè và chỉ có tính cách phê phán. Một đặc điểm khác là phong trào này dường như xuất phát từ Prague, Poznan, Budapest hơn là tại Mạc-Tư-Khoa. Sở dĩ như vậy là vì ở các quốc-gia tân-lập, nanh vuốt của cơ quan mật vụ N.K.V.D. ít bén nhọn, màng lưới tình báo lại thưa hơn, còn tại Nga-sô các đồng chí thân cận của Staline khi ấy còn ngồi yên vị trong điện Cẩm Linh.

Suốt trong khoảng thời gian 19-2-1956, dư luận quần chúng thường bàn tán đến một số « tội ác » của Staline, nhưng câu chuyện qua lại, khi ấy mới chỉ có tính cách huyền-thoại, không được xác nhận mà cũng chẳng được phủ nhận. Một vài nạn nhân của Staline được phóng thích, tuy nhiên quần chúng chưa biết đích xác là những ai đã được trả tự do và cũng chưa được nghe chính những kẻ ấy trưng ra những bằng chứng buộc tội.

Trước thái độ im lặng của chính quyền khi ấy, người dân Nga-sô chỉ còn biết nghĩ rằng trong lúc nắm quyền

sinh sát trong tay, Staline có thể phạm một vài lần nữa, một vài lần nữa nhỏ mọn vì đối tượng và nạn nhân chỉ là một thiểu số cá nhân. Dù sao chẳng nữa, Staline đã làm trọn sứ mạng dẫn dắt thế giới Cộng-sản cho tới khi trút hơi thở cuối cùng (mặc dù cái chết của ông không có vẻ một cái chết êm ả và với công ơn đó, ông vẫn xứng danh là lãnh tụ).

Trong các phiên họp công khai của đại hội kỳ XX, Mikoyan công khai đả kích Staline. Qua những lời lẽ trình bày, Mikoyan cho cử tọa thấy rằng những công trình của Staline trước đây chẳng giúp ích được gì cho Đảng và nhân dân Nga. Mikoyan đặc biệt lên án chủ trương tôn sùng cá nhân của Staline. Trưng ra những bằng chứng cụ thể và trình bày các luận cứ vững chắc, Mikoyan kết luận là chủ trương tôn sùng cá nhân không phù hợp với chủ nghĩa Mác-Lê và ngăn cản đà tiến của Xã-hội Chủ nghĩa.

Tiếp lời Mikoyan, Kaguovitch tuyên bố rằng chủ-trương tôn sùng cá nhân gán cho Staline, thực ra là một vấn-đề vô cùng phức tạp. Ông yêu cầu mọi người nên hết sức thận trọng trong luận-điều đả kích Staline.

Bài diễn văn do Krouchtchev đọc trong phiên nhóm bế môn sáng ngày 25-2-1956, chính thức mở màn cho mặt trận hạ bệ Staline. Trong suốt 3 giờ, Krouchtchev tố giác nhiều hành vi bí mật và bỉ ổi do Staline và bọn thân cận đề làm hoặc toan làm, cùng những chuỗi

hậu quả dây-truyền của các hành vi này, khiến cho đảng và nhà nước Nga sở chịu nhiều thiệt thòi về danh dự cũng như về vật chất.

Nhóm chính-trị-gia đả kích Staline, thấy đều là các nhà hùng biện đại tài : Mikoyan, Malenkov, Boulganine, Joukov, Vorochilov, tiếp sức với Krouchtchev đề kiện toàn sứ mạng. Không khí ngột ngạt bao trùm cử-tọa, cuối cùng một quyết nghị lên án chủ nghĩa Staline được toàn thể hội nghị thông qua. Chủ nghĩa xét lại chính thức được đề cập. Nhóm người lãnh-đạo Nga sở thảo luận về cách thức hủy diệt hoàn toàn phần uy tín còn lại của Staline cũng như dự-trù các phương kế sao cho mọi mưu toan tôn sùng cá-nhân, không thể còn tái diễn được nữa. Phương thức tập-trung quyền hành trong tay một nhân vật bị loại bỏ hẳn. Việc lãnh-đạo đảng và nhân dân triệt để theo phương thức tập đoàn chỉ huy.

Tuy vậy, trong đại-hội kỳ XX, nhóm hạ bệ Staline chưa nắm trọn được quyền hành. Thành phần chủ tịch đoàn không thay đổi, 25 nhân vật chính thức do Staline đề cử trước kia vẫn còn được đại hội tín nhiệm. Nhóm Krouchtchev chỉ đặt được một số tay chân vào các chức vụ phụ khuyết. Đề phòng chế-độ Staline hồi sinh, nhóm Krouchtchev, phải nỗ lực nhiều lắm mới chiếm được đa số ghế trong ban Bí thư Trung-ương đảng-bộ.

Một năm sau (tháng 2 năm 1957) nhân một vụ khủng-hoảng chính-trị nội-bộ trong chủ tịch đoàn, Krouchtchev bị đặt vào thế thiểu-số. Dùng quyền

hành của mình, ông loại bỏ trên 10 kẻ đối lập ra khỏi chủ tịch đoàn và thay thế bằng những tay chân của ông trước đây ở các chức vụ phụ khuyết. Ông lên án những kẻ chống đối ông là tìm cách ngăn cản không cho chủ-tịch-đoàn thực hiện các quyết nghị của đại-hội kỳ XX.

B. Đại-Hội kỳ XXI.

(từ 7/1 đến 5/2/1959)

Trên giấy tờ, Krouchtchev triệu tập Đại-hội kỳ XXI là để thông qua dự án 7 năm về kinh tế của Nga xô, nhưng trong thâm-tâm, ông muốn lợi dụng đại hội kỳ này để thanh toán dứt khoát mấy kẻ đối-lập.

Chương-trình nghị-sự chỉ ghi các khoản liên-hệ đến dự án kinh tế 7 năm. Tuy vậy, trong các phiên nhóm đầu lấy có tường-trình các thành-tích, Krouchtchev đã công nhiên đề-cập đến vụ phá hoại tại Leningrad. Viên thị-trưởng Leningrad, ông Spiridonov xuất hiện giữa hội-ng nghị một cách đột ngột và trình bày tường tận vụ phá hoại. Nêu ra những tài-liệu mật và không mật, ông qui trách nhiệm vào một số nhân-vật. Pervoukhine, Sabourov và kể cả Boulganine đều bị buộc phải công-khai nhìn nhận các lầm lỗi. Molotov, Malenkov, Kaganovitch bị lên án nặng nề. Krouchtchev yêu cầu chủ-tịch-đoàn xác nhận tội chống đảng của cả bọn.

Kết quả không được như ý muốn của Krouchtchev. Chủ-tịch-đoàn chịu ảnh-hưởng của các ông Mikoyan và Kosyguine, tuyên nhận có những lầm lẫn về phía các bị cáo nhưng từ chối không chịu tuyên phạt với lý-do là vấn-đề không

được ghi trong chương trình nghị-sự.

Trước đây, dưới trào Staline, đại-hội đã từng quyết nghị các vấn-đề mà không ghi trước trong chương - trình nghị sự, nhưng Krouchtchev lúc này chưa thể có uy lực của Staline ngày trước. Mặt khác người ta tự hỏi, nếu như ghi vấn-đề vào chương trình nghị-sự, liệu Krouchtchev có được đối-phương đề yên trong chức vụ cho tới ngày đại hội khai mạc không.

Rốt cuộc, đại hội kỳ XXI đã làm phí nhiều thời gian mà chỉ đem lại một kết quả duy nhất : thông qua dự án kế-hoạch 7 năm.

Tuy nhiên, bên lề đại hội, người ta đã lờ mờ cảm thấy mối bất bình của Trung Cộng và An-Ba-Ni. Chưa ai lên tiếng phản-đối chủ-trương chung sống hòa-bình của Krouchtchev, nhưng uy tín của ông này dường như thấp dần, thấp dần sau mỗi lần ông công du Mỹ-Quốc. Kịp tới vụ Cuba, uy-thế của Krouchtchev chẳng còn lại bao nhiêu.

C. Đại-Hội kỳ XXII,

(từ 7 đến 31/10/1961)

Đại Hội kỳ XXII là một đại hội thuần túy chính trị. Chương trình nghị sự ghi nhận nhiều đề mục quan trọng trong đó có vấn đề tu chỉnh nội qui của chủ tịch đoàn theo đó, nhân viên trọng Trung ương đảng bộ không thể được tái cử quá ba lần trừ phi, nếu được 3/4 phiếu kín tín nhiệm. Thâm ý của điều tu chỉnh này là loại bỏ các nhân vật kỳ cựu vốn ít nhiều có thiện cảm với Staline.

Trong diễn văn khai mạc Hội nghị, Krouchtchev, một lần nữa, đề cập đến các tội ác của Staline, tố giác những hoạt động của nhóm người muốn khôi phục chế độ Staline, đưa ra các bằng chứng buộc tội Thống chế Vorochilov dính líu vào vụ âm mưu 1957 (Vụ án Léninograd), hạch tội những người cố tình ngăn cản không cho ông thi hành các quyết nghị của đại hội kỳ XX.

Lần này, Krouchtchev bài xích bằng những lời lẽ vô cùng nghiêm khắc, đó là nhờ có cánh tay mặt của ông, Chelepine, đang nắm giữ ghế chủ tịch Ủy ban An ninh Liên bang.

Bản tường trình mật năm 1956 một lần nữa lại được công khai tuyên đọc. Phái đoàn An-ba-ni bị Krouchtchev phỉ báng nặng nề.

Xung khắc Nga-Hoa bùng nổ vào đúng lúc này.

Trong phiên họp công khai ngày 23-10-1961, Chu Ân Lai, trưởng phái đoàn Trung Hoa lên diễn đàn và nặng lời chỉ trích Krouchtchev. Ông nói Krouchtchev không phải là một con người Mác Lê đứng đắn. Dem công bố những mâu thuẫn giữa Nga Sô và An Ba Ni, Krouchtchev làm hành động của kẻ mở áo cho người xem lưng, cố gắng hiển cho kẻ thù cơ hội để phá hoại mối đồng tâm nhất trí của thế giới Xã hội Chủ nghĩa, buộc tội Krouchtchev khiếm nhục trước đế quốc Mỹ và phản bội đồng minh.

Sau bài diễn văn này lửa, họ Chu tức khắc rời bỏ Mạc tư Khoa mặc dù Đại

Hội kỳ XXII chưa bế mạc. Trước khi từ giã đất Nga, phái đoàn Trung Cộng đã tới đặt hoa và tưởng niệm trước mồ Staline.

Trong đại hội kỳ XXII nhóm hạ bộ Staline nắm được ưu thế. Mặc dầu có sự phản đối của hai phái đoàn Trung Cộng và An-ba-ni, đại hội vẫn tiếp tục và nhiều quyết nghị bài xích Staline đã được chấp thuận. Thi hài của Staline bị đưa ra khỏi lăng Lênine. Thành phố Stalingrad bị đổi tên và một đài tưởng niệm được dựng lên tại đây để ghi tên những nạn nhân của cựu chế độ Staline.

Tuy vậy, sau cuộc bầu cử Chủ tịch đoàn theo tân qui chế, trái ngược với các dự tính của Krouchtchev, đa số các nhân vật kỳ cựu vẫn còn được tín nhiệm, những người bị loại bỏ và thay thế, phần lớn lại thuộc phe nhóm đã hạ bộ Staline từ trước.

Sau đó đến lượt Krouchtchev bị lật đổ nốt.

Đại hội kỳ XXIII này tiếp tục hạ bộ Staline và trung thành với chủ trương chung sống hòa bình của Krouchtchev hay khôi phục uy tín của Staline và tích cực tiêu diệt chế độ tư bản ? Lời giải đáp có một tầm mức vô cùng quan trọng cho tương lai thế giới, chúng tôi sẽ trình bày trong số tới đây.

(còn 1 kỳ)

ĐÀO QUANG DUY

Kỳ tới : THỰC TẠI : ĐẠI HỘI CỘNG SẢN QUỐC TẾ KỶ XXIII